

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 13)

Phẩm 166: Nhị thiên

Diệt các giác quán, nội tịnh nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, vào đệ nhị thiên.

Hỏi: Nếu đệ nhị thiên nói diệt giác quán, thì phải biết sơ thiên chắc có giác quán, như trong nhị thiên có hỷ, và tam thiên nói diệt hỷ?

Đáp: Như trong sơ thiên không có khổ căn, cũng nói khổ căn, đệ nhị thiên diệt cái này cũng như vậy.

Hỏi: Trong sơ thiên tuy không khổ căn mà có các thức. Các thức là chỗ nương của khổ căn. Cho nên nói sơ thiên khổ căn không diệt?

Đáp: Trong sơ thiên tuy có các thức, nhưng không phải chỗ nương của khổ căn.

Hỏi: Tính 5 thức là chỗ nương của khổ căn, vì tính đồng cho nên nói sơ thiên có khổ?

Đáp: Nếu như vậy, ưu căn từ tính ý thức sinh, nên phải nói tất cả chỗ đều có?

Hỏi: Nay vì sao nói trong nhị thiên khổ căn diệt?

Đáp: Sơ thiền gần tâm bất định. Người tâm bất định hay sinh là các thức trói buộc ở cõi Dục, trong đó sinh khổ căn, cho nên không nói sơ thiền khổ diệt.

Hỏi: Nếu vậy sơ thiền cũng gần ưu căn. Ưu căn này cũng phải nói như đệ nhị, đệ tam thiền diệt?

Đáp: Nương dục ưu căn, do nương dục hỷ sinh, được tịnh thì hỷ, bất tịnh thì hỷ diệt. Cho nên trong sơ thiền không có ưu căn. Nương bất định sinh khổ căn. Sơ thiền gần tán tâm, nên không gọi là diệt.

Lại như tam thiền không khổ, mà cũng nói dứt khổ lạc mới vào tứ thiền. Điều này cũng vậy.

Lại hành giả trong sơ thiền, định chưa đầy đủ, thường bị giác quán làm loạn, cho nên nói nhị thiền diệt các giác quán.

Nội tịnh là nhị thiền nhiếp tâm sâu, nên tán loạn không vào được. Vì trong không loạn tâm gọi là nội tịnh. Thể của nhị thiền nhất tâm này không giác không quán, tức nhất tâm là tâm hành nhất đạo, cũng gọi là thiền, tức là nội tịnh. Được định sâu này nên giác quán không sinh, không phải như sơ thiền tâm số ở giác quán, cho nên nói không giác không quán.

Định sinh hỷ lạc là sơ thiền vì lìa nên được hỷ. Trong đây định thành tựu nên được hỷ, cho nên gọi là định sinh.

Hỏi: Hỷ trong sơ thiền và hỷ trong nhị thiền có gì khác nhau?

Đáp: Sơ thiên do diệt ưu nên hỷ. Nhị thiên diệt khổ nên hỷ. Lại hỷ trong sơ thiên trái với hỷ bất tịnh mà được, hỷ trong nhị thiên trái với hỷ tịnh mà được. Tuy đều bởi ái nhân duyên nên được hỷ, mà hỷ sơ thiên yếu ớt.

Hỏi: Nghĩa như vậy là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Đều là hữu lậu, vì có ngã tâm là có hỷ.

Hỏi: Vô lậu không có hỷ, điều này không đúng. Trong 7 giác, Phật nói hỷ giác phần. Giác phần chỉ là vô lậu. Cho nên biết có hỷ vô lậu.

Lại trong kinh nói: Người có tâm hỷ, thân được khoan khoái. Thân khoái thì thụ lạc. Nếu không có hỷ vô lậu thì cũng không có khoái lạc vô lậu.

Lại Phật thấy chúng Tăng tu sâu pháp thiện thì sinh hoan hỷ. Cho nên biết có hỷ vô lậu?

Đáp: Ông lấy 7 giác chứng minh hỷ vô lậu. Điều này không đúng. Giác phần có 2 thứ: hữu lậu và vô lậu. Như trong kinh nói: Hành giả khi nghe pháp có thể dứt 5 thứ ngăn che. Tu 7 giác phần, giác gọi là trí vô học, nếu vì giác tu các pháp bất tịnh v.v... , đều gọi là giác phần thì ông nói cũng không nên có khoái vô lậu. Trước sinh hỷ, sau được vô lậu, nghĩa là như thật tri kiến.

Lại không phải tất cả khoái đều do hỷ sinh, như tam thiên trở lên không hỷ cũng không khoái.

Lại chúng tôi không nói là trí riêng có thụ pháp. Trí vô lậu này mới đến tại tâm, nói là vui, cho nên có vui vô lậu, chỉ không do hỷ sinh.

Lại trong kinh nói: Trừ bỏ thân tâm thô nặng gọi là khoái. Khi được vô lậu thân tâm điều hòa cho nên có khoái vô lậu. Lại Phật thường hành tâm xả, cho nên nói Phật có hỷ. Điều này cần nói rõ.

Lại nếu người không ngã và ngã sở thì không hỷ. Nếu A-la-hán có hỷ, thì cũng có ưu, mà thật không có ưu, nên biết không có hỷ.

Hỏi: Như sơ thiên nhị thiên có hỷ không ưu, La-hán cũng vậy, có hỷ không ưu, có lỗi gì không?

Đáp: Trong các thiên định có ưu, như trong căn nghĩa nói: Ưu hỷ cho đến cõi Hữu Đánh, khổ vui tùy thân cho đến tứ thiên.

Lại trong Thú tam thiên nói: Ly hỷ hành xả. Cho nên biết không có hỷ vô lậu. Nếu có, thì sao nói lìa?

Lại tâm vô lậu không nên có hỷ. Vì hỷ đều dựa vào giả danh, tướng phân biệt.

Hỏi: Nếu vậy thì sơ thiên nhị thiên không có thụ vô

Trong kinh nói: Sơ thiên nhị thiên chỉ có hỷ, chưa có tâm lạc. Hỷ này cũng không do đâu mà có?

Đáp: Hỷ này và lìa hỷ này không nói là thiên vô lậu. Mà lại có kinh nói là thiên vô lậu. Như là hành giả do tướng nào, duyên nào, vào sơ thiên, không nghĩ tướng đó, duyên đó, chỉ quán trong sơ thiên có bao nhiêu sắc, thụ, tướng, hành và thức, đều như bệnh hoạn như ung nhọt, cho đến vô ngã.

Hỏi: Như bệnh hoạn, như ung nhọt, như tên bắn đau nhức, 4 điều này là thế gian hành, không phải vô lậu. Cho

nên ông đem kinh đó để chứng minh, không thể thành lập được vô lậu?

Đáp: Bốn hành này đều là tên khác của khổ, nên gọi vô lậu.

Hỏi: Học nhân cũng không có hỷ vô lậu sao?

Đáp: Nếu tâm tại đạo, thì bây giờ không có hỷ, mà tại tục thì có. Bậc vô học thường không có.

Hỏi: Trong kinh nói nhờ tâm hỷ lạc có thể được 4 đế. Sao nói không có hỷ vô lậu?

Đáp: Tâm vô ngã tức là lạc. Hành giả được tâm vô ngã, phá hoại điên đảo, biết chân thật nên tâm được khoái lạc chứ không riêng có hỷ.

Lại kinh này nói rõ không dùng hỷ mà có thể được thật trí, nên mới nói như vậy.

Phẩm 167: Tam thiên

Lìa hỷ, tu xả, nhớ nghĩ, an tuệ, thụ thân lạc. Cái này Thánh nhân cũng nói, cũng xả nghĩ nhớ, tu lạc ^{nhệ} đệ tam thiên.

Hỏi: Vì sao lìa hỷ?

Đáp: Hành giả thấy hỷ có thể trôi nổi lên lìa.

Lại hỷ này do tướng phân biệt sinh. Tướng động chuyển của hỷ từ đầu đến giờ khổ thường đeo bám, cho nên lìa.

Lại hành giả được tịch diệt tam thiên nên xả nhị thiên.

Lại từ hỷ sinh lạc thì cạn, mà lia hỷ sinh lạc thì sâu, như người đối với vợ con v.v... không thể thường hỷ. Vì hỷ từ tướng phân biệt sin, còn lạc không từ tướng phân biệt sinh nên có thể thường có. Hành giả cũng vậy, hỷ mới đến thì lấy làm vui, sau thì chán lia.

Hỏi: Như người bị nóng bức, thì cho lạnh là vui. Hành giả vì khổ nào đó bức bách, nên lấy tam thiên làm vui?

Đáp: Trong nhị thiên, hỷ là tướng phát động, như gai góc, hành giả bị hỷ này bức bách, nên ở trong định không có hỷ sinh tâm vui.

Hỏi: Tùy có khổ nóng thì lấy lạnh làm vui, nếu được lia nóng thì lạnh không vui. Hành giả, nếu đã lia hỷ, vì sao trong tam thiên còn sinh tâm vui?

Đáp: Sinh vui có 2 thú: Hoặc bởi còn khổ, như có khổ nóng thì lấy lạnh làm vui, hoặc bởi lia khổ, như lia người oán ghét. Như Phật lia Tì-kheo Câu-xá-di nói: Ta an vui. Điều này cũng vậy, được lia động tướng nên trong tam thiên sinh vui, như lia 5 dục nên lấy sơ thiên làm vui.

Tu xả là vì lia hỷ nên tâm được tịch diệt. Hành giả trước kia sâu đắm tâm hỷ, nhiều tán loạn. Nay được lia nên tâm đó được tịch diệt, cho nên nói tu xả.

Nhớ nghĩ, an tuệ là đối với lỗi trong hỷ, 2 pháp này thường sẵn sàng không cho hỷ đến phá rối.

Lại nhớ nghĩ là nhớ nghĩ hỷ, an tuệ, thấy lỗi trong hỷ.

Thụ thân vui là lia hỷ, tu xả. Xả tức là vui, vì không vọng động tìm cầu. Cái vui này không do tướng phân biệt sinh, nên gọi là thân thụ vui.

Thánh nhân cũng nói cũng xả, nghĩa là nói là tùy theo người đời, nên nói gọi là vui. Như nói tâm phi tướng phi phi tướng xứ không tham đắm nên xả.

Nghĩ nhớ tu vui, là người này biết xả, nghĩa là thấy lỗi của hỷ mà sinh chán lìa, nên được cái xả vi diệu.

Lại nghĩ nhớ cũng vi diệu, nghĩa là có thể nhớ lỗi của hỷ. Trong đó cũng nên nói an tuệ với nghĩ đồng hành nên không nói riêng.

Lạc, là vui đệ nhất. Cho nên Thánh nhân cũng nói cũng xả.

Hỏi: Trong tam thiên có thụ vui, vì sao nói xả vui?

Đáp: Trong luận này tôi không nói lìa thụ riêng có xả vui. Thụ vui tức là xả vui.

Hỏi: Nếu vậy trong đệ tứ thiên nên nói thụ vui, vì có xả?

Đáp: Tôi nói tứ thiên cũng có thụ vui chỉ vì diệt vui đệ tam thiên nên nói như vậy.

Hỏi: Nếu đều là thụ vui, vì sao sơ thiên nhị thiên gọi hỷ, mà tam thiên gọi lạc?

Đáp: Vì tướng phân biệt nên gọi hỷ, không tướng phân biệt nên gọi lạc. Hành giả trong đệ tam thiên tâm chuyển nhiếp nên không có tướng phân biệt nên gọi là lạc.

Lại vì được tịch diệt tam thiên chuyển sâu nên gọi là lạc. Như nói tâm động tìm cầu Thánh nhân gọi đó là khổ. Động là phân biệt, nói đây là lạc.

Phẩm 168: Tứ thiên

Dứt trừ khổ, vui, trước diệt ưu, hỷ, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh vào đệ tứ thiên.

Hỏi: Nếu trước dứt khổ, vì sao ở trong đây mới nói? Nếu quyết muốn nói nên nói trước dứt, như trước diệt ưu hỷ?

Đáp: Tứ thiên gọi là bất động. Vì muốn thành tướng bất động này nên mới nói không 4 thứ thụ. Bởi vì sao? Vì động là phát động. Hành giả bị khổ vui xâm lấn thì tâm động. Tâm động thì sinh tham giận, nên phải dứt khổ vui, khiến tâm không động.

Hỏi: Nếu đệ tứ thiên thụ lợi ích rất lớn, Vì sao không gọi là vui?

Đáp: Thụ này tịch diệt, nên nói không khổ không vui. Tùy tâm niệm biết đây là vui thì gọi là vui. Được đệ tứ thiên là vui tam thiên, nên không cho là vui.

Xả niệm thanh tịnh là trong đây xả thanh tịnh, vì không cầu. Tam thiên có cầu, cho đó là vui.

Lại trong thiên này niệm cũng thanh tịnh. Bởi vì sao? Vì trong tam thiên đắm vui nên nghĩ nhớ tán loạn. Đến Tứ thiên vì dứt tham vui, nên nghĩ nhớ thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao tứ thiên không nói an tuệ?

Đáp: Nếu nghĩ nhớ thanh tịnh, phải biết là đã nói an tuệ rồi, vì 2 pháp này không lìa nhau.

Lại đây là đạo thiên định, không phải đạo trí tuệ. An tuệ là tuệ, nên không nói. Trong phần sau của đệ tam

thiền cũng không nói an tuệ, chỉ nói vui hành xả nghĩ nhớ, mà không nói vui hành xả niệm tuệ.

Lại nghĩ nhớ này có thể thành thiền định, nếu người khi định chưa thành cần phải lấy tướng nghĩ nhớ là có thể thành, vì vậy được nói riêng.

Lại được thượng công đức, xả hạ công đức, không cần suy nghĩ, nên không nói tuệ.

Hỏi: Thụ không khổ không vui là vô minh phần, trong Tứ thiền phần nhiều trái nhau với tuệ, nên không nói tuệ?

Đáp: Nếu vậy, thụ không khổ không vui lẽ ra không phải là vô lậu? Thụ vui là tham phần cho nên cũng không vô lậu.

Hỏi: Trong tam thiền vì lỗi trái với tự địa nên nói an tuệ, vì trái với lỗi tha địa nên nói nghĩ nhớ. Tứ thiền tự địa không lỗi như vậy, nên không nói an tuệ?

Đáp: Tứ thiền cũng có các lỗi tham v.v... nên phải nói an tuệ, trong đó lỗi tham vi tế khó biết, nên ắt cần phải nói. Trong các địa khác cũng nên nói mà không nói. Nên biết phải đáp như tôi.

Hỏi: Vì sao, tứ thiền diệt hơi thở ra vào?

Đáp: Hơi thở nương thân tâm. Làm sao biết được? Tùy khi tâm yếu, hơi thở cũng yếu. Tứ thiền tâm không động, nên hơi thở ra vào diệt.

Lại như người mỏi mệt, nếu gánh gánh nặng lên núi thì thở hơi mạnh, mà khi nghỉ thì hơi thở yếu. Tứ thiền cũng như vậy, vì không tướng động, tâm ngừng nghỉ, nên

hơi thở ra vào diệt. Có người nói hành giả được tứ thiên, nên bít các lỗ chân lông nơi thân tứ đại, cho nên hơi thở dứt. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì uống ăn mồ hôi chảy khắp cả mình thân, nếu các lỗ chân lông bít lẽ ra không chảy được? Mà thật không phải. Nên biết tâm lục tứ thiên có thể khiến hơi thở diệt.

Hỏi: Trong Tứ thiên không lạc thụ; trong đó làm sao có ái sử? Vì trong kinh nói trong lạc thụ có ái sử?

Đáp: Trong đó có tế lạc thụ, chỉ dứt thô lạc, nên mới nói không khổ không vui, như gió xao ngọn đèn, nếu đèn để trong nhà kín thì không gọi xao động, trong đó chắc có chút gió nhẹ, nhưng gió không mạnh nên không động. Tứ thiên cũng vậy. Chắc có chút vui, nhưng vì dứt khổ vui thô bạo nên gọi không khổ không vui.

Phẩm 169: Vô biên hư không xứ

Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tướng hữu đối, không nghĩ tất cả tướng gì khác, vào vô biên hư không xứ.

Sắc tướng: là tướng sắc, hương, vị và xúc. Vì sao hành giả phải vượt qua? Vì trong sắc đó có đối có ngại và các tướng khác như tiếng chuông trống v.v.... Các tướng này là nhiều thứ phiền não, nhiều thứ nghiệp và nhiều thứ khổ nhân. Vì những lẽ đó nên phải vượt qua. Nếu qua tất cả sắc tướng thì tướng hữu đối diệt. Tướng hữu đối diệt thì không có tướng khác. Trong đây lược bớt nên không nói qua đây nên đây diệt.

Lại có người nói: Tất cả sắc tướng tức là tướng chỗ y chỉ của nhãn thức. Tướng hữu đối là tướng chỗ y chỉ của các thức nhĩ-ti-thiệt và thân. Tướng khác là tướng chỗ y chỉ của ý thức. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu nói diệt tướng hữu đối thì đã thu nhiếp sắc rồi, cần gì nói riêng?

Lại lia sắc tướng, đối tướng thì sẽ không riêng có sắc làm chỗ nương cho ý thức. Cho nên không cần nói riêng diệt tướng, mà nên nói như trước.

Vào vô biên hư không xứ, là hành giả vì sắc tướng bức bách, mỏi mệt, nên quán hư không vô biên. Bên trong lấy tướng hư không của mắt, mũi, yết hầu v.v... Bên ngoài lấy tướng hư không của giếng, hầm, cửa, bông cây v.v....

Lại quán thân chết bỏ nơi gò mả, lửa cháy tan hết; hoặc chim thú giành ăn, giò trùng từ trong đó lúc nhúc bỏ ra... Cho nên biết thân này trước đã có hư không.

Hỏi: Định hư không này lấy gì làm cảnh duyên?

Đáp: Trước tiên duyên hư không, thành rồi tự duyên các âm, cũng duyên các âm người khác. Bởi vì sao? Vì lấy bị làm đầu, khởi nghĩ như vậy: Chúng sinh đáng thương, vì bị sắc tướng làm bức bách khổ não.

Hỏi: Định này duyên chúng sinh nào?

Đáp: Duyên tất cả chúng sinh.

Hỏi: Hành giả đó đã lia sắc tướng, làm sao có thể duyên sắc chúng sinh cõi Dục được?

Đáp: Hành giả này vẫn duyên sắc. Có điều đối với trong sắc, tâm không thông suốt, không vui, không đắm.

Như trong kinh nói: Nếu Thánh nhân nghĩ nhớ ngũ dục sâu, trong đó không vui không thông không đắm, vì sợ lui chìm lại như cháy gân lông. Nếu nghĩ Nê-hoàn thì tâm thông suốt. Người này cũng vậy, có thể duyên sắc, nhưng không tham vui.

Lại như hành giả tùy lìa sắc tướng, do hư không có thể duyên tứ thiên, như vô sắc định có thể duyên vô lậu sắc. Trong đó không lỗi vì không phải chỗ phân biệt, nên ngoài ra cũng phải như vậy.

Hỏi: Hư không là sắc nhập tính, làm sao duyên đây có thể vượt qua sắc tướng?

Đáp: Định này duyên hư không vô vi, nên có thể vượt sắc.

Hỏi: Định này không duyên hư không vô vi. Bởi vì sao? Vì trong phương tiện định này nói duyên hư không trong mắt v.v.... Nên biết duyên hư không hữu vi.

Lại trong kinh không nói tướng hư không vô vi chỉ nói tướng hư không hữu vi, như vô sắc xứ là hư không. Cho nên không có hư không vô vi?

Đáp: Sắc tính không gọi hư không. Bởi vì sao? Trong kinh nói: Hư không không sắc không thể thấy, không thể đối.

Hỏi: Lại có kinh khác nói: Nhờ sáng biết hư không. Trừ sắc không có pháp nào nhờ sáng có thể biết?

Đáp: Vô sắc gọi là hư không; các sắc do sáng có thể biết. Cho nên cũng nhờ sáng thì biết không có sắc, không phải có hư không.

Lại trong tôi cũng biết hư không, người mù dùng tay cũng biết hư không.

Lại dùng gậy cũng biết đó là hư không. Cho nên biết hư không không phải sắc tính. Sắc không nhờ các nhân duyên này mà biết được.

Lại sắc là hữu đối, hư không là vô đối.

Lại dùng lửa v.v... có thể diệt hết sắc, mà không thể diệt hư không. Nếu hư không diệt lại gọi là pháp gì?

Hỏi: Nếu có sắc sinh thì hư không diệt, như khởi xây tường vách thì trong đó không còn hư không?

Đáp: Sắc sinh trong đó, sắc ấy hoàn toàn không bị diệt. Bởi vì sao? Sắc không gọi là hư không. Pháp không có, không thể lại không có nữa. Cho nên sắc không diệt hư không.

Lại ông nói hư không là sắc. Trong đó không có lý do có thể khiến là sắc.

Hỏi: Hiện thấy hư không trong cửa v.v..., trong việc hiện thấy không cần lý do?

Đáp: Hư không không hiện thấy được. Như trước đã phá rồi, như trong tôi cũng có thể biết v.v....

Hỏi: Nếu hư không không phải sắc, vậy là pháp gì?

Đáp: Hư không gọi là vô pháp. Những chỗ không có sắc gọi là hư không.

Hỏi: Trong kinh nói: Do 6 thứ nên chúng sinh thụ thân.

Lại nói hư không là vô sắc vô đối, không thể thấy. Nếu vô pháp, thì không được nói như vậy. Không ai nói sừng thỏ gọi là vô sắc vô đối không thể thấy?

Đáp: Nếu thật có pháp thì đều có chỗ sở y, như danh y vào sắc, sắc lại y vào danh. Hư không không y vào đâu nên biết là vô pháp.

Cái ông là không đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì sắc ngăn ngại sắc, sắc này được, sắc khác mất, nên được tăng thêm. Vì nghĩa này nên Phật nói do 6 thứ chúng sinh thụ thân.

Ông nói hư không vô sắc, vô hình, vô đối. Cũng vì phá các vật, nên mới nói như vậy, chứ không nói có tướng hư không.

Ông nói không có ai nói sùng thờ là vô sắc, vô đối, không thể thấy. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì đều do hư không được có những việc sở tác khứ lai v.v... Trong sùng thờ v.v... không có nghĩa như vậy.

Hỏi: Tâm cũng như vậy. Vô sắc, vô hình, vô đối có thể nói không được chăng?

Đáp: Tâm có tác nghiệp, nghĩa là có thể lấy cảnh duyên, hư không không tác nghiệp, chỉ vì không, nên được có chỗ tác dụng. Cho nên biết vô pháp, vì vậy định này trước tiên duyên hư không.

Hỏi: Định này có thể duyên bậc nào?

Đáp: Định này duyên tất cả bậc, và duyên diệt đạo nữa.

Hỏi: Có người nói các vô sắc định tuy có thể duyên diệt, nhưng chỉ duyên tỷ trí phần diệt, không duyên hiện trí phần diệt. Việc đó thế nào?

Đáp: Duyên tất cả diệt, dùng hiện pháp trí duyên diệt tự địa hiện tại, dùng tỷ trí duyên các diệt khác. Đạo cũng như vậy, có thể duyên tất cả pháp.

Hỏi: Chúng sinh cõi Vô sắc có thể khởi tâm các địa không?

Đáp: Có thể khởi tâm các địa và tâm vô lậu.

Hỏi: Nếu vậy làm sao không chìm?

Đáp: Trụ trong nghiệp quả báo nên có thể không chìm, như sức thần thông trong 2 cõi Dục và Sắc. Trụ sắc khác tâm khác mà có thể không chìm. Trong đó cũng vậy.

Hỏi: Vô biên hư không định, cùng hư không xứ nhất thiết xứ có gì khác nhau?

Đáp: Muốn vào hư không định phương tiện đạo gọi là nhất thiết. Vào định thành rồi gọi là hư không định. Trong đây nhân quả của định là bậc và tất cả hữu lậu vô lậu, hoặc định hoặc phi định, hoặc cấu hoặc tịnh đều gọi là vô biên hư không xứ.

Phẩm 170: Ba Vô sắc định

Qua tất cả Vô biên hư không xứ, mới vào Vô biên thức xứ. Hành giả rất chán sắc, nên cũng bỏ luôn pháp đối trị sắc, như người đã qua sông bỏ luôn cả thuyền mà đi, như được ra khỏi giặc muốn bỏ đi cho xa. Hành giả cũng vậy, tuy nhờ không phá sắc, cũng muốn bỏ không mà đi xa.

Vô biên thức, là hành giả dùng thức có thể duyên hư không vô biên, thì thức cũng vô biên. Cho nên bỏ không duyên thức.

Lại như sắc vì mỗi một nên duyên hư không. Như vậy bị hư không làm mỗi một, muốn ngăn dứt nên mới duyên nơi thức.

Lại người này dùng thức có thể duyên hư không vì cho thức là thắng, nên chỉ duyên thức. Hành giả dùng thức tùy duyên tùy lúc, nên sinh mệt nhọc, vô cùng chán lìa, lại muốn phá thức, nên vào vô sở hữu xứ, nghĩ như vậy: Tùy có thức thì khổ, nếu ta có thức vô biên, ắt phải có vô biên khổ. Cho nên thu nhiếp tâm duyên thức. Vì tâm vi tế nên cho là vô sở hữu.

Lại nghĩ như vậy: Vô sở hữu tức là tướng. Mà tướng là khổ não, như tật bệnh, như ung nhọt. Nhưng nếu không tướng lại là ngu si nếu ta thấy vô sở hữu tức đó là hữu, nên đối với các tướng chưa được giải thoát. Hành giả thấy tướng là suy nhược, là bệnh hoạn mà vô tướng là ngu si, tịch diệt là vi diệu, đó là phi tướng phi phi tướng xứ. Phạm phu thường e sợ vô tướng, vì cho là ngu si, cho nên rốt cuộc không thể diệt tâm.

Có người nói chúng sinh vô tướng cũng có thể diệt tâm. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu những người trong cõi Sắc có thể diệt tâm, thì trong cõi Vô sắc sao lại không thể?

Hỏi: Cõi Sắc có sắc nên có thể diệt tâm. Trong cõi Vô sắc trước đã diệt sắc nay lại diệt tâm. Nếu thấy sắc tâm đều diệt thì kinh sợ bàng hoàng?

Đáp: Nếu người ở trong kia không thể diệt mà sinh về trong đây thì phải có thể diệt, như diệt tận định.

Hỏi: Quả của diệt tâm là vô tướng, cho nên nếu diệt cả sắc lẫn tâm thì mất hẳn?

Đáp: Diệt tận định cũng có quả hữu tâm. Điều này cũng như vậy.

Lại nếu quả không dứt cũng gọi trụ ở quả, như ở sắc biến hóa. Biến hóa trong tâm lại sinh quả, nên không gọi mất hẳn được. Cho nên trong cõi Sắc không nên nói diệt tâm. Nếu nói thì trong cõi Vô sắc cũng cần phải nói.

Lại trong vô tướng định, tâm không nên diệt. Bởi vì sao? Vì hành giả cần chán lìa tâm, nên có thể diệt tâm. Nếu người chán tâm, còn không sinh trong cõi Vô sắc hướng sinh cõi Sắc.

Lại người phạm phu trong tâm sinh ngã tướng sâu. Như trong kinh nói: Phạm phu từ lâu tham đắm tâm này, cho đó là ngã. Cho nên không thể có chút chán lìa.

Lại trong kinh nói: Ngoại đạo có thể nói dứt diệt 3 thứ thù mà không thể nói dứt ngã ngữ thù. Cho nên không thể diệt tâm.

Lại nếu biết đúng đắn pháp nhân duyên, có thể được tâm không. Như trong Kinh Viên Hầu Dự nói: Phạm phu hoặc có thể lìa thân, mà không thể lìa tâm. Thà quán thân thường, đừng quán tâm thường. Bởi vì sao? Vì mắt thấy thân này, hoặc sống còn 10 tuổi cho đến trăm tuổi, như nói hoặc tâm hoặc ý hoặc thức, niệm niệm sinh diệt biến khác, như vượn khi chuyền cây, bông một nhánh, liền vin một nhánh, không đứng một

chỗ. Nếu đệ tử Phật trong đó quán đúng đắn pháp nhân duyên thì có thể biết vô thường.

Lại người biết pháp nhân duyên, vì thụ sai khác nên có thể phân biệt thức. Các ngoại đạo vì không có trí phân biệt nhân duyên, nên không thể diệt tâm.

Lại người phạm phu lìa sắc mà không lìa tâm nên không được giải thoát. Nếu cả 2 đều có thể diệt thì sao không được giải thoát?

Lại người phạm phu e sợ diệt, nên đối với Nê-hoàn rốt cuộc không thể sinh tướng tịch diệt an ổn. Như trong kinh nói: Không có ngã và không có ngã sở là chỗ phạm phu rất khiếp sợ.

Lại trong vô tướng sinh tâm ngu si. Nếu đối với Nê-hoàn không sinh tâm tướng tịch diệt an ổn, làm sao có thể diệt tâm.

Lại pháp phạm phu cần nhờ bậc trên, mới có thể xả bậc dưới, cho nên không có nhân duyên có thể diệt tâm, chỉ nhờ sức định suy tướng tỉ mỉ tâm hiện tiền, không hiểu cho nên tự cho là vô tướng. Nếu khởi thô tướng tức thì thoái lui. Như người thiếu trí gọi là vô trí, như thức ăn ít mặn gọi là không mặn, như mê ngất xiu mất nhớ, như loại sâu nằm lâu năm trong lòng đất, như loại cá nằm trong băng giá. Trong đây nói phi tướng phi phi tướng xứ cũng vậy. Tuy thật có tướng, nhưng vì tùy theo thế tục, nên nói là vô tướng.

Phẩm 171: Diệt tận định

Qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, thân chứng tướng thụ diệt.

Hỏi: Vì sao trong các thiên không nói qua tất cả? Trong vô sắc định không nói diệt?

Đáp: Tôi nói trong các thiên định đều có các pháp giác quán hỷ lạc, cho nên không nói qua tất cả.

Hỏi: Vô biên hư không xứ có sắc tâm. Điều này đã rõ, nên trong Vô sắc cũng không nên nói qua tất cả?

Đáp: Như vào trong vô biên hư không định thoát được sắc tâm, mà không thoát được các pháp giác quán.

Lại có người nói: Nếu nói qua, diệt, chìm, đều là nghĩa một mà tên khác.

Lại trong vô sắc định tâm kiên cố. Trong các bậc dưới tâm bị tán loạn làm hoại, cho nên không nói qua tất cả.

Hỏi: Nếu đều nói có gai góc là sắc tướng v.v..., sao lại nói tâm kiên cố?

Đáp: Tuy đều nói gai góc, nhưng cũng gọi đệ tứ thiên là không động. Như vậy trong vô sắc định, định lực lớn nên được kiên cố.

Hỏi: Học nhân không nên được diệt tận định, vì chưa qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ?

Đáp: Học nhân có thể thấy tất cả hành diệt của Phi tướng phi phi tướng xứ, nhưng chưa có thể khiến nó không sinh, nên cũng được nói là qua.

Hỏi: Nếu ý trong đây lấy Nê-hoàn cho là diệt, thì trước ông nói trong 9 thứ lớp diệt là tâm và tâm số diệt, trái nhau sao?

Đáp: Diệt định có 2 thứ: một là diệt hết các phiền não, hai là diệt chưa hết. Người hết phiền não ở trong giải thoát. Người phiền não chưa hết ở trong thứ lớp.

Lại một là diệt phiền não nên gọi diệt định, hai là diệt tâm, tâm số, pháp cũng gọi diệt định. Diệt phiền não là giải thoát thứ 8, cũng gọi là quả A-la-hán. Quả A-la-hán là diệt tất cả tướng, không cho sinh lại nữa. Trong đây tuy diệt các tướng, nhưng còn thừa kết sử, nên không thể khiến không tái sinh.

Hỏi: Nếu hành giả dùng 9 thứ lớp định có thể diệt tâm thì Tu-đà-hoàn v.v... làm sao có thể chứng pháp tâm diệt?

Đáp: Trong 9 thứ lớp diệt gọi là đại diệt. Như người khéo tu các thiền định, nhờ sức mạnh đạo tâm nên có thể được diệt này. Nếu không sức đó, thì chỉ được có diệt, không thể được đại lực như vậy, cho nên nói thứ lớp định. Các chỗ khác cũng có tâm diệt, như trong đệ tứ thiền có thể diệt tâm, tâm số pháp, vào trong vô tướng, thì trong Sơ thiền v.v... vì sao không diệt?

Lại chỗ khác cũng phải có nghĩa diệt tâm, như trong kinh nói: Tu-đà-hoàn v.v... đều có thể chứng diệt. Chỉ tâm diệt gọi là diệt, không có pháp nào khác diệt. Cho nên biết lia 9 bậc này cũng có tâm diệt.

Hỏi: Nếu diệt tận định có thể diệt tất cả tâm, tâm số pháp, vì sao chỉ nói tướng thụ diệt?

Đáp: Tất cả tâm đều gọi là thụ. Thụ này có 2 thứ: một là tướng thụ, hai là tuệ thụ. Tướng thụ là hữu vi duyên tâm, vì tướng hiện hành trong pháp giả danh. Giả danh có 2 thứ: một là do hòa hợp giả danh, hai là pháp giả danh. Cho nên tất cả hữu vi duyên tâm đều gọi là tướng. Tuệ thụ là vô vi duyên tâm. Cho nên nếu nói tướng thụ diệt là nói tất cả diệt.

Hỏi: Trong tất cả tâm, tâm số pháp, thụ tướng là hơn cả cho nên nói riêng. Bởi vì sao? Vì phiền não có 2 phần: một là ái phần, hai là kiến phần. Thụ sinh ái phần, tướng sinh kiến phần.

Lại trong cõi Dục, cõi Sắc thụ thắng hơn, trong cõi Vô sắc tướng thắng hơn. Cho nên chỉ có 2 thứ.

Lại trong các thức xứ chỉ nói thụ tướng. Thức xứ từ tâm khởi nên gọi là hành.

Lại nếu nói thụ tướng diệt, thì nói tất cả tâm, tâm số diệt, vì các tâm số không rời nhau?

Đáp: Không phải vậy. Ông nói thắng hơn cho nên nói riêng thì cần phải nói tâm. Bởi vì sao? Vì trong kinh nhiều chỗ nói tâm là chủ mà cũng là chỗ nương của 2 phần phiền não. Và cũng vì tâm sai khác nên gọi là thụ tướng, cho nên phải nói tâm.

Lại nói tâm thì dễ, cho nên lời ông nói không đúng.

Hỏi: Định này vì sao nói thân chứng?

Đáp: Tám giải thoát đều phải nói thân chứng.

Lại diệt pháp này không phải dùng lời nói mà thấu rõ được, nên nói thân chứng, như người chạm vào nước

mới biết tướng lạnh, chứ không phải nghe nói mà có thể biết được. Việc này cũng vậy.

Lại đây là pháp vô tâm, cho nên phải dùng thân chúng?

Hỏi: Ông nói diệt định là pháp vô tâm. Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì người vào định này là chúng sinh, thế gian không có chúng sinh vô tâm, cho nên không đúng.

Lại trong kinh nói: Mạng sống, hơi nóng, ý thức, 3 pháp này thường không rời nhau, cho nên không diệt tâm.

Lại tất cả chúng sinh đều nhờ 4 lối ăn mới được sống còn. Mà người vào diệt tận định thì không còn các lối ăn này nữa. Bởi vì sao? Vì người này không ăn lối đoàn thực, xúc thức v.v... cũng đều diệt hết, cho nên không ăn.

Lại tâm từ tâm sinh, nếu tâm này diệt, các tâm khác không sinh, vì không thứ lớp duyên thì hậu tâm làm sao sinh nữa được?

Lại tâm chỉ nhập Nê-hoàn vô-dư, khi dứt tương tục mới diệt, không phải ở các chỗ khác mà diệt được. Như trong kinh nói: Lấy sắc vượt qua các dục, lấy vô sắc vượt qua sắc, lấy diệt vượt qua các tác niệm tư duy. Tâm là tác niệm tư duy, cần phải lấy diệt mới có thể vượt qua. Được Nê-hoàn hữu dư thì tâm cấu bản diệt. Được Nê-hoàn vô dư thì tâm không cấu bản diệt. Đó chính là nghĩa Phật pháp.

Lại người vào diệt định không gọi là chết. Tâm diệt gọi là chết. Nếu tâm diệt sinh lại, người chết cũng phải sống lại, vậy thì rốt cuộc không có chết. Nếu tâm diệt

sinh lại, thì người vào Nê-hoàn cũng phải sinh lại, vậy thì rốt cuộc không có giải thoát. Mà thật không phải như vậy, cho nên tâm không diệt?

Đáp: Ông nói không có chúng sinh vô tâm. Tuy đồng là vô tâm, mà khác với người chết. Như trong kinh hỏi rằng: Người vào diệt tận định với người chết có khác gì không? Đáp rằng: Người chết thì sinh mạng, hơi nóng, ý thức 3 thứ đều diệt. Người vào diệt tận định chỉ tâm diệt, mạng sống và hơi nóng không rời khỏi thân. Cho nên biết phải có chúng sinh vô tâm.

Lại người này tâm thường còn, vì có sức nên cũng gọi có tâm, không như gỗ đá.

Ông nói 3 việc không rời nhau, đó là chúng sinh cõi Dục cõi Sắc, cho nên nói trong cõi Vô sắc có mạng có thức mà không nóng.

Lại người vào diệt tận định, có mạng có nóng mà không có thức, tức trong kinh này cũng nói thức rời thân. Cho nên, nếu nói 3 việc không rời nhau là tùy có chỗ mà nói.

Ông nói không ăn làm sao sống? Thân này trước dùng ý tư thực nên tồn tại. Hiện tại dùng lạnh v.v... các xúc nên có thể chi trì thân.

Ông nói tâm do tâm sinh, đó là tâm làm nhân cho tâm khác. Làm nhân rồi diệt, cho nên có thể sinh tâm khác.

Hỏi: Tâm diệt làm sao có thể sinh tâm khác? Như mắt đã diệt là không thể sinh thức?

Đáp: Như nghiệp diệt rồi, quả báo mới sinh được. Việc này cũng vậy.

Lại ý với ý thức 2 việc ngại nhau, mà nhãn cùng nhãn thức không phải như vậy. Cho nên không phải nhân.

Ông nói khi dứt tương tục thì tâm diệt. Điều này không đúng. Diệt có 2 thứ là sắc diệt và tâm diệt. Hoặc sắc diệt tâm không diệt, như trong Vô sắc. Hoặc tâm diệt chẳng phải sắc như vào diệt định. Hoặc sắc tâm đều diệt, như khi diệt tương tục.

Ông nói vào diệt tận định không gọi là người chết đó. Người này mạng và nóng không diệt, mà người chết 3 thứ đều diệt. Đó là chỗ khác nhau.

Lại người này nhờ mạng và nóng nên tâm có thể sinh lại, mà người chết thì không phải vậy.

Ông nói nếu diệt tâm lại sinh thì không ai giải thoát. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì người vào Nê-hoàn nghiệp trước chịu mạng, nóng, thức đã diệt không đợi sinh lại. người này mạng và nóng không diệt, trước mong tâm sinh, Như trong Phẩm diệt tận định nói: Người vào diệt tận định nhờ 6 nhập này và thân mạng nên được khởi lại, cho nên tâm có thể sinh lại. Người vào Nê-hoàn tâm không sinh lại, nên biết định này vô tâm.

Hỏi: Vì sao bố thí người khởi định này có thể được hiện báo?

Đáp: Người từ định này khởi tâm rất tịch diệt. Như trong kinh nói: Người khởi diệt tận định tâm thuận với Nê-hoàn.

Lại người này sức thiên định mạnh, nương định này nên trí tuệ cũng lớn. Trí tuệ lớn, nên có thể làm cho người

thí được quả báo vượt trội. Như người cúng dường trăm ngàn Thanh Văn không bằng một Phật, trong đó đều lấy trí tuệ làm vượt trội, không phải ở chỗ dứt các kết. Việc này cũng như vậy.

Lại người vào định này do huân tu nhiều pháp thiện nơi tâm, nên sinh đại quả. Như người làm ruộng giỏi chắc thu hoạch được nhiều.

Lại người thí có thể chán đời nhiều thì được báo lớn. Nói người chẳng phải tâm cầu bản, là người này không đem tâm cầu bản giả danh cho nên cúng dường được quả lớn.

Lại người này thường trụ đệ nhất nghĩa đế, những người khác ở trong thế đế.

Lại người này thường trụ trong pháp không tranh chấp. Bởi vì sao? Vì tâm duyên hữu vi thì có tranh tụng.

Lại như trong kinh nói: Cỏ dại làm hại lúa, tham lam đục vọng hại tâm. Cho nên thí người vô dục được quả báo lớn. Nhân duyên tham dục là tướng giả danh. Người khởi định này vì duyên Nê-hoàn nên lìa tướng giả danh.

Lại trong kinh nói: Nếu người thụ đàn-việt cúng rồi, vào vô lượng định, đàn-việt này nhờ nhân duyên đó được phúc vô lượng. Người khởi diệt định duyên tâm Nê-hoàn nên gọi là vô lượng, diệt định này cũng là vô lượng, nên được vô lượng phúc, nên có thể được hiện báo.

Lại nhờ 8 công đức trang nghiêm phúc điền này. Tâm duyên Nê-hoàn là chân chính kiến, các phúc phần khác tùy từng, cho nên có thể sinh hiện báo.

Hỏi: Có người nói diệt tận định là tâm bất tương ưng hành, cũng gọi thế gian pháp. Việc này thế nào?

Đáp: Như trên đã nói người khởi định này có rất nhiều các công đức tịch diệt v.v... là những công đức mà thế gian không thể có.

Hỏi: Diệt tận định gọi là pháp ngăn, vì nhờ pháp này khiến tâm không sinh. Cho nên phải gọi tâm bất tương ưng hành, như sắt vào lửa thì không còn tướng đen, mà rời lửa lại sinh. Việc này cũng như vậy?

Đáp: Nếu là vậy, Nê-hoàn cũng phải là tâm bất tương ưng hành. Bởi vì sao? Vì bởi Nê-hoàn nên các ám không sinh. Nếu Nê-hoàn không phải tâm bất tương ưng hành, thì định này cũng không được gọi là bất tương ưng hành. Nhưng các người hành giả thì pháp phải như vậy. Vào trong định này tùy theo sở nguyện nên tâm có thể không sinh. Cho nên không nên gọi là bất tương ưng hành.

Hỏi: Định này thứ lớp như vậy vào, rồi cũng thứ lớp như vậy ra sao?

Đáp: Cũng thứ lớp ra, rồi chậm rãi nhập vào thô tâm.

Hỏi: Trong kinh nói: Người mới khởi diệt tận định chạm vào 3 thứ xúc đó là vô động, vô tướng, vô sở hữu. Vì sao như vậy?

Đáp: Trong vô vi duyên tâm, có các xúc gọi là vô động, vô tướng, vô sở hữu. Vô động tức là trống không. Hữu vi duyên tâm, nhẹ nên có động, như lấy sắc, thụ v.v... Trong không, không có tướng. Trong vô tướng không có tham v.v... Người vô tâm này mới bắt đầu duyên Nê-

hoàn, sau duyên hữu vi, cho nên mới nói khi khởi chạm vào 3 thứ xúc.

Hỏi: Có người nói vào diệt tận định tâm là hữu lậu. khởi định tâm hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải hữu lậu. Hành giả muốn nhập định này phải phá hoại tất cả hữu vi từ trước. Phá xong mới vào được. Khi khởi tâm duyên Nê-hoàn hiện tiền. Cho nên biết đều là vô lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: Hành giả nhập diệt tận định không tự nghĩ là mình nhập, khi khởi cũng không tự nghĩ.

Nếu vậy làm sao có thể nhập?

Đáp: Thường tu tập nên định lực kiên cường, tuy không tự nghĩ mà có thể nhập được.

Lại hành giả này từ khi dứt hữu vi đến nay đã từng vào diệt. Nếu không ngăn nổi tâm, để cho duyên hữu vi thì không gọi là nhập. Cho nên kinh nói: Người vào định này, trước phải tập điều hòa tâm. Cho nên có thể vào được.

Hỏi: Nếu không có cái không khác, có thể được tu vô vi duyên tâm, thì được ích gì?

Đáp: Vì tu tập đã lâu thì định kiên cố, thấy biết rõ ràng như tâm duyên hữu vi thấy niệm niệm diệt, cũng không khác niệm niệm diệt, chỉ tu tập lâu thì tâm kiên cố, Việc này cũng vậy.

Phẩm 172: Mười nhất thiết xứ

Không phá hỏng duyên trước, tâm lực tự tại, gọi là nhất thiết xứ. Hành giả lấy một ít tướng rồi, nhờ sức tin hiểu khiến nó thêm rộng. Bởi vì sao? Sức nhiếp tâm này nếu vào trong thật, thì đều có thể khiến trống không, mà vào trong tín giải đều có thể khiến tùy theo trước đã lấy tướng.

Hỏi: Thế nào là tính tín giải?

Đáp: Xanh v.v... các màu sắc nhiều vô lượng. Lược nói căn bản có 4 thứ: là địa v.v... 4 đại. Bốn sắc căn bản có thể phá 8 việc này. Đó là hư không. Vì thức có thể biết vô biên không, nên cũng gọi là vô biên. Bởi vì sao? Vì không phải pháp hữu biên có thể lấy vô biên. Đó gọi là 10.

Hỏi: Trong địa thật có thủy v.v..., vì sao hành giả có thể quán chỉ là địa?

Đáp: Tập lâu quán này thường lấy địa tướng, về sau chỉ thấy địa mà không thấy vật gì khác.

Hỏi: Hành giả đã thấy địa tướng thật là địa không?

Đáp: Vì sức tín giải nên thấy là địa, kỳ thật không phải địa.

Hỏi: Nếu do sức biến hóa mà có, thì vật bị biến hoại không phải thật sao?

Đáp: Biến hóa là do sức định mà thành, nên thứ được làm ra đều thật, như ánh sáng, nước, lửa v.v....

Hỏi: Có luận sư nói vào nhất thiết xứ chỉ ở trong đệ tứ thiên. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu ở cõi Dục và trong tam thiên thì có lỗi gì? Hai nhất thiết xứ sau đều ở tự địa. Mười pháp này đều là hữu lậu, vì không phá hoại được cảnh duyên.

Hỏi: Tướng hư không không phá hoại sắc sao?

Đáp: Hành giả cũng nhờ tín giải lấy không tướng trong mắt mũi v.v... làm tướng trông không, chứ không thể trực tiếp phá được thật sắc. Cho nên cũng gọi là tín giải.

Hỏi: Trong kinh nói người vào định nhất thiết địa nghĩ địa tức là ngã, ngã tức là địa. Vì sao khởi nghĩ như vậy?

Đáp: Hành giả nhận thấy tâm đầy khắp nên mới sinh ý nghĩ tất cả là ngã này.

Hỏi: Có người nói định này chỉ duyên địa hệ thuộc cõi Dục. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu duyên tất cả địa hệ thuộc 2 cõi Dục, Sắc v.v... có lỗi gì? Giả sử định này lại duyên các pháp khác lại có lỗi gì?

Lại định này là tín giải quán duyên hư vọng, không có địa không hư v.v....

Hỏi: Đệ tử Phật cũng quán địa v.v.... Việc đó thế nào?

Đáp: Học nhân nếu quán đều vì để phá hoại.

Hỏi: Thật không phải tất cả đều là địa v.v.... Làm sao định này không phải điên đảo?

Đáp: Trong quán này có phân si, vì trong quán này khởi ngã kiến. Quán bất tịnh v.v... tuy không phải chân thật, nhưng tùy thuận ly dục. Quán này không như vậy, nên có phân si.

Hỏi: Vì sao không quán thụ v.v... vô biên, mà chỉ quán thức ư?

Đáp: Có thể lấy là địa v.v..., lấy là thức. Cho nên thấy thức, mà không thấy thụ.

Lại như trước đã nói thụ v.v... đều là sai biệt của tâm.

Lại hành giả không thấy thụ v.v... đầy khắp, vì không phải tất cả chỗ thụ khổ vui. Đệ tử Phật nếu tu định này là vì phá hoại cảnh duyên. Bởi vì sao? Vì cảnh duyên đó là chỗ tham đắm của hành giả. Nếu không phá hoại thì đồng với phàm phu.

Phẩm 173: Mười tướng vô thường tướng

Mười tướng là vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, thực yếm tướng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, bất tịnh tướng, tử tướng, đoạn tướng, ly tướng và diệt tướng.

Vô thường tướng là trong pháp vô thường biết chắc là vô thường.

Hỏi: Vì sao tất cả vô thường?

Đáp: Tất cả pháp đó đều từ nhân duyên sinh. Nhân duyên hoại nên đều quy về vô thường.

Hỏi: Không phải vậy. Có pháp tuy từ duyên sinh, mà không phải vô thường. Như kinh ngoại đạo nói ai lập 3 đền thờ được sinh về nơi thường còn?

Lại thân trời Phạm Thế là thường còn?

Đáp: Thì trong pháp của ông cũng nói Thích Đề Hoàn Nhân có thể làm trăm ngôi đền cũng bị thoái đọa đó sao?

Lại trong bài kệ nói: Có nhiều các Đế Thích v.v..., tạo lập hơn trăm ngàn ngôi đền, v.v... đều vô thường hết. Trăm ngàn đền thờ còn không tồn tại, cho nên biết 3 đền cũng chẳng thường còn!

Lại Thích Đề Hoàn Nhân và các Thiên Vương, thân phần cũng hết. Cho nên pháp do duyên sinh không gì có thể thường còn được.

Lại trong pháp của ông lấy sách Vi-đà làm quý. Trong Vi-đà nói do trí tuệ nên được phép bất tử. Như nói: Thấy sắc mặt trời đại nhân quá hơn nơi thế tính. Trước tùy thuận ý người này, có thể được đạo bất tử, mà không có đạo nào khác. Tiểu nhân có thân nhỏ, đại nhân có thân lớn thường ở trong thân. Nếu người nào không biết tướng thân đó thì dẫu có đọc tụng kinh Vi-đà v.v... cũng không ích gì. Vì trong pháp của ông nói Phạm Vương cũng thường thờ tự, trì giới, làm các công đức. Nếu biết thân thường, cần chi phải làm phúc?

Lại nghe trong kinh của ông nói các vị Phạm Vương có ác dâm dục. Nếu có dâm dục ắt có sân v.v... tất cả phiền não. Nếu có phiền não ắt có tội nghiệp. Như vậy người tội làm sao có thể được thường giải thoát.

Lại không phải tất cả thân tiên đều thờ trời, cũng không phải tất cả tu hành theo đạo Phạm Thiên. Nếu đó là thường thì tất cả phải đều thờ đều tu theo.

Lại tất cả vạn vật v.v... đều vô thường. Bởi vì sao? Vì nếu khi đại kiếp tận diệt thì đất nước gió lửa trở lại không còn nữa.

Lại thời gian vẫn chuyển như bánh xe, nên biết vô thường.

Lại thành tựu giới định tuệ v.v... vô lượng công đức, các vị Đại Thánh nhân, Phật Định Quang v.v... và Bích-chi-phật, Ma-ha-tam-ma-già v.v..., các vị vương kiếp sơ, v.v... đều vô thường thì đâu có vật gì là thường!

Lại Phật tự nói tất cả sinh pháp đều định tướng vô thường. Như trong Kinh Ngưu Phấn nói: Phật lấy một ít phân bò cho các Tì-kheo xem mà rằng không có sắc gì thường định không biến đổi. Trong kinh này nói rộng quá báo của các vua Thích, Phạm, Chuyên luân, cũng sẽ hết. Cho nên biết tất cả vô thường.

Lại tất cả tuổi thọ của 3 cõi đều có hạn lượng. Thọ mạng một kiếp trong địa ngục A-tì bằng thọ mạng nửa kiếp trong địa ngục Tăng-già-đà. Ngoài ra hoặc nhiều hoặc ít. Loài rồng v.v... tối đa cũng thọ một kiếp. Ngạ quỷ tối đa thọ 7 vạn năm. Phất-vu-đãi thọ 250 năm. Câu-da-ni thọ 500 năm. Uất-đan-việt định thọ ngàn năm. Diêm-phù-đề thọ hoặc vô lượng kiếp, hoặc thọ 10 tuổi. Trời Tứ Thiên Vương thọ 500 năm, cho đến cõi Hữu Đảnh thọ 8 vạn kiếp. Cho nên biết tất cả 3 cõi đều vô thường.

Lại lấy 3 thứ tín tin biết vô thường. Trong hiện thấy không có pháp thường còn. Trong lời Thánh nhân đã nói

cũng không có pháp thường còn. Và trong so sánh biết cũng không có thường vì cần phải trước hiện thấy sau mới so sánh biết.

Lại nếu có chỗ thường, có đâu người trí diệt tất cả pháp để cầu giải thoát? Ai không muốn cùng người mình yêu thường ở cùng nhau chung hưởng khoái lạc? Mà thật người trí đều cầu giải thoát. Cho nên biết sinh pháp không thường còn được.

Lại còn phải nói tất cả sinh pháp đều niệm niệm diệt, còn không tạm ngừng hưởng chi thường còn được.

Hỏi: Tu tướng vô thường có thể làm xong việc gì?

Đáp: Có thể phá phiền não. Như trong kinh nói: Khéo tu vô thường tướng, phá được tất cả Dục nhiễm, Sắc nhiễm và Vô sắc nhiễm, trạo, mạn, vô minh.

Hỏi: Không phải vậy. Tướng vô thường này lại càng tăng tham dục, như người biết tuổi trẻ không được bao lâu, nên rất tham đắm dâm dục. Biết hoa đẹp không tươi mãi, thì gấp dùng cho bằng thích. Biết sắc đẹp kia không phải của mình thường có, thì càng mau tăng dâm dục. Như vậy tùy theo biết vô thường, mà sinh tham đắm. Cho nên tướng vô thường không thể phá được tham dục.

Cũng có người vì biết vô thường nên mới làm việc sát hại v.v.... Và cho đến loài súc sinh đều biết vô thường, mà cũng không thể phá các phiền não. Cho nên tu tướng vô thường không lợi ích gì cả?

Đáp: Bởi vô thường nên mới sinh khổ ly biệt, khổ vì mất tuổi xuân xanh, sự an vui, tuổi thọ và sự giàu sang. Người trí do đó không sinh tâm vui mừng. Không tâm

vui mừng nên không sinh lòng tham. Bởi thụ nên ái. Thụ diệt thì ái cũng diệt theo. Cho nên biết tướng vô thường có thể dứt tham dục.

Lại nếu pháp vô thường tức là vô ngã thì hành giả có thể quán vô thường vô ngã thì không sinh ngã tâm. Không ngã tâm nên không ngã sở. Ngã và ngã sở không có, thì tham dục cái gì?

Lại người tu tập vô thường tướng, đối với thân mình thân người, thấy diệt chết trong từng mỗi niệm, làm sao sinh tham?

Lại hành giả sở cầu điều gì đều vô thường bại hoại, tức đã bị lừa gạt cho nên không sinh tham đắm.

Lại chúng sinh không ưa việc không bền chắc, như người không thích đồ vật hư cũ. Cũng như một cô gái biết chàng trai nào đó chỉ sống được không hơn 7 ngày nữa, thì dù là trẻ tuổi, đẹp trai, sang trọng, có thể lực, cũng chẳng ai màng đến. Người này chính nhờ tướng vô thường nên không sinh tham đắm.

Lại người trí thường tập tướng ly biệt, nên không ưa hòa hợp. Bởi vì sao? Vì người trí thường lo nghĩ cái khổ thoát lui v.v.... Cho đến dục lạc cõi trời cũng không sinh tham, chỉ cầu giải thoát.

Ông nói vô thường làm tăng thêm tham dục, điều này không đúng. Nếu người chưa dứt ngã mạn, thấy ngoại vật vô thường mới sinh buồn rầu, vì mất chỗ yêu mến tiếc thương nên sinh tham cầu. Người phạm phu này trừ bỏ dục lạc, lại không biết lìa khổ, giống như đứa con nít bị mẹ đánh, trở lại chui vào lòng mẹ. Người trí biết

còn nhân khổ, là còn khổ không thể dứt, nên lia bỏ nhân khổ, như 5 ấm.

Lại hành giả này xé rách nội ấm, được tâm vô ngã, dù mắt ngoại vật không sinh buồn rầu. Người đó được vô ngã lại cầu tìm gì nữa. Người tu tưởng vô thường cũng không có gì để cầu.

Lại tưởng vô thường này, nếu chưa có thể sinh tưởng khổ, vô ngã, thì không gọi là đầy đủ có thể phá diệt phiền não. Nên trong kinh nói: Phải nhất tâm chính quán 5 ấm vô thường. Nếu không phá hủy nội ấm, thấy ngoại vật vô thường, vì còn có ngã tâm nên sinh buồn rầu, đó không gọi là chính quán.

Lại người tuy thấy vô thường, mà không sinh chán lia như kẻ hàng thịt, thợ săn v.v..., tuy biết vô thường mà không gọi là người khéo tu tập.

Lại người tuy có thể chính quán mà không thể thường siêng tu tập thì lòng tham xen lẫn, nên phải nói nhất tâm.

Lại người ít tu vô thường, mà nhiều phiền não thì không thể phá diệt được, như thuốc ít mà bệnh nhiều. Điều này cũng như vậy, cho nên mới nói nhất tâm chính quán vô thường có thể phá phiền não.

Lại biết pháp vô thường, mới gọi là chân trí tuệ, trong chân trí tuệ không có tham v.v... các phiền não. Bởi vì sao? Vì nhân duyên vô minh nên có tham v.v... Phải biết vô thường không phải tăng thêm tham dục.

Lại tưởng vô thường có thể diệt tất cả phiền não. Hành giả, nếu biết vật đó vô thường thì không có tham.

Lại biết người này ắt rồi cũng sẽ chết, nổi giận làm gì. Có đâu người đại trí lại giận người sắp chết.

Lại nêu pháp vô thường, lẽ đâu lấy đó mà sinh tâm cao ngạo.

Lại biết các pháp là tính vô thường thì không sinh si. Vì không si nên cũng không nghi v.v.... Cho nên biết vô thường trái với các phiền não.

Phẩm 174: Tướng của khổ

Nếu pháp xâm hại đó gọi là khổ thì khổ này có 3 thứ là khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Hiện tại thật khổ như là dao gậy v.v..., gọi là khổ khổ. Nếu khi tình yêu thương chia lìa sinh khổ như vợ con v.v..., gọi là hoại khổ. Nếu được trí không vô ngã, biết pháp hữu vi đều có thể xâm hại, gọi là hành khổ. Tùy khổ tâm đó gọi là khổ tướng.

Hỏi: Nếu tu khổ tướng được những lợi gì?

Đáp: Khổ tướng này có quả chán lìa. Bởi vì sao? Vì người tu khổ tướng không nương tham hỷ. Vì không có hỷ này nên không có ái.

Lại hành giả nếu biết được pháp đó là khổ thì không thụ các hành. Nếu pháp tuy vô thường vô ngã mà không thể sinh khổ thì quyết không bỏ. Vì khổ nên bỏ, vì bỏ khổ nên với khổ được thoát.

Lại tất cả chúng sinh chổ rất sợ là khổ. Nếu thiếu, trắng, lão niên, hiền ngu, sang hèn biết tướng khổ này đều sinh chán lìa. Tất cả người tu hành đối với Nê-hoàn

có thể sinh tâm yên ổn tịch diệt, đều ở trong sinh tử sinh khổ tương. Làm sao biết được? Vì nếu chúng sinh bị khổ hệ thuộc cõi Dục làm sao nã hại, thì đối với sơ thiên sinh tương tịch diệt. Như vậy lần lượt cho đến bị khổ cõi Hữu Đảnh nã hại, thì đối với Nê-hoàn sinh tương tịch diệt.

Lại trong sinh tử có bao nhiêu tội lỗi đều là khổ. Như trong kinh nói: Lỗi trong các sắc đó là tướng khổ của sắc vô thường bại hoại.

Lại bởi vô minh nên tham đắm khổ này. Vì sao biết được? Vì chúng sinh ở trong thật khổ mà sinh tương vui. Nếu sinh tương rất khổ thì sẽ chán lia. Cho nên Phật nói: Ta giác ngộ được khổ nên mới nói chân lý của sự khổ. Trong đó Phật nhân thế đế mà chỉ dạy nghĩa như vậy. Tùy theo tất cả chỗ mà trời, người, thế gian sinh tương vui, thì đệ tử ta trong đó sinh tương khổ. Sinh tương khổ rồi mới có thể chán lia.

Lại chỗ rất ngu si là trong khổ mà sinh tương vui. Vì tương này nên tất cả chúng sinh qua lại sinh tử, tâm thức nã loạn. Nếu có thể tương khổ thì được giải thoát.

Lại vì 4 lối ăn nên khiến có thân sau. Dùng tương khổ này dứt được các cách ăn kia, như ăn thịt con, như ăn bò không da, như ăn đồng lửa, như ăn trăm mũi giáo nhọn. Trong 4 cách ăn như vậy đều là nghĩa khổ. Nhờ tương khổ này có thể dứt các cách ăn.

Lại người tu tương khổ, ý không ưa trụ trong 4 thức xứ, vì đều thấy là khổ. Như con bướm si mê lao vào ngọn lửa vì tưởng là sung sướng. Người trí biết lửa có thể thiêu đốt nên tránh xa. Phạm phu cũng như vậy, vì vô minh si

mê nên gieo mình thân sau vào lửa. Người trí do tướng khổ nên có thể được giải thoát.

Lại tất cả 3 cõi đều là khổ, là nhân duyên của khổ. Trong đó khổ thụ là khổ, có thể sinh khổ thụ là nhân duyên của khổ. Tuy không khổ ngay, nhưng lâu sau chắc chắn bị khổ, cho nên phải quán thế gian tất cả đều là khổ, sinh tâm chán lìa, không thụ các pháp, thì được giải thoát.

Phẩm 175: Tướng vô ngã

Hành giả thấy tất cả pháp đều là tướng phá hoại. Như chấp sắc là ngã, khi sắc đó bại hoại thì biết là tướng bại hoại, vậy thì lìa ngã tâm, thụ v.v... cũng như vậy. Như người bị nước từ trên núi cuốn trôi, chụp nắm được vật gì đều bị gãy vượt trốc đứt mất. Hành giả cũng như vậy, chấp vật làm ngã, thấy vật đó hoại thì biết ngay là vô ngã. Cho nên ở trong vô ngã, tu tướng vô ngã.

Hỏi: Tu tướng vô ngã được những lợi gì?

Đáp: Tu tướng vô ngã mới có thể đủ các tướng về khổ. Phàm phu vì tướng ngã nên ở trong thật khổ mà không thấy được cái khổ. Dùng tướng vô ngã nên ở trong một chút khổ cũng đã biết sự não hại của khổ.

Lại ở trong tướng vô ngã nên có thể tu tâm xả. Bởi vì sao? Vì tướng ngã nên lo sợ mất ngã vĩnh viễn. Nếu có thể thật biết thì chỉ mất khổ, không có ngã có thể mất thì có thể tu xả.

Lại do tướng vô ngã nên có thể được thường lạc. Bởi vì sao? Vì tất cả vô thường, trong đó, nếu sinh tâm ngã và ngã sở, thì bảo là ngã sẽ không có, và ngã sở cũng không có, là thường có khổ. Nếu khởi nghĩ như vậy: Không có ngã và ngã sở, thì khi các pháp bại hoại không sinh đau khổ.

Lại hành giả nhờ tướng vô ngã nên tâm được thanh tịnh. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do ngã kiến sinh. Bởi cho rằng điều này có ích lợi cho ta, nên sinh tham dục, trái lại điều này có tổn hại cho ta, nên sinh giận dữ, vì cho đó là ngã, tức sinh kiêu mạn. Sau khi mạng ta chết sẽ làm hay không làm? Liên sinh nghi kiến. Những lỗi như vậy đều do ngã nên khởi các phiền não. Chứ dùng tướng vô ngã thì các phiền não kia dứt. Dứt phiền não nên tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, nên mới có thể bình đẳng với vàng đá, chiêm đàn dao búa, ngợi khen mắng nhiếc, tâm lìa ghét thương, yên ổn tịch diệt. Cho nên biết người tướng vô ngã, tâm được thanh tịnh.

Lại trừ tướng vô ngã, không còn con đường nào khác có thể được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người nói có ngã, nếu khi biết không ngã và không ngã sở hữu, thì khi tâm có thể quyết định như vậy, liền được giải thoát.

Hỏi: Không phải vậy. Hoặc bởi tướng vô ngã lại sinh tâm tham, như tham nữ sắc, là vì không phải bà con với ta. Do đó tùy theo bởi không phải ngã, có thể nhóm tội phúc. Bởi vì sao? Vì tự mình làm tổn hại hay ích lợi cho bản thân, đâu có tội phúc?

Đáp: Người có ngã tâm có thể sinh tham dục. Với tự thân sinh tướng nam, với thân người kia sinh tướng nữ, rồi tham đắm.

Lại tham đắm khởi đều do giả danh. Tướng người kia tức là giả danh. Cho nên không phải vô ngã mà sinh tâm tham.

Lại người tâm vô ngã không nhóm các nghiệp. Như A-la-hán dứt ngã tướng nên không nhóm các nghiệp. Tướng vô ngã này có thể dứt tất cả phiền não và nghiệp, cho nên cần phải tu tập.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 14)

Phẩm 176: Tướng chán ăn

Tất cả khổ sinh đều bởi tham ăn. Cũng bởi ăn nên giúp phát sinh dâm dục. Ở trong cõi Dục có bao nhiêu thứ khổ đều bởi ăn uống dâm dục sinh ra. Dứt tham ăn nên phải tu tướng nhàm chán.

Lại như chúng sinh ở thời kỳ kiếp sơ, từ trên trời đến hóa sinh nơi đây, thân có ánh sáng, bay đi tự tại. Bắt đầu ăn vị đất. Người nào ăn nhiều, liền mất oai lực của ánh sáng. Như vậy dần dần có già đau chết. Đến ngày nay sống chỉ trăm tuổi, nhiều các khổ não. Bởi đều tham ăn nên mất các lợi trên. Cho nên phải quán đúng đắn việc ăn uống.

Lại tham đắm ăn uống nên sinh dâm dục. Do dâm dục sinh các phiền não. Do các phiền não gây các nghiệp bất thiện. Do nghiệp bất thiện có thể tăng thêm 3 nẻo ác, mà giảm bớt chúng trời, người. Cho nên tất cả tổn hại khổ não đều bởi tham ăn.

Lại tướng già đau chết đều bởi ăn uống.

Lại ăn là chỗ rất tham đắm. Dâm dục tuy nặng nhưng không hay não người, như người vì ăn. Hoặc thiếu

tráng, lão niên, tại gia hay xuất gia không ai không vì cái ăn mà bị nã hại.

Lại nên ăn cái ăn này mà tâm không đắm, đối với người chưa lìa dục đó là điều rất khó, như bị dao cắt, như uống thuốc độc, như nuôi rắn độc. Cho nên Phật nói: Phải tu tập, lấy đó mà ăn, đừng để cái khổ tham ăn làm nã hại. Có các ngoại đạo tu pháp nhịn ăn, cho nên Phật nói: Việc ăn này không phải nhịn mà lìa được, phải suy nghĩ mà ăn. Nếu chỉ nhịn ăn mà không hết phiền nã, thì chết uống vô ích. Cho nên Phật nói: Đối với việc ăn này nên sinh tướng chán lìa, thì không các lỗi như trên.

Hỏi: Làm sao đối với việc ăn nên sinh tướng chán lìa?

Đáp: Thể tính của ăn là bất tịnh. Cho dù ăn thức ăn thượng vị cũng đều là bất tịnh, cho nên phải sinh chán.

Lại như tất cả thức ăn uống thơm ngon tinh khiết, khi thành bất tịnh có thể lợi ích cho thân. Như dùng răng ngậm nhai ngấm nước miếng, trạng giống như đồ nôn mửa, nuốt xuống bao tử có thể lợi ích thân, cho nên biết bất tịnh.

Lại ăn uống này vì không biết nên ưa thích. Nếu người tuy ăn thức ăn ngon, nhưng nhở ra rồi không thể ăn lại được. Phải biết vì không biết nên cho là ngon đó thôi.

Lại vì nhân duyên ăn uống mà chịu bao nhiêu khổ nhọc làm lụng vất vả, chứa để giữ gìn. Do nhân duyên này gây vô lượng tội lỗi.

Lại có bao nhiêu đồ bất tịnh đều do ăn uống mà ra. Nếu không ăn uống thì đâu có da thịt máu xương và phân nhơ v.v... các vật bất tịnh?

Lại có bao nhiêu ác đạo như những loại trùng ở trong nhà xí, đều bởi tham đắm hương vị nên mới sinh vào trong đó. Như trong Phẩm nghiệp đã nói: Chúng sinh chết vì khát thì sinh làm loại trùng sống trong nước, chết nơi ồn ào sinh vào loại chim, chết vì tham đắm dục thì sinh trong bào thai v.v....

Lại nếu lìa ăn này thì được vui lớn như sinh về cõi Sắc và trong Nê-hoàn.

Lại tùy vì ăn nên mới có khổ cay cây đó. Như vậy quán việc ăn uống là khổ bất tịnh, cho nên cần tu tưởng nhàm chán.

Phẩm 177: Tưởng tất cả thế gian không gì có thể vui

Hành giả thấy tất cả thế gian đều khổ nên tâm không chút vui.

Lại hành giả này tu định ly hỷ: như vô thường tưởng, khổ tưởng, vô ngã tưởng, thực yếm tưởng, tử tưởng v.v..., nên tâm không vui tất cả những gì của thế gian.

Lại người này thấy những gì mình yêu thích thì tăng thêm tham dục, thấy những gì mình ghét thì tăng thêm giận dữ, cho nên đều không vui.

Lại thấy người giàu sang thì có cái khổ bảo vệ, thấy những người nghèo cùng có cái khổ thiếu thốn v.v....

Lại thấy người ở chỗ tốt sẽ đọa chỗ xấu, thấy người ở chỗ xấu đang chịu các khổ.

Lại thấy người giàu sang hiện tại biết chắc sẽ đọa lạc, vì đó cũng là chỗ mà các tham sân phiền não tụ hội. Còn những người nghèo cùng hiện biết không có cơ hội có thể ra được. Cho nên không tham vui tất cả thế gian.

Lại ít có chúng sinh được sinh chỗ tốt, phần nhiều đọa ác đạo, như trong kinh nói: Ít sinh chỗ tốt, nhiều sinh chỗ xấu, thấy lỗi đó rồi, chỉ cầu Nê-hoàn.

Lại người này thấy lỗi tham v.v... các phiền não thường đeo bám chúng sinh như người thù oán rình giết người, được cơ hội là hạ thủ ngay. Sống trong giặc thù đó làm sao vui được?

Lại thấy do phiền não sinh nghiệp bất thiện, nghiệp quả bất thiện thường đuổi theo, quyết không thoát được. Như trong kinh nói: Nếu người tạo ác nghiệp nay tạo, đã tạo và sẽ tạo, thì cho dù bay lên hư không, quyết không thể giải thoát. Cho nên không vui.

Lại nữa, sinh v.v... 8 khổ còn theo người có phúc hưởng là người vô phúc? Như vậy làm sao vui với thế gian.

Lại như hòm rắn độc, 5 tên giặc rút dao, giặc phá tan làng xóm. Các khổ ở bờ bên này thường theo chúng sinh làm sao vui được?

Lại như bị trôi trong sông nước mặn của ái dục. Khổ 5 dục như mũi nhọn tầm độc, vô minh đen tối, và

trong hầm lửa, thường bám theo chúng sinh, thì làm sao vui được!

Lại hành giả biết vui yên ổn ít, mà khổ não nhiều. Bởi vì sao? Vì thấy các thế gian ngày tốt, hội vui, cây rừng hoa quả sum sê tươi tốt, đất nước yên vui không được bao lâu, hoan lạc ít, mà chịu khổ thì nhiều. Cho nên không vui được với tất cả thế gian.

Hỏi: Với tướng này, tu tập được những lợi gì?

Đáp: Có thể đối với tất cả tướng thế gian tâm không tham đắm.

Lại nhờ tu tướng này nên mau được giải thoát, không còn ở lâu trong sinh tử nữa.

Lại hành giả này được lợi ích trí tuệ, vì thường học tập tất cả hành tướng tội lỗi.

Lại tâm người này không sinh phiền não, nếu sinh cũng mau diệt, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng. Hành giả do không vui thế gian, nên rất ưa thích tịch diệt. Nếu không chán thế gian thì không thể ưa vui tịch diệt. Cho nên phải tu tập tướng tất cả thế gian là không có gì đáng vui.

Phẩm 178: Tướng bất tịnh

Hỏi: Tu tướng bất tịnh như thế nào?

Đáp: Hành giả thấy hạt giống của thân là bất tịnh. Nghĩa là từ đường bất tịnh của cha mẹ sinh 2 giọt đỏ và trắng hòa hợp.

Lại thân này do vật bất tịnh mà thành. Đó là thức ăn vữa nát thành chất nhão lỏng.

Lại sinh ở chỗ bất tịnh là trong thai mẹ đầy nhầy bất tịnh.

Lại phân như v.v... các vật bất tịnh hợp lại mà làm thân, 9 lỗ nơi thân thường chảy bất tịnh.

Lại chỗ đặt mình là chỗ không tốt không sạch.

Lại ăn uống áo mặc đắp trên thân người đều thành bất tịnh, bị người nhòm gớm.

Lại vật dùng cho thân này đều là bất tịnh, như nước tắm gội, hoặc bồn tắm v.v....

Lại từ thân sinh ra móng, tóc, mồ hôi, mũi dãi v.v... đều là bất tịnh.

Lại thấy thầy chết thật là bất tịnh, thì thân ta đây khi chết đâu có khác gì? Phải biết xưa nay thường là bất tịnh. Khi sống chỉ vì ngã tâm che lấp, cho đó là tịnh, mà khi chạm thân người chết, cho đó là bất tịnh, mà tóc móng v.v... là các vật thường chết, nhiều loại trùng chết cũng thường ở trong thân. Cho nên biết thân này xưa nay bất tịnh.

Lại loài bất tịnh như rận rệp ruồi muỗi v.v... các loại trùng chết cũng thường chạm đến thân. Cho nên biết bất tịnh.

Lại thân này giống như nhà xí thường đầy bất tịnh, do đó nên trong nhà xí sinh hàng ngàn thứ trùng, thân này cũng như vậy.

Lại thân này như mồ mả. Bởi vì sao? Vì chỗ đặt thầy chết nên gọi là mả. Thân này cũng có nhiều trùng chết đang nằm trong đó.

Lại thân này hay tạo ra bất tịnh, như chỗ sạch, hoa tươi, quần áo, chuối anh lạc v.v..., do thân này nên đều bị bất tịnh.

Lại các người Bà-la-môn không ăn ở những nhà đang có người chết và người sinh đẻ, vì cho là bất tịnh. Mà ở trong thân này có hàng ngàn vạn thứ trùng thường sinh đẻ thường chết, thì không nên theo nó mà thụ ăn uống. Cho nên biết là bất tịnh.

Lại chỗ bất tịnh trên đời là lao ngục. Thân này là lao ngục nhất hàng ngàn loại trùng, nên gọi bất tịnh.

Lại thân này thường phải tắm gội, nếu nói là sạch cần gì tắm gội?

Lại dùng hoa đẹp hương thơm, chuối anh lạc trang sức cho thân này, phải biết thân này thể tính bất tịnh, nên mới nhờ tịnh vật bên ngoài để trang điểm.

Lại thân người rất là bất tịnh, như da, lông, móng, răng, gân, xương, thịt, nếu có cần dùng, thì thân người không một thứ nào có thể lấy, vì là bất tịnh.

Lại như hoa sen như Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma v.v... từ chỗ bất tịnh sinh, nên gọi bất tịnh, thân này không như vậy, không bởi các vật khác khiến nó bất tịnh, mà chính là tính nó bất tịnh.

Lại nếu thân này là sạch, thì cần gì dùng áo quần che đấp? Như người lấy áo che đậy đồng đại tiểu tiện để dối gạt người khác. Nữ nhân cũng như vậy, dùng đồ phục sức che đậy tắm thân để dối gạt nam tử, trái lại nam tử cũng làm như vậy. Phải biết là bất tịnh.

Lại khắp cả thân này thường chảy ra bất tịnh. Đó là 9 lỗ cửa ngõ của bất tịnh và các lỗ chân lông không một chút sạch. Nên biết bất tịnh.

Hỏi: Tu tướng bất tịnh được những lợi gì?

Đáp: Bởi tướng rằng nam nữ là sạch nên khởi tham dục, từ tham dục đó mở các cửa tội lỗi. Tu tướng bất tịnh thì có thể chế phục tham dục. Bởi vì sao? Vì thân này đều là hôi thối bất tịnh, chỉ lớp da mỏng che khuất nên không biết được, tựa như lấy áo che đống bất tịnh. Ai ưa sạch sẽ thì hãy tránh xa!

Lại người hành giả này, nhờ tướng xanh bầm v.v... mà phá hoại tất cả chấp thân. Vì phá chấp thân này nên không sinh tham dục.

Lại cũng chỉ hiện thấy các sắc xanh bầm.

Hỏi: Như thật chưa xanh, vì sao thấy xanh?

Đáp: Hành giả nhờ sức tín giải lấy tướng xanh này thấy tất cả sắc đều xanh bầm.

Hỏi: Quán như vậy chẳng phải là điên đảo sao?

Đáp: Trong thân này có phần xanh bầm. Như trong kinh nói trong nước có tính sạch.

Lại thường tu tập tướng xanh bầm nên có thể thắng các sắc khác, như ánh sáng viên ngọc xanh có thể làm át sắc trắng. Như vậy tập lâu tướng xanh bầm v.v... thì tướng bất tịnh đầy đủ. Bất tịnh đầy đủ thì không khởi dâm dục. Không khởi dâm dục thì đóng bít các cửa tội lỗi, tùy thuận Nê-hoàn. Tu tướng bất tịnh được lợi như vậy.

Phẩm 179: Tưởng về sự chết

Hành giả vì tưởng về sự chết thì đối với thọ mạng tâm không quyết định, cho nên phải tu tập.

Lại người này thường rất ưa thích pháp thiện, trừ dứt bất thiện. Bởi vì sao? Vì chúng sinh phần nhiều quên cái chết, nên mới khởi nghiệp bất thiện, nếu nghĩ nhớ cái chết thì có thể trừ dứt.

Lại thường nhớ đến cái chết, nên đối với cha mẹ, anh em, chị em, bà con, láng giềng, bè bạn v.v..., mong bớt sự tham ái.

Lại tu tập tưởng đến cái chết thì được tự lợi. Nghĩa là có thể nhất tâm tu tập các pháp thiện, chúng sinh thế gian nhiều vui lợi tha mà bỏ tự lợi.

Lại người này có thể mau được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người thường theo qua lại trong thế gian nên có chết chóc, người này chán sự chết chóc nên cầu giải thoát.

Hỏi: Nên tu tưởng về sự chết như thế nào?

Đáp: Như trước đã nói chung tất cả vô thường. Nay chỉ nói quán thân vô thường. Dứt âm luôn nối nhau gọi là chết. Tưởng thân này vô thường hơn cả sự vật bên ngoài, giống như bình chén không có tướng bền chắc. Hành giả quán thân mong mạnh hơn các vật kia. Bởi vì sao? Vì bình chén kia, nếu gia tâm giữ gìn hoặc có thể còn lâu dài, còn thân này có lâu lắm cũng không hơn trăm năm. Vì không bền chắc cho nên phải nghĩ nhớ tưởng đến cái chết.

Lại thân này có nhiều pháp làm hại như là dao, gậy, mũi nhọn, giặc thù, hằm hớ, ăn uống không tiêu hóa, các chứng bệnh lạnh, nóng, gió. Tóm tắt mà quan sát tất cả chúng sinh và vật phi chúng sinh, đều là pháp trái hại của thân. Cho nên phải tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả thấy thân, trong mỗi niệm thường là tướng hư hoại không bảo đảm được một niệm, cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả hiện thấy tuổi trẻ, tuổi già, có bệnh, không bệnh, không ai có thể đuổi cái chết đi được, mới tự nghĩ thân mình rồi cũng sẽ có ngày như vậy. Cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả thấy có nghiệp báo bất định, không phải tất cả nghiệp đều chịu hết trong khoảng tuổi thọ trăm năm. Vì nghiệp bất định nên cái chết cũng đến không nhất định Cho nên phải nghĩ nhớ sự chết.

Lại trong vô thủy sinh tử có vô lượng nghiệp. Có những nghiệp có thể làm hại các nghiệp khác. Ta cũng có thể có nghiệp chết phi thời, thì làm sao tin chắc được mạng sống này ư?

Lại hành giả thấy cái chết nó có thể lực lớn, không thể dùng lời mềm mỏng dụ dỗ, hay đối gạt bằng của cải, hoặc theo đuổi tranh tụng mà thoát được, như núi đá lớn từ 4 phía áp đến không chỗ chốn tránh.

Hỏi: Nếu ai có thể khiến vua Diêm Vương hoan hỷ thì được thoát chết?

Đáp: Nói vậy là ngu si. Diêm Vương không có quyền tự do sinh sát, mà chỉ có thể khảo xét việc làm thiện hay ác mà thôi. Nếu thụ báo hết, lại bị nhân duyên hại thân thì chết. Cho nên hành giả thấy thân không chỗ nương nhờ và cầu cứu, ở trong con đường chết, cho nên nghĩ nhớ tưởng về sự chết.

Lại hành giả thường thấy thân này bị già bệnh làm khổ não, tính không bền chắc. Vì không có tính bền chắc, và niệm niệm sinh diệt nối nhau, vì nghiệp thức trói buộc, cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả này thấy chết là định mệnh, thì bất định ắt thắng, vì bất định nên tu tưởng về sự chết.

Hỏi: Vì sao không nói tưởng về già bệnh v.v... mà chỉ nói tưởng về sự chết?

Đáp: Già bệnh cướp người không thể cướp hết được. Bệnh tật cướp mất sự khỏe mạnh. Già nua cướp tuổi thanh xuân, mà dòng họ láng giềng của cái và thân vẫn còn. Còn cái chết thì cướp đi hết.

Lại già bệnh v.v... là nhân duyên của chết, nên không cần nói riêng.

Lại trong kinh nói chết là một sự tối tăm to lớn, không có ánh sáng và không ai cứu giúp, cũng không bè bạn, không chỗ nương cậy, là chỗ rất đáng sợ. Cho nên phải nghĩ đến cái chết.

Lại chúng sinh vì nhân duyên chết nên khiếp sợ đời sau.

Lại trong 3 cõi tất cả đều có chết, mà già bệnh thì không như vậy.

Hỏi: Nếu không rời chúng sinh có tướng chết đó, chúng sinh tức là giả danh. Hành giả tu tập tướng này làm gì?

Đáp: Không hoại tướng chúng sinh là khiếp sợ đối với sự chết. Nếu tu tướng về sự chết thì không sinh kinh sợ, cho nên phải tu tập.

Lại tướng vô thường gọi là con đường gần. Còn tướng bất tịnh, tướng chán ăn và tướng về sự chết gọi là đường xa. Người chưa đắc đạo dùng các tướng này nên có thể chế phục được tâm.

Phẩm 180: Ba tướng sau

Tướng đoạn là như trong 4 chính cần có nói: Vì muốn đoạn dứt pháp ác bất thiện đã sinh nên siêng năng tinh tiến. Các pháp ác bất thiện này là nhân duyên khổ não của địa ngục v.v..., và cũng là gốc các điều khổ của các tiếng tăm xấu ác và tâm ăn năn v.v.... Cho nên phải đoạn dứt.

Hỏi: Phải dứt bằng cách nào?

Đáp: Được pháp không tạo tác, bấy giờ là dứt.

Lại nghĩ nhớ tà là nhân tham dục v.v... các phiền não. Dứt sự nghĩ nhớ tà vậy đó là pháp dứt.

Hỏi: Tu tướng dứt này được những lợi ích gì?

Đáp: Người tu tướng này thường không theo pháp ác, mà làm những việc đáng làm.

Lại đây là lia 8 nạn, làm thân người lợi, gọi là dứt phiền não.

Lại ưa dứt phiền não là mặc pháp phục hủy bỏ hình hảo, lợi người xuất gia. Nếu ai không như vậy thì luống uổng tự hồ thân.

Lại nếu hành giả ưa tu tướng dứt, thì dùng pháp cúng dường Phật.

Tướng lia dục, tướng diệt, là nếu dục hết không sinh gọi là lia dục. Nghĩ lia dục này gọi là tướng lia.

Hỏi: Nếu nói tướng dứt tức là tướng lia, sao còn nói lại?

Đáp: Do dứt được lia. Dứt là diệt trừ tham dục. Như trong kinh nói: Vì dứt tham dục nên 5 ám dứt.

Lại tướng dứt là tướng lia dục. Bởi vì sao? Vì nếu với pháp này không tham gọi là dứt pháp đó. Cho nên nếu được lia dục, thì khổ não diệt. Như trong kinh nói: Người lia dục được giải thoát. Được giải thoát tức là dứt. Nếu vào được vô dư, đó gọi là diệt.

Lại trong kinh nói có 3 tính là tính dứt, tính lia dục và tính diệt. Nếu nói tính dứt, tính lia dục tức là A-la-hán, dứt tất cả phiền não, lia dục 3 cõi, trụ Nê-hoàn hữu dư. Nếu nói tính diệt tức lâm chung xả thọ mạng dứt ám nói nhau vào Nê-hoàn vô dư.

Lại có 2 thứ giải thoát là tuệ giải thoát và tâm giải thoát. Nếu nói dứt tức là lia vô minh, nên tuệ được giải thoát. Nếu nói lia dục tức là lia tâm ái, được giải thoát. Quả của 2 giải thoát này gọi là diệt.

Lại nếu nói dứt tướng tức là nói dứt lậu vô minh. Nếu nói lia tướng dục tức là nói dứt dục lậu hữu lậu. Nếu nói tướng diệt tức là 2 quả này.

Lại như trong kinh nói: Dứt tất cả các hành nên gọi là dứt, lia tất cả các hành nên gọi là lia, diệt tất cả hành nên gọi là diệt. Vậy thì 3 pháp này nghĩa một mà tên khác nhau. Nếu tu tướng vô thường cho đến tướng diệt thì xong tất cả việc. Diệt các phiền não, dứt âm kết nối nhau, vào Nê-hoàn vô dư.

Phẩm 181: Năm định cụ đầu trong các định cụ

Hỏi: Ông trước nói đạo đế, gọi là định cụ và định. Đã nói định, nay cần phải nói định cụ. Bởi vì sao? Vì nếu có định cụ thì định mới thành, nếu không là không thành?

Đáp: Định cụ có tất cả 11 pháp: 1. Thanh tịnh trì giới. 2. Được thiện tri thức. 3. Giữ gìn căn môn. 4. Ăn uống có độ lượng. 5. Đầu đêm cuối đêm bớt ngủ nghỉ. 6. Đầy đủ thiện giác. 7. Đầy đủ tín giải. 8. Đủ phần hành giả. 9. Đủ chỗ giải thoát. 10. Không bị chướng ngại. 11. Không chấp trước.

1. Thanh tịnh trì giới: Lia nghiệp bất thiện gọi là trì giới. Nghiệp bất thiện như là sát, đạo, tà dâm, là 3 thân nghiệp. Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ là 4 khẩu nghiệp. Xa lia tội này gọi là trì giới.

Lại lễ kính đưa rước, và cúng dường v.v..., tu hành các pháp thiện cũng gọi là giới. Vì giới có thể làm nhân cho định cho nên phải thụ trì. Bởi vì sao? Vì như gia công vàng, trước trừ chỗ thô bản. Như vậy trước lấy trì giới trừ lỗi lớn là phá giới, sau mới lấy định v.v... trừ các lỗi nhỏ. Bởi vì sao? Vì nếu không trì giới thì không có thiền định. Nhờ nhân duyên trì giới thiền định dễ thành. Như trong kinh nói: Giới là gốc đạo và cũng là bậc thang tốt.

Lại nói: Giới là cái xe đầu tiên, nếu không lên xe đầu làm sao lên được xe thứ hai v.v....

Lại nói: Giới là đất bằng; đứng nơi đất bằng này quan sát được 4 đế.

Lại nói: Hai sức là sức nghĩ và sức tu. Sức nghĩ tức là trì giới, sức tu là đạo. Trước suy nghĩ so lường tội lỗi phá giới, lợi ích trì giới nên mới có thể trì giới. Sau khi đắc đạo tự nhiên là ác.

Lại nói: Giới là rễ cây Bồ-đề, mà không rễ là không cây. Nên phải có tịnh giới.

Lại pháp là phải như vậy. Nếu không trì giới thì không thiền định, giống như liệu pháp trị bệnh, phải dùng như vậy trị bệnh phiền não, nếu không trì giới thì chỉ liệu pháp thôi không đủ.

Lại nói người trì tịnh giới thì tâm không ăn năn, cho đến là dục tâm được giải thoát, các công đức này đều do trì giới, nên gọi định cụ.

Lại có nghiệp chướng, phiền não chướng. Quả 2 thứ chướng này gọi là báo chướng. Nếu trì tịnh giới thì

không có 3 chương này. Nếu tâm không có chương thì có thể thành định.

Lại người tịnh trì giới không bại hoại, ắt đến Nê-hoàn, như gỗ trôi trong dòng sông Hằng.

Lại tịnh trì giới nên có thể an lập. Trì giới có thể ngăn nghiệp bất thiện nơi thân miệng. Thiền định có thể ngăn nghiệp bất thiện nơi ý. Ngăn các phiền não như vậy, được trí thật chân trí thì rốt ráo dứt trừ.

Lại lâu dài của đạo phẩm lấy giới làm trụ cột. Thành trì của tâm thiền định lấy giới làm tường thành chung quanh. Qua biển sinh tử lấy giới làm cầu. Vào trong đám đông người thiện lấy giới làm dấu tin. Ruộng 8 Thánh đạo lấy giới làm bờ. Nếu ruộng không bờ không giữ nước. Cũng như vậy, nếu không tịnh giới nước định không giữ được.

Hỏi: Sao gọi là tịnh trì giới?

Đáp: Nếu hành giả thâm tâm không ưa làm ác, khiếp sợ đời sau và tiếng xấu, gọi là tịnh trì giới.

Lại hành giả đem tịnh tâm nên trì giới thanh tịnh. Như trong Kinh Thất Dâm Dục nói: Thân tuy không phạm, mà tâm không tịnh nên giới không tịnh.

Lại nhân duyên phá giới là các phiền não, nếu có thể chế phục là trì giới được tịnh.

Lại Thanh Văn trì giới chỉ vì Nê-hoàn; người cầu Phật đạo đem lòng đại bi vì tất cả chúng sinh không chấp giới tướng, có thể khiến giới đó, như tính Bồ-đề. Trì giới như vậy gọi là thanh tịnh.

2. Thiện tri thức: Trong kinh nói do 2 nhân duyên có thể sinh chính kiến là một theo người nghe pháp, hai tự nghĩ nhớ đúng dẫn pháp đã được nghe. Đó gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Nếu vậy, sao chỉ nói thiện tri thức?

Đáp: Trong kinh nói: A-nan hỏi Phật: Con ngồi yên một nơi, suy nghĩ như vậy: Gặp được thiện tri thức là được nửa phần nhân duyên đắc đạo? Phật bảo đừng nói như vậy. Thiện tri thức là nhân duyên đắc đạo đầy đủ. Bởi vì sao? Vì chúng sinh sinh lão bệnh tử được ta làm thiện tri thức, thì đều được giải thoát sinh lão bệnh tử.

Lại chúng sinh nhờ thiện tri thức, được tăng trưởng giới v.v... 5 pháp. Như cây Sa-la nhờ núi Tuyết-Sơn được 5 sự tăng trưởng.

Lại Phật hãy còn ưa thích thiện tri thức. Như khi mới đắc đạo nghĩ như vậy: Nếu người không có thầy thì không khiếp sợ, không có tâm cung kính, thường bị ác pháp che khuất, không có hạnh yên ổn. Ta phải lấy ai làm thầy, nương ai mà trụ? Khởi nghĩ như vậy rồi mới khắp xem tất cả không ai hơn mình được, liền sinh ý nghĩ rằng: Pháp ta đã chứng được, nhờ đó mà thành Phật, nay phải trở lại nương pháp đó. Các Phạm thiên cũng khen rằng: Vậy không ai bằng Phật. Tất cả Chư Phật đều lấy pháp làm thầy.

Lại thiện tri thức giống như đèn sáng; có mắt mà không đèn thì không thấy gì được. Như vậy hành giả tuy có lợi căn phúc đức nhân duyên mà không có thiện tri thức thì không được ích gì.

Hỏi: Người như thế nào là thiện tri thức?

Đáp: Tùy theo có thể làm cho người tăng trưởng pháp thiện gọi là thiện tri thức.

Lại tất cả những người thiện an trụ nơi chính pháp, đều là thiện tri thức của trời người thế gian.

3. Giữ gìn căn môn: Là nghĩ nhớ chân chính. Hành giả không nên nhắm mắt không thấy, chỉ nên nhất tâm chính niệm hiện tiền.

Lại gọi là chính tuệ, lấy chính tuệ này có thể phá cảnh duyên hiện tiền. Có thể phá cảnh duyên hiện tiền nên có thể không chấp lấy tướng. Không chấp lấy tướng nên không chạy theo giả danh. Nếu không giữ các căn, để chấp lấy tướng thì các phiền não sinh, lưu xuất ra 5 cửa tức thì phá giới các pháp thiện. Nếu có thể giữ gìn căn môn thì các giới được bền chắc.

4. Ăn uống có độ lượng: Không vì sức mạnh, dâm dục, tham vị mà ăn, ăn chỉ để nuôi thân.

Hỏi: Hành giả nuôi thân để làm gì?

Đáp: Để tu pháp thiện. Nếu bỏ pháp thiện thì không đạo pháp. Không đạo pháp thì làm sao lìa khổ được! Nếu người không vì tu hành mà ăn, là luống uổng nuôi kẻ giặc thù, và cũng phá hoại phúc của thí chủ, tổn hại người cúng dường. Như vậy không nên ăn thức ăn của người.

Hỏi: Lấy gì mà lường sự ăn uống?

Đáp: Tùy lượng đủ có thể giúp nuôi thân, đó gọi là lường.

Hỏi: Nên ăn những thứ gì?

Đáp: Nếu thức ăn không tăng thân bệnh như lạnh nóng v.v..., tâm bệnh tham giận v.v..., là nên ăn. Những thức ăn này cũng phải tùy thời, như biết thức ăn đó đối với lúc này có thể tăng thêm các bệnh lạnh nóng tham giận v.v... thì không nên ăn.

Hỏi: Các ngoại đạo nói: Nếu ăn thứ thanh tịnh thì có thể được phúc thanh tịnh, nghĩa là tùy ý thêm muốn sắc, hương, vị, xúc, nhưng nước phải lọc lượt chú nguyện rồi sau mới ăn dùng. Đó gọi là tịnh. Việc đó thế nào?

Đáp: Đồ ăn uống không có quyết định là tịnh. Bởi vì sao? Vì nếu cho rằng đồ ăn thừa là bất tịnh, thì tất cả đồ ăn uống không thứ nào không phải là thừa. Như sữa là vật thừa của bò con, mật là đồ thừa của ong, nước là thừa của trùng, hoa là thừa của ong, và trái cây là thừa của chim chóc. Cứ như vậy v.v....

Lại thân này từ bất tịnh sinh ra, thể tính bất tịnh, bất tịnh đầy nhầy. Đồ ăn uống trước là bất tịnh, sau vào trong thân không một chút tịnh. Chỉ vì điên đảo mê lầm vọng tưởng đó là tịnh mà thôi.

Hỏi: Nếu đều là bất tịnh, thì cùng hạng người hèn hạ, Chiên-đà-la đâu có khác chi?

Đáp: Lại nhờ không sát hại sinh mạng, không trộm cắp, không nuôi sống bất chính v.v..., đúng như pháp mà có cái ăn. Dem trí tuệ quán tưởng các lỗi do ăn uống, gạn lọc bằng nước trí tuệ xong rồi sau mới ăn. Không phải chỉ có lọc nước mà cho là tịnh.

5. Đầu đêm cuối đêm bớt ngủ nghỉ: Hành giả biết sự nghiệp do tinh tiến siêng năng mà thành đạt nên không ngủ nghỉ.

Lại thấy ngủ nghỉ luống qua không được gì. Nếu ông cho ngủ nghỉ là vui, chút vui hèn đó không đáng nói.

Lại hành giả không ưa chung cùng với phiền não, như người không ưa ở chung với kẻ oán thù. Lẽ đâu có người đang ở trong trận giặc mà ngủ ngon? Cho nên không ngủ nghỉ.

Hỏi: Con buồn ngủ đến làm sao xua đuổi?

Đáp: Người này được mùi vị Phật pháp, tâm rất vui mừng, nên có thể xua đuổi được.

Lại nghĩ tội lỗi già bệnh chết trong sinh tử thì tâm khiếp sợ nên không ngủ nghỉ.

Lại hành giả nhận thấy được làm thân người, các căn đầy đủ, lại may được gặp Phật pháp, có thể phân biệt tốt xấu, phải quấy là việc rất khó, mà nay không cầu độ còn đợi khi nào mới được giải thoát? Cho nên phải siêng năng tinh tiến để diệt trừ ngủ nghỉ.

Phẩm 182: Bất thiện giác

6. Đầy đủ thiện giác: Nếu người tuy không ngủ nghỉ mà khởi các bất thiện giác, như dục giác, sân giác, não giác, hoặc thân lý giác, quốc độ giác, bất tử giác, lợi tha giác, khinh tha giác v.v.... thì thà nên ngủ nghỉ, để đừng khởi những thứ bất thiện giác này.

Cần phải nghĩ nhớ cần, chính, xuất, các thiện giác, như xuất giác, không sân não giác, 8 giác của bậc Đại nhân.

Dục giác là nương lòng tham dục mà sinh tri giác, trong 5 dục thấy có lợi lạc, gọi là dục giác.

Làm suy hại chúng sinh, gọi là sân giác, não giác. Hành giả không nên nhớ nghĩ 3 thứ giác này. Bởi vì sao? Vì nghĩ đến 3 giác này thì bị tội nặng.

Lại như trước đã nói tội lỗi tham v.v.... Bởi tội lỗi này không nên nghĩ nhớ.

Hỏi: Sao không nói si giác?

Đáp: Ba ác giác này sinh theo thứ lớp, còn các phiền não khác không phải như vậy. Hành giả nếu nghĩ đến 5 dục nên sinh tham giác, tham mà không được mới sinh giận dữ; thành giận dữ gọi là não. Cho nên không nói si.

Lại kết quả của si là tham giận. Nếu từ tham giận sinh nghiệp bất thiện. Ba giác này là nghiệp nhân bất thiện. Như trong kinh nói: Ví như cục đất, đêm thì khói ra, ngày thì lửa đốt. Khói tức là giác, lửa gọi là nghiệp.

Thân lý giác: Bởi bà con, xóm làng nên khởi nghĩ nhớ muốn làm cho bà con, xóm làng được yên ổn vui vẻ. Nếu nghĩ đến suy hại thì sinh buồn rầu. Nếu nghĩ muốn cùng cộng tác với bà con xóm làng làm việc nọ việc kia gọi là thân lý giác. Hành giả không nên nghĩ nhớ thứ giác này. Bởi vì sao? Vì bản nguyện khi xuất gia đã xả bỏ bà con xóm làng, mà nay lại khởi giác này là điều không nên.

Lại nếu người xuất gia lại nghĩ đến bà con xóm làng thì luống bỏ gia thuộc, uổng công không thành gì. Vì yêu bà con xóm làng nên sinh tham đắm. Vì tham đắm mới giữ gìn. Vì nhân duyên giữ gìn mà các nghiệp bạo lực thứ tự sinh khởi. Cho nên không nên sinh thân lý giác.

Lại cùng bà con xóm làng hòa hợp thì không thể tăng trưởng pháp thiện.

Lại hành giả nghĩ tất cả chúng sinh trôi lăn trong sinh tử, không một ai là không phải bà con xóm làng thì vì sao chấp đắm thiên lệch.

Lại trong sinh tử vì bà con xóm làng nên buồn thương khóc lóc nước mắt chảy thành biển cả, mà nay lại tham đắm nữa thì khổ không bao giờ hết.

Lại chúng sinh vì nhân duyên lợi ích nên thân ái nhau không có nhất định.

Lại người hay nghĩ bà con là tướng ngu si. Người ngu ở thế gian không có ai chưa lợi mình mà muốn lợi người. Nếu nghĩ bà con xóm làng thì ít tự lợi. Vì những lẽ trên đây nên hành giả không nên khởi thân lý giác.

Quốc độ giác: Hành giả sinh ý nghĩ có cõi nước nào đó giàu vui yên ổn nên đến đó có thể được an vui.

Lại tâm nông nổi muốn dạo xem khắp. Hành giả không nên khởi ý giác như vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả cõi nước đều có lỗi xấu, có nước rất lạnh, có nước rất nóng, có nước nhiều nguy hiểm, có nước nhiều bệnh tật, có nước nhiều giặc trộm. Có nhiều lỗi khác nhau như vậy, nên không nên nghĩ tới.

Lại người nông nổi thì mất thiện định. Tùy theo chỗ ưa vui có thể được tăng thêm pháp thiện thì đó là tốt, chứ cần gì phải xem khắp các cõi nước? Tất cả các cõi nước chỉ nghe từ xa, đến đó chưa chắc vừa lòng, vì người đời phần nhiều nói quá sự thật.

Lại những người đi qua các nước chịu nhiều sự khổ.

Lại thân là nhân khổ, mà mang nhân khổ này theo thì đi đến đâu cũng đều chịu khổ.

Lại hưởng chịu khổ vui do nghiệp nhân thì dù đi xa đến đâu cũng không ích gì. Cho nên không nên khởi quốc độ giác.

Bất tử giác: Là hành giả khởi nghĩ như vậy: Ta nên từ từ sẽ tu đạo. Trước hết phải đọc tụng Tu-đa-la, Ti-mi, A-tì-đàm, tạp tạng, Bồ-tát tạng, rộng họp các sách ngoại điển, nuôi nhiều đệ tử, dắt dẫn người thiện, cúng dường 4 thập, khuyến hóa chúng sinh khiến tu đại bố thí, sau phải tu đạo gọi là bất giác tử.

Hành giả không nên khởi nghĩ như vậy. Bởi vì sao? Vì giờ khắc chết không định được, không thể dự biết trước được. Nếu trong khi đang kinh doanh các việc, không may mạng tận thì đâu kịp tu đạo được. Đến khi sắp chết lòng dạ ăn năn buồn rầu rằng ta luống dưỡng thân này uổng không được gì hết, đồng chết như loài súc sinh nào khác. Như trong kinh nói: Phạm phu nên dùng 20 pháp để chiết phục tự tâm nghĩa là như vậy: Ta chỉ có hình hài và y phục khác người thế tục mà không được một sở đắc gì hết. Cho đến sẽ như thế này cho đến chết thôi.

Lại người trí không làm những việc không nên làm.
Nhu trong Kinh Pháp Cú nói:

Không nên làm, không làm,
Nên làm thì thường làm.
Nghĩ nhớ tâm an tuệ,
Thì được hết các lậu.

Lại trong kinh nói:

Người chưa được 4 đế,
Phương tiện vì muốn được,
Phải siêng năng tinh tiến,
Hơn cứu lửa cháy đầu.

Cho nên không nên khởi bất tử giác.

Lại bất tử giác là tập khí ngu si, có đâu người trí biết mạng sống vô thường, như hạt sương trên cành, dễ gì có thể bảo tồn một khắc!

Lại trong kinh nói: Phật hỏi các Tì-kheo: Các ông tu tập tưởng chết như thế nào? Có vị thưa Phật rằng: Con không bảo đảm được 7 năm. Có vị thưa 6 năm. Cứ như vậy giảm bớt cho đến còn trong giây lát. Phật nói: Các ông đều là những người phóng dật mà tu tưởng về sự chết. Khi đó có một Tì-kheo trích vai áo bên hữu thưa Phật rằng: Con thì cho rằng hơi thở ra không chắc đã hít vào, hơi hít vào không chắc sẽ thở ra. Phật khen: Hay thay! Hay thay! Ông mới là chân thật tu tưởng về sự chết. Cho nên không nên khởi bất tử giác.

Lợi tha giác: Là đối với người không phải trong bà con xóm làng muốn làm cho họ được lợi ích. Nếu khởi ý nghĩ như vậy: Có thể tu bố thí làm cho ai đó giàu sang an vui, còn ai đó thì không.

Hành giả không nên khởi giác như vậy. Bởi vì sao? Vì không bởi ý nghĩ mà có thể làm cho ai được khổ vui. Chỉ có tự mình vì ý nghĩ đó làm hoại loạn định tâm mà thôi.

Hỏi: Muốn khiến người được lợi không phải tâm từ hay sao?

Đáp: Hành giả cầu đạo nên nghĩ đến lợi đệ nhất nghĩa là vô thường v.v.... Trong đó tuy có ít được phúc nhưng vì có thể hại đạo, lợi ít hại nhiều, vì loạn định tâm. Nếu đem tâm nghĩ lợi người khác thì không thể thấy tội lỗi tham đắm, cho nên không nên nghĩ.

Khinh tha giác: Là hành giả, hoặc nghĩ người này chủng tính, hình sắc, giàu sang, tài năng, tri giới, lợi căn, thiên định, trí tuệ v.v... đều không bằng ta.

Hành giả không nên khởi giác như vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả muôn vật đều vô thường, nếu thượng trung hạ đâu có sai khác?

Lại tóc lông móng răng của người này đều gọi là bất tịnh như nhau không khác.

Lại già bệnh chết v.v... và suy não cũng vẫn đồng nhau.

Lại tất cả chúng sinh trong ngoài khổ não đều đồng nhau không khác.

Lại phàm phu mà giàu sang là nhân duyên gây tội lỗi.

Lại giàu sang không bao lâu rồi cũng nghèo cùng lại. Cho nên không khởi giác khinh dể người khác.

Lại kiêu mạn là một phần của vô minh, người trí làm sao khởi giác đó.

Phẩm 183: Thiện giác

Xuất giác: Là tâm ưa xa lìa, như lìa 5 dục và 2 cõi Sắc, Vô sắc. Ưa vui xa lìa này nên gọi xuất giác. Vì ưa vui xa lìa này là không các khổ mà tùy theo tham đắm mới có khổ, không tham đắm thì vui. Trong các giác, 2 thứ giác vui là vô sân giác và vô não giác. Bởi vì sao? Vì 2 giác này gọi là an ổn giác. Như trong Phẩm Như Lai nói: Như Lai thường có 2 thứ giác hiện tiền là an ổn giác và viễn ly giác. An ổn giác tức thứ giác không sân não. Viễn ly giác tức là xuất giác.

Lại nghĩ 3 giác này thì phúc tăng trưởng, cũng có thể thành định tâm, và tâm được thanh tịnh.

Lại nghĩ 3 giác này có thể ngăn các trói buộc, vì dứt các trói buộc nên mau chóng được dứt diệt.

Lại hành giả vì ưa xa lìa, nhóm họp được nhiều pháp thiện, nên mau được giải thoát.

Tám bậc đại nhân giác: Là trong Phật pháp, nếu người thiếu dục mới có thể được lợi ích, chứ không phải người đa dục, người tri túc, người xa lìa, người tinh tiến, người nghĩ nhớ chân chính, người định tâm, người trí tuệ,

người không hý luận có thể được lợi ích, và người phi hý luận gọi là tám.

Thiếu dục mà gọi là hạnh, là vì muốn tu đạo nên phải muốn vật cần dùng, nhưng không nên cầu nhiều vật thừa không dùng, gọi là thiếu dục.

Tri túc là có người hoặc vì nhân duyên, hoặc vì tri giới, hoặc muốn người khiến người khác tâm được thanh tịnh, cho nên lấy ít mà tâm không cho là đủ. Nếu có người lấy ít tâm cho là đủ, đó gọi là tri túc. Có người tuy lấy ít vật mà tìm thứ tốt, đó là thiếu dục mà không phải là tri túc. Nếu lấy vừa được ít vật, gọi là tri túc.

Hỏi: Nếu lấy vật cần dùng gọi là thiếu dục, thì tất cả chúng sinh đều được gọi thiếu dục vì đều lấy vật cần dùng thôi?

Đáp: Hành giả không đem lòng tham đắm mà lấy, chỉ vì dùng mới lấy nên không lấy nhiều, không như người đời vì trang điểm, tiếng khen, thường lấy mà lấy nhiều.

Hỏi: Hành giả vì sao phải thiếu dục và tri túc?

Đáp: Trong việc giữ gìn thấy có tội lỗi.

Lại chứa đê mà không dùng là tướng ngu si.

Lại người xuất gia không nên tích trữ như người thế gian. Vì các lỗi đó nên phải thiếu dục tri túc.

Lại hành giả, nếu không thiếu dục tri túc thì lòng tham tăng dần, rồi vì tài lợi mà tìm cầu những gì không đáng tìm cầu.

Lại tham tài lợi rốt cuộc không yên ổn, vì quá tham đắm.

Lại người xuất gia này ưa tu hạnh xa lìa, mà vì tham lợi nên quên mất điều nên tu.

Lại cũng không thể bỏ các phiền não. Bởi vì sao? Vì ngoại vật còn không bỏ được hưởng chi nội pháp.

Lại thấy lợi dưỡng là nhân suy não, như mưa đá hại lúa má. Cho nên thường tu tập thiếu dục tri túc.

Lại thấy nhận của tín thí khó đền, như mắc nợ không trả, về sau phải chịu khổ não.

Lại thấy lợi dưỡng là vật bỏ của Phật và người thiện. Như Phật nói: Ta không gần lợi dưỡng, lợi dưỡng đừng gần ta.

Lại hành giả này đầy đủ pháp thiện, nên bỏ lợi dưỡng. Như Phật nói: Chư thiên còn không thể được vui xuất, vui ly, vui tịch diệt và vui chân trí như ta đã được. Cho nên bỏ lợi dưỡng.

Lại như Xá-lợi-phất nói: Ta khéo tu vô tướng, lấy không Tam-muội quán tất cả vạn vật bên ngoài, coi như đóm dãi.

Lại hành giả thấy không có người nào thụ dục mà chán đủ, như uống nước mặn không trừ hết khát được. Cho nên siêng cầu trí tuệ mới là đầy đủ.

Lại thấy người đa dục thường phát nguyện cầu, cầu nhiều mà được ít, nên thường bị khổ.

Lại thấy người cầu xin, bị người khinh tiện không chút kính trọng như người thiếu dục.

Lại người xuất gia mà đa cầu là việc rất không nên làm, mà người ta cho không lấy mới phải. Cho nên cần phải tu hạnh thiếu dục tri túc.

Viễn ly: Là đối với những người tại gia xuất gia tu thân xa lìa, với các phiền não tu tâm xa lìa. Đó gọi là viễn ly.

Hỏi: Hành giả vì sao phải xa lìa?

Đáp: Những người xuất gia tuy chưa đắc đạo lấy xa lìa làm vui. Ở trong các chỗ người thế gian, nơi nữ sắc, chỗ ồn ào quyết không thể an vui được.

Lại nếu xa lìa thì tâm dễ vắng lặng, như nước không khuấy, tự nhiên lắng trong. Cho nên tu xa lìa.

Lại pháp xa lìa này đã được Chư Phật nhiều như cát sông Hằng ngợi khen. Vì sao biết được? Là Phật thấy Tì-kheo ngồi thiền định gần nơi xóm làng thì lòng không vui, mà thấy Tì-kheo nằm ngủ ở chỗ trống vắng thì hoan hỷ. Bởi vì sao? Vì ngồi thiền gần xóm làng bị nhiều nhân duyên làm tán loạn định tâm, khiến cho điều nên được thì không được, pháp phải chứng thì không chứng. Còn nằm ngủ chỗ vắng tuy có chút biếng nhác, nhưng nếu thức dậy cầu vào định thì thâm nhiếp được tâm tán loạn. Nhiếp tâm là có thể được giải thoát.

Lại bởi chấp lấy tướng nên mới khởi tham v.v... các phiền não. Còn chỗ trống vắng không có sắc v.v... các tướng thì phiền não dễ dứt, như lửa không củi, thì tự nhiên tắt mất.

Lại trong kinh nói: Nếu Tì-kheo ưa ở chỗ đông người, ưa nói năng đủ chuyện, không lìa chỗ đông người còn không thể được ái duyên giải thoát, huống là có thể được bất hoại giải thoát. Người tu hạnh xa lìa thì chắc chắn chứng được cả hai.

Lại như đèn lia gió thì có thể soi sáng. Hành giả cũng như vậy, nhờ tu hạnh xa lia nên có thể mau được chân trí.

Tinh tiến: Là hành giả, nếu tu chính cần, dứt pháp bất thiện, tu nhóm thiện pháp. Trong đó siêng năng tu nên gọi là tinh tiến. Như vậy thì có thể được lợi Phật pháp. Bởi vì sao? Vì nhóm hợp pháp thiện ngày ngày tăng trưởng như các loài hoa sen Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma v.v... tùy theo nước mà tăng trưởng dần lên. Còn người hành giả biếng nhác như khúc chày gỗ từ khi được làm thành đến nay, ngày một mòn dần đến hết.

Lại người tinh tiến, vì được lợi ích nên tâm thường hoan hỷ, còn người biếng nhác bị ác che tâm hằng ôm khổ não.

Lại người tinh tiến trong từng niệm pháp thiện tăng trưởng, thường xuyên không có tổn giảm.

Lại thâm tu tinh tiến được chỗ vượt trội hơn hết là đạo của chư Phật. Như trong kinh Phật bảo A-nan rằng thâm tu tinh tiến có thể đến Phật đạo.

Lại người tinh tiến dễ được định tâm.

Lại kẻ độn căn mà tinh tiến tuy còn ở trong sinh tử cũng mau được giải thoát; còn người lợi căn mà biếng nhác thì không thể được.

Lại có bao nhiêu lợi ích đời nay, đời sau, thế gian, xuất thế gian đều nhờ tinh tiến. Trái lại tất cả thế gian có bao nhiêu sự suy não đều do biếng nhác. Như vậy thấy lỗi biếng nhác, lợi ích tinh tiến, nên phải nghĩ nhớ tinh tiến.

Nghĩ nhớ chân chính: Là thường đối với thân, thụ, tâm và pháp, tu tập nghĩ nhớ chân chính.

Hỏi: Nghĩ nhớ 4 pháp này được những lợi ích gì?

Đáp: Pháp ác bất thiện không đến nhập vào tâm, như khéo giữ đề phòng thì kẻ ác không xâm nhập được.

Lại như bình đầy thì nước không vào nữa được. Như vậy người này pháp thiện đầy nhẩy nên không dung các điều ác.

Lại nếu tu nghĩ nhớ chân chính này thì gồm thâu tất cả pháp thiện nghiệp vào trong phần giải thoát như uống nước biển là uống đủ các nguồn, vì tất cả nguồn đều chảy vào biển cả.

Lại tu nghĩ nhớ chân chính này gọi là an trụ chỗ hành xứ tự tại, ma dân phiền não không thể phá hoại được, như ví dụ chim ưng chim cất.

Lại người này tâm đã an trụ khó động như động, như chiếc bình tròn đã đặt trên cái đế.

Lại người này không bao lâu sẽ được lợi ích, như trong Kinh Tì-kheo-ni nói: Các Tì-kheo-ni hỏi A-nan rằng: Thưa Đại đức! Bọn chúng tôi khéo tu niệm xứ giác khác hơn trước? A-nan bảo: Khéo tu pháp đó là như vậy.

Định tâm: Là nếu tu tập định tâm được lợi ích vi diệu. Như trong kinh nói: Người tu định tâm có thể biết như thật.

Lại vì người này thân có phép hơn người như là thân mình phun ra nước lửa, bay đi tự do v.v....

Lại người này được cái vui, cho đến chư thiên và Phạm Vương v.v... không thể nào bằng được.

Lại người này là người làm việc đáng làm, không làm điều gì không nên làm.

Lại khéo tu tập định, pháp thiện thường tăng.

Lại người tu tập định, về sau tâm không ăn năn, người này gọi là được quả xuất gia. Cũng gọi là người thuận theo Phật dạy, chứ không như những người luống lãnh của tín thí cúng dường. Người này có thể trả ơn cho người thí phúc, mà người khác không thể trả được.

Lại pháp định tâm này được chư Phật và hiền thánh đều gìn giữ.

Lại có thể kham thụ tất cả pháp thiện.

Lại nếu định tâm được thành tựu thì chứng Thánh đạo, mà không thành thì sinh về Tịnh thiên là 2 cõi Sắc và Vô sắc. Bởi vì sao? Vì như bố thí v.v... không thể được việc như vậy. Nghĩa là có thể rất ráo không tạo ác. Như trong kinh nói: Nếu đứa trẻ con từ lúc còn nhỏ bé, tu tập lòng từ, có thể khởi tâm ác nghĩ việc ác chăng? Thưa không, Thế Tôn! Đó đều là định lực.

Lại định tâm gọi là nhân chân trí tuệ. Nhân chân trí tuệ mới có thể diệt hết các hành nghiệp. Các hành hết nên các khổ não cũng diệt hết.

Lại hành giả đối với việc tất cả thế gian và xuất thế gian khởi nghĩ tức làm xong không nhọc gia công sức. Còn các người khác còn không thể phát tâm lòng chỗ sở đắc của người kia cho nên nói định tâm có thể được lợi ích.

Trí tuệ: Là người trí trong tâm không sinh phiền não, nếu sinh liền diệt, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng.

Lại tâm người trí không khởi các tướng, nếu khởi liền diệt, như sương trên cành, gặp ánh nắng liền khô.

Lại nếu có con mắt trí có thể xem Phật pháp, như người có mắt ban ngày dùng được.

Lại người trí gọi là được phần Phật pháp, như chính là con thì được hưởng phần của cải của cha mẹ.

Lại trí tuệ gọi là có mạng sống ngoài ra gọi là chết.

Lại người trí tuệ gọi là người chân đạo nhân, vì có thể biết đạo.

Lại người trí biết mùi vị Phật pháp, như thiết căn không hư có thể phân biệt 5 vị.

Lại người trí tuệ ở trong Phật pháp tâm định không động, như núi đá gió không lay động được.

Lại người trí tuệ gọi là tín, vì tự được 4 pháp tin mà không theo người khác mới có được.

Lại được Thánh tuệ căn gọi là đệ tử Phật, ngoài ra là ngoại phàm phu. Cho nên nói người trí có thể được lợi ích.

Không hỷ luận: Là như lời nghị luận cho là một, hoặc cho là khác, gọi là hỷ luận. Như A-nan hỏi Xá-lợi-phất: Nếu 6 xúc nhập, lìa dục diệt hết rồi, nếu có còn thừa ư? Xá-lợi-phất nói: Nếu 6 xúc nhập lìa dục tận diệt rồi, nếu còn có thừa là không thể luận mà ông luận ư? Nếu không có cũng có, cũng không, không phải có, không phải không, hỏi đáp cũng như vậy.

Hỏi: Việc ấy vì sao không thể luận?

Đáp: Hỏi này là hỏi pháp thật ngã là một hay là khác, cho nên không đáp, vì ngã không quyết định. Chỉ trong 5 ấm giả lập danh tự mà nói đó thôi. Nếu lấy có, không mà đáp, tức là sa vào dứ, thường. Nếu đem pháp nhân duyên mà luận nói ngã thì không phải là hý luận.

Lại nếu người thấy chúng sinh trống không, pháp trống không, thì không hý luận. Cho nên nói người không hí luận mới được lợi ích của Phật pháp. Đó gọi là đầy đủ thiện giác.

Phẩm 184: Năm định cụ sau

7. Đầy đủ tín giải tốt: Nghĩa là như người hành giả có thể ưa thích Nê-hoàn mà chán ghét sinh tử gọi là tín giải tốt. Tín giải như vậy chóng được giải thoát.

Lại người ưa thích Nê-hoàn tâm không đắm gì cả.

Lại ưa thích Nê-hoàn thì không khiếp sợ. Bởi vì sao? Vì nếu là phàm phu mà tâm nghĩ Nê-hoàn liền sinh kinh sợ cái ngã sẽ mất hẳn.

Hỏi: Do nhân duyên gì tín giải Nê-hoàn?

Đáp: Hành giả thấy thế gian vô thường, khô, không, vô ngã thì đối với Nê-hoàn sinh tưởng tịch diệt.

Lại người này bản tính phiền não nhẹ yếu, nghe nói Nê-hoàn thì lòng tin vui ưa thích.

Lại nếu theo vị thầy giỏi, hoặc đọc kinh sách, nghe sinh tử tội lỗi, như Kinh Vô Thủy và các Kinh Ngũ Thiên Sứ v.v... nói, thì chán lia sinh tử tin vui Nê-hoàn.

8. Đủ phần hành giả: Như trong kinh nói có 5 phần của hành giả là: 1. Có tin. 2. Tâm không dua dọc. 3. Ít bệnh. 4. Tinh tiến. 5. Trí tuệ.

Có tin là tâm đối với Tam Bảo và 4 đế không nghi hối. Không nghi hối nên mau được thành định.

Lại người có lòng tin nhiều vui vẻ nên chóng được thành định.

Lại người có tin, tâm điều hòa dễ thu nhiếp nên chóng được định.

Hỏi: Nếu do định sinh tuệ, sau có thể dứt nghi. Nay vì sao trước định rồi nói không nghi?

Đáp: Vì nhờ đa văn nên có thể dứt nghi chứ không phải được định.

Lại sinh vào nhà rất có lòng tin, hoặc cùng làm việc với những người có lòng tin, nên thường tu lòng tin, tuy chưa được định, nhưng không sinh nghi v.v....

Không dua dọc: Là đem tâm chất trực, tâm không che giấu, thì dễ độ, như người nói thật và đầy đủ bệnh trạng với thầy thuốc thì dễ cứu chữa.

Ít bệnh: Ít bệnh thì có thể đầu đêm cuối đêm tinh tiến không dứt. Nếu người tật bệnh thì trở ngại sự hành đạo.

Tinh tiến: Là vì cầu đạo nên thường siêng năng tinh tiến, như dùi cây để lấy lửa mà không nghi tay thì chóng được lửa.

Trí tuệ: Nhờ có trí tuệ nên được quả 4 việc. Đó là Thánh đạo.

Hỏi: Các pháp niệm xứ ... cũng là phần của hành giả. Vì sao chỉ nói 5 pháp này?

Đáp: Tuy đều là phần, mà pháp này vượt trội hơn, nên hành giả phải cần dùng, cho nên nói riêng. Cũng lia tất cả ác, nhóm tất cả thiện, nên gọi phần của hành giả, như có nói trong Kinh Cù-ni-sa.

9. Đủ chỗ giải thoát: Là 5 giải thoát xứ: 1. Như Phật và Ti-kheo Tôn Thắng vì đó nói pháp, theo chỗ được nghe, riêng có thể tính thông đạt ngôn ngữ nghĩa lý. Nhờ thông đạt đó nên sinh tâm hoan hỷ. Hoan hỷ thì thân khoan khoái, khoan khoái thì thụ vui, thụ vui là tâm được thu nhiếp. Đó là chỗ giải thoát đầu tiên. Hành giả an trụ chỗ giải thoát này nên nhớ nghĩ mạnh mẽ thì tâm nhiếp định, các lậu được diệt hết, chắc chứng được Nê-hoàn. 2. Siêng đọc tụng kinh điển. 3. Vì người khác nói pháp. 4. Ở riêng một chỗ suy nghĩ các pháp. 5. Khéo giữ định tướng, là 9 tướng v.v... như trên đã nói.

Hỏi: Phật và Ti-kheo Tôn Thắng vì sao nói pháp cho hành giả này?

Đáp: Vì có khả năng thụ pháp có thể được lợi ích lớn, cho nên nói cho hành giả này.

Lại Ti-kheo này nhờ Phật xuất gia các căn thuần thực, nên vì nói pháp. Còn Ti-kheo Tôn Thắng vì chỗ đồng nghiệp nên nói cho nhau.

Lại người hành giả này cần phải nghe pháp, cho nên vì nói.

Lại người này có các công đức tịnh giới v.v... đã thành tựu, giống như cái đồ đựng đã làm xong có thể đựng đồ vật, cho nên vì nói pháp. Đó gọi là 3 tuệ. Thông đạt ngôn ngữ là đa văn tuệ, thông đạt nghĩa lý là tư duy tuệ. Do đạt 2 tuệ trên có thể sinh tâm hỷ, cho đến nhiếp tâm sinh như thật trí, đó gọi là tu tuệ. Ba tuệ này có 3 thứ quả là chán, lia, và giải thoát.

Lại nữa, nghe pháp, đọc tụng, vì người nói pháp là đa văn tuệ. Suy nghĩ so lường các pháp là tư duy tuệ, khéo giữ lấy định tướng là tu tuệ.

Hỏi: Tâm giải thoát và hết lậu 2 pháp đó có gì sai khác?

Đáp: Dùng định ngăn phiền não nên nói tâm giải thoát, vĩnh viễn dứt hẳn phiền não mới nói hết lậu.

Hỏi: Như tu pháp trì giới v.v... cũng là chỗ giải thoát, như nói trì giới thì tâm không hối, tâm không hối thì hoan hỷ v.v.... Hoặc nhờ thí v.v... cũng được giải thoát. Vì sao chỉ nói 5 pháp này ư?

Đáp: Vì vượt trội nên được nói riêng.

Hỏi: Pháp này có gì vượt trội?

Đáp: Là nguyên nhân gần của giải thoát, giới v.v... vì là nguyên nhân xa nên không nói.

Hỏi: Sao biết được là nguyên nhân gần?

Đáp: Hành giả nghe pháp biết âm, giới, nhập v.v... chỉ các pháp hòa hợp, trong đó không ngã, cho nên tức là

đã phá giả danh. Phá giả danh tức là giải thoát, nên gọi đó là nguyên nhân gần.

Lại trong kinh nói: Công đức đa văn là không theo người khác cầu nghe pháp, tâm dễ thâm nhiếp v.v.... Cũng do đó nên biết là nguyên nhân gần.

Lại Phật pháp có công đức lớn có thể diệt phiền não, đến Nê-hoàn v.v.... Trong pháp tịch diệt này, hoặc nghe hoặc tụng hoặc tự suy nghĩ thì chóng được giải thoát, cho nên gọi là nguyên nhân gần.

Lại thí được đại phú, trì giới được tôn quý, đa văn được trí. Nhờ trí tuệ nên được diệt hết các lậu, chứ không nhờ phú quý cho nên biết là nguyên nhân gần.

Lại Xá-lợi-phất v.v... được tôn xưng là bậc đại trí, đều do đa văn.

Hỏi: Nếu nhờ đa văn tâm dễ nhiếp thì vì sao A-nan đầu hôm, giữa đêm, cuối đêm đều không được giải thoát?

Đáp: Đầu của A-nan chưa kê lên gối đã được giải thoát. Cho nên thường ở trong pháp hiếm có, vì sao không nhanh chóng?

Lại A-nan trong đêm đó có chút lỗi tinh tiến, vì quá mệt nên không được giải thoát.

Lại A-nan tự thề rằng: Trong đêm nay ta quyết được hết lậu. Cũng như Bồ-Tát tự thề trong đạo tràng. Thử hỏi ai có sức này? Người như A-nan đều là nhờ sức đa văn.

10. Không bị chướng ngại: Như nói 3 chướng là nghiệp chướng, báo chướng, và phiền não chướng. Nếu

ai không có 3 chương ngại này thì không đọa chỗ nạn. Nếu lia được các nạn là kham thụ đạo pháp.

Lại người đó gọi là đầy đủ 4 luân là : cõi nước tốt đẹp, y chỉ người thiện, tự phát chính nguyện và phúc đức đời trước.

Lại có thể thành tựu 4 phần Tu-đà-hoàn là: gần gũi người thiện, ưa nghe chính pháp, tự nghĩ nhớ chân chính và có thể thực hành theo chính pháp.

Lại có thể lia bỏ tham v.v... 3 pháp, như trong kinh nói: Không dứt 3 pháp thì không vượt qua được già, bệnh, chết.

11. Không chấp trước: Là không đắm trước bờ bên này, không đắm trước bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không vọt lên đất bằng, không bị người bắt lấy, và phi nhân bắt lấy, không vào trong dòng nước xoáy, không tự mục nát. Bờ bên này là 6 nhập bên trong. Bờ bên kia là 6 nhập bên ngoài. Giữa dòng là tham, hỷ. Đất bằng là ngã mạn. Người bắt là hòa hợp với người tại gia xuất gia. Phi nhân bắt lấy là trì giới để sinh lên trời. Dòng xoáy là phá giới. Mục nát là phá trọng cấm. Nếu người đối với nội nhập chấp ngã, tức đối với ngoại nhập sinh tâm ngã sở. Từ nội ngoại nhập kia sinh tham hỷ, cho nên mới chìm đắm trong đó. Từ đó sinh ngã mạn. Tại vì sao. Nếu người đắm chấp thân thụ có vui, cho nên người đến khinh chê thì sinh kiêu mạn. Như vậy vì ngã, ngã sở, tham hỷ, ngã mạn làm loạn tâm, nên mới gây thành các việc khác.

Hỏi: Trong dụ này lấy gì làm nước, nếu lấy 8 Thánh đạo làm nước, thì không nên lấy nội ngoại 6 nhập làm bờ sông, tham, hỷ v.v... làm giữa dòng, cũng không nên có dòng xoáy, mục nát. Nếu lấy tham ái làm nước, thì làm sao theo đó được đến Nê-hoàn?

Đáp: Lấy 8 Thánh đạo làm nước. Thí dụ bất tất khiến cho giống hệt nhau hết. Như cây này nếu lìa 8 nạn quyết trôi đến biển cả. Tì-kheo cũng vậy, lìa các dòng, nạn, thì theo nước 8 Thánh đạo trôi vào Nê-hoàn. Như nói sữa trắng như vỏ sò, chỉ lấy màu sắc của sò mà không lấy cứng mềm, cũng như nói mặt như mặt trăng, mà chỉ lấy cái đầy đặn mà không lấy hình dạng vậy.

Lại hành giả ra khỏi Thánh đạo rồi, lại đắm trước nội ngoại nhập, thì không bằng cây này ở giữa dòng nước, vướng mắc bờ bên này bờ bên kia và mục nát v.v....

Lại có luận sư nói: Như nước sông Hằng quyết chảy về biển lớn. Như vậy 8 Thánh đạo chắc đến Nê-hoàn. Cho nên mới lấy làm thí dụ.

Như trên đã lược nói đủ 11 định cụ. Nếu có pháp này tự nhiên được định.

Phẩm 185: Hơi thở ra vào

A-na-ba-na tức hơi thở, có 16 hạnh tất cả là: Nghĩ nhớ hơi thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn. Nghĩ hơi thở khắp thân, trừ các thân hành, giác hỷ, giác lạc, giác tâm hành, trừ tâm hành. Nghĩ hơi thở ra vào, giác tâm, khiến tâm

hỷ, khiến tâm nhiếp, khiến tâm giải thoát. Nghĩ hơi thở ra vào, tùy vô thường, quán tùy dứt, quán ly diệt. Nghĩ hơi thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn.

Hỏi: Thở dài ngắn là thế nào?

Đáp: Như người trèo lên núi, hoặc gánh nặng bị mệt là nên hơi thở ngắn. Hành giả cũng như vậy, còn ở trong thô tâm bấy giờ là ngắn. Thô tâm đó chỗ gọi là tâm vội vã tán loạn. Hơi thở dài là nếu hành giả ở trong trạng thái tế tâm thì hơi thở dài. Bởi vì sao? Vì tâm dịu nên nên hơi thở cũng tùy theo đó mà dịu dàng dần. Như ngay khi người đó quá mệt nên nghỉ để thở thì cũng tùy mà dịu, bấy giờ thì hơi thở dài.

Khấp thân, là hành giả vì tin và hiểu thân trống không nên thấy tất cả lỗ chân lông có gió ra vào.

Trừ thân hành, là hành giả được sức cảnh giới, tâm yên ổn nên hơi thở thô diệt, bấy giờ hành giả mới nhớ đủ chỗ trong thân.

Giác hỷ, là người đó từ định pháp này tâm sinh đại hoan hỷ, trước kia tuy có hoan hỷ nhưng không bằng, bấy giờ gọi là giác hỷ.

Giác lạc, là từ hỷ sinh lạc. Bởi vì sao? Vì nếu tâm được hoan hỷ thì thân điều hòa thỏa thích, thân điều hòa hòa thỏa thích là được an vui khoan khoái. Như trong kinh nói: Tâm hoan hỷ nên thân khoan khoái, thân khoan khoái thì cảm thụ vui.

Giác tâm hành, là hành giả thấy tội lỗi của hỷ là vì có thể sinh tham. Tham là hành vi của tâm, do tâm khởi,

cho nên trong thụ sinh tham, cho nên thấy thụ là hành vi của tâm.

Trừ tâm hành, là hành giả thấy lỗi do thụ sinh tham. Trừ diệt thì tâm yên ổn, cũng trừ diệt thô thụ nữa nên nói trừ tâm hành.

Giác tâm, là hành giả trừ mùi vị của cảm thụ nên thấy tâm tịch diệt không chìm không động. Tâm này có khi lặn chìm, bây giờ khiến hỷ. Nếu tâm lại nổi động thì bấy giờ khiến nhiếp giữ. Nếu lìa được 2 pháp này, bấy giờ nên xả, cho nên nói khiến tâm giải thoát. Hành giả như vậy tâm tịch định nên sinh vô thường hành. Nhờ vô thường hành dứt các phiền não, gọi là dứt hành. Dứt phiền não nên tâm chán lìa gọi là ly hành. Vì tâm lìa nên được được tất cả diệt, gọi là diệt hành. Như vậy thứ lớp được giải thoát, nên mới gọi là 16 hạnh nghĩ nhớ hơi thở ra vào.

Hỏi: Vì sao nghĩ nhớ thở ra vào gọi là Thánh hạnh, Thiên hạnh, Phạm hạnh, học hạnh, vô học hạnh ư?

Đáp: Gió vận hành trong hư không, tướng hư không có thể mau mở đường cho tướng hoại. Tướng hoại tức là trống không. Không tức là Thánh hạnh, cho nên gọi là Thánh hạnh. Vì muốn sinh về cõi tịnh thiên nên gọi là thiên hạnh. Vì muốn đến tịch diệt, nên gọi Phạm hạnh. Vì muốn học pháp nên gọi là học hạnh. Vì đến bậc vô học, nên gọi là vô học hạnh.

Hỏi: Nếu quán bất tịnh rất chán lìa thân, chóng được giải thoát, cần gì tu 16 pháp hạnh này ư?

Đáp: Tu bất tịnh quán chưa được lìa dục, tự chán ghét thân tâm thì sinh mê muội, như uống thuốc quá liều

thì lại gây thêm bệnh. Như vậy bất tịnh ưa sinh chán ghét. Như các Tỳ-kheo tu quán bất tịnh bên bờ sông Bạt-câu-mạt, nên rất sinh chán ghét, bởi đó mà gây ra các việc như uống thuốc độc, nhào đầu từ trên cao tụt sát v.v.... Hạnh này không như vậy. Có thể được lìa dục mà không sinh chán ghét, nên gọi là thắng.

Lại hạnh này dễ được, duyên tự thân nên bất tịnh dễ mất.

Lại hạnh này vi tế, vì có thể tự hoại thân, bất tịnh hạnh thô kịch, khó hoại tướng xương.

Lại hạnh này có thể phá tất cả phiền não, bất tịnh chỉ phá dâm dục. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do giác sinh, nghĩ nhớ hơi thở ra vào để dứt các giác.

Hỏi: Hơi thở ra vào là thuộc thân hay thuộc tâm?

Đáp: Cũng thuộc thân, cũng thuộc tâm. Bởi vì sao? Vì ở trong thai không có, nên biết do thân, nếu đệ tử thiền v.v..., và những người vô tâm không có nên biết do tâm.

Hỏi: Thở không cố ý khởi, không nên do tâm. Bởi vì sao? Hơi thở này không do ý khởi như tâm nghĩ các việc khác. Hơi thở thường ra vào, như thức ăn vào bụng tự tiêu, như bóng tự di chuyển theo hình, không phải người làm?

Đáp: Thở không do cố ý khởi, không do nghĩ nhớ, chỉ do các duyên hòa hợp mà khởi. Nếu có tâm thì có, mà không tâm là không, cho nên biết do tâm.

Lại tùy theo tâm mà có sai khác. Thô tâm thì ngắn, tế tâm thì dài.

Lại thở ra vào còn do cõi do tâm. Nếu ở tại cõi thở ra vào, cũng có cõi tâm thở ra vào, bây giờ thì có thở ra vào. Cõi như là cõi Dục và Tam thiên. Nếu ở tại cõi thở ra vào, mà không cõi tâm thở ra vào, và tại vô tâm, bây giờ thì không có. Nếu tại cõi không thở ra vào, bây giờ cũng không có.

Hỏi: Khi khởi thở, thở ra trước hay thở vào trước?

Đáp: Khi sinh trước ra, khi chết sau vào. Ra vào đệ tứ thiên cũng như vậy.

Hỏi: Nghĩ nhớ thở ra vào này, sao gọi là đầy đủ?

Đáp: Hành giả nếu được 16 hạnh này, bây giờ gọi là đầy đủ.

Có luận sư nói: Do 6 nhân duyên nên gọi đầy đủ. Đó là Sô, Tùy, Chi, Quán, Chuyển, Duyên, Thanh tịnh.

Sô, là đếm hơi thở ra vào từ 1 đến 10. Có 3 lối đếm: hoặc bằng, hoặc quá hơn, hoặc giảm bớt. Bằng là 10 thì đếm là 10. Quá hơn là 11 đếm cho là 10. Giảm bớt là đếm 9 cho là 10.

Tùy, là tâm hành giả theo dõi hơi thở ra vào.

Quán, là hành giả thấy hơi thở luôn trong thân như sợi chỉ luôn hạt châu.

Chi, là khiến tâm trụ theo hơi thở ra vào.

Chuyển, là chuyển thân.

Duyên, là tâm khiến thụ duyên tâm hiện tiền. Tâm pháp cũng như vậy.

Thanh tịnh, là hành giả lìa tất cả phiền não và các nạn, tâm được thanh tịnh. Đây không nhất định. Bởi vì

sao? Vì trong các hạnh này không nhất thiết phải cần dùng 2 pháp Số, Tùy, hành giả chỉ khiến tâm trụ trong hơi thở để dứt các giác. Nếu có thể tu 16 pháp này gọi là đầy đủ.

Lại tướng đầy đủ này cũng không quyết định, vì chỗ sở hành của người độn căn đối với người lợi căn là không đầy đủ.

Hỏi: Thở ra vào này, vì sao trong kinh nói gọi là ăn?

Đáp: Nếu thở ra vào ngừng v.v..., thân được khoái lạc như được ăn thứ ngon, lợi ích hòa thích cho thân thể nên gọi là ăn.

Hỏi: Trong 16 hạnh này, đều phải nhớ thở ra vào luôn sao?

Đáp: Người này gọi là xé rách 5 âm phương tiện. Nếu xé rách 5 âm trừ giả danh rồi, đâu còn dùng nghĩ nhớ hơi thở ra vào làm chi nữa? Đó gọi là thân nhớ. Có 4 pháp nhớ thân nên gọi thân nhớ.

Hỏi: Nhớ là duyên về quá khứ, thở là hiện tại, mà sao gọi là nhớ?

Đáp: Đó là trí phá giả danh, vì nhớ nên mới nói. Các tâm số pháp thay nhau mà gọi tên như 10 tướng v.v..., cũng nhớ chỗ sở hành trước sau, nên gọi là nhớ.

Hỏi: Trong thở dài ngắn v.v... không nói Thánh hành, vì sao vô hành lại gọi chỗ nhớ? Trong kinh nói: Nếu hành giả học thở ra vào, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc khắp thân, hoặc trừ thân hành, bấy giờ gọi là chỗ nhớ thân?

Đáp: Đó là phương tiện đạo đầu tiên. Vì muốn tâm thanh tịnh nên về sau gọi là dứt đạo.

Lại trong đây có vô thường v.v... các hạnh. Chỉ kinh đó không nói, các kinh khác có nói. Hành giả ở trong thờ ra vào quán thân sinh tướng, diệt tướng, và sinh diệt tướng.

Lại nói quán thân vô thường v.v.... Chỉ trong đệ tứ vô thường v.v... các hành đầy đủ cho nên nói.

Phẩm 186: Định nạn

Định này, nếu lìa chướng ngại các nạn có thể thành lợi ích lớn. Định nạn, là như thô hỷ. Như trong kinh nói: Ta sinh thô hỷ là pháp tâm nạn. Hành giả không nên sinh thô hỷ đó, vì sẽ có các lỗi tham đắm làm loạn định tâm.

Hỏi: Từ pháp sinh hỷ, làm sao không cho sinh được?

Đáp: Hành giả nghĩ nhớ trống không thì không sinh hỷ. Vì tưởng có chúng sinh nên mới sinh hỷ, chứ 5 âm trống rỗng không có chúng sinh thì làm sao có hỷ?

Lại hành giả nên khởi nghĩ như vậy: Vì nhân duyên nên có các pháp sinh, nghĩa là ánh sáng v.v..., trong đó có gì đáng vui mừng ư?

Lại hành giả thấy pháp được hỷ đều liền bại hoại, thì thô hỷ diệt.

Lại hành giả lại còn cầu việc lớn, không dùng ánh sáng v.v... các pháp làm gì, cho nên không sinh hỷ.

Lại hành giả vì thấy tướng diệt là lợi, nên không cho ánh sáng v.v... các tướng là đáng vui mừng.

Lại hành giả này tu tập tịch diệt để muốn dứt hết phiền não, nên không sinh hỷ. Bởi các duyên này nên có thể diệt được thô hỷ.

Lại có định nạn khiếp sợ. Hành giả thấy duyên đáng sợ nên sinh sợ hãi. Thế gian có bao nhiêu điều đáng sợ hãi hành giả đều thấy hết. Đối với những việc đó đều phải nghĩ kỹ vô thường bại hoại, không nên tùy theo đó. Bởi vì sao? Vì trong pháp tọa thiền có thấy những nhân duyên này là việc có thể sợ, không nên vì đó mà sinh khiếp sợ, vì việc đó đều hư vọng trống không, như ảo thuật có thể gạt người phàm chứ không phải chân thật. Suy nghĩ như vậy là lia được sợ hãi.

Lại nương không pháp thì không sợ hãi.

Lại khởi ý nghĩ như vậy: Do sức ta tu nên mới cảm hiện tướng lạ này, không nên khiếp sợ.

Lại tự nghĩ thân có các công đức trì giới đa văn đầy đủ, không nhân duyên nào có thể gia hại ta được, nên không khiếp sợ.

Lại hành giả này vì vui đạo sâu sắc, nên không tiếc thân mạng, nào còn sợ gì nữa?

Lại tâm người này thường ở trong chính niệm, cho nên việc khiếp sợ không thể chen vào được.

Lại nghĩ tướng dũng cảm nên không sợ hãi. Sợ hãi là tướng khiếp nhược. Dùng các pháp như vậy để diệt trừ sợ hãi.

Lại có định nạn không thích hợp, là hành giả có bệnh nóng lạnh v.v..., hoặc các nhân duyên mệt mỏi

mất ngủ khiến thân thể không điều hòa thích hợp, hoặc có các phiền não tham buồn ganh ghét v.v... khiến tâm không điều hòa thích hợp, nên mất thiền định. Cho nên hành giả phải tự lo giữ gìn thân tâm cho được điều hòa thích hợp.

Lại có định nạn dị tướng, là như tướng như bản, và cũng có tướng không không phải như bản nhưng có thể làm loạn thiền định, như tướng bố thí v.v....

Lại có định nạn không bình đẳng, là như tinh tiến, hoặc mau hoặc chậm. Mau thì thân tâm mỗi mệ, chậm thì không lấy được định tướng, đều thoái lui mất định, như bắt chim, gấp thì mỗi mệ, hoãn thì bay mất.

Lại như chinh dây đàn, nếu căng hoặc chùng đều không thành tiếng.

Lại tinh tiến nếu mau thì khó rất ráo. Như Phật bảo A-na-luật rằng: Ông tinh tiến quá sau ắt sẽ trở nài. Bởi vì sao? Vì nếu quá tinh tiến thì việc không thành trở lại biếng nhác, mà tinh tiến nếu chậm việc cũng không xong. Cho nên không bình thường cũng gọi là định nạn.

Lại có định nạn vô niệm, là không nghĩ pháp thiện, dù có nghĩ pháp thiện lại không phải chỗ sở thụ.

Lại không nghĩ định tướng mà nghĩ ngoại sắc. Đó gọi là không nghĩ nhớ. Hành giả nên nhất tâm tinh tiến nghĩ nhớ pháp đã thụ như tay bưng bát dầu đầy.

Lại có định nạn điên đảo, là người nhiều tâm dục chịu tu pháp tâm từ, người nhiều giận dữ tu tập pháp bất tịnh. Hai hạng người trên quán 12 nhân duyên.

Lại trong tâm chìm mà tu chỉ, trong tâm động mà tu tinh tiến, trong 2 tâm này mà tu xả, đó gọi là điên đảo.

Lại có định nạn nhiều lời, nghĩa là nhiều giác quán. Giác quán là nhân của ngôn ngữ. Lại vì tâm không lạc trụ, bắt buộc ở tại cảnh duyên.

Lại có định nạn không lấy tướng. Có 3 thứ tướng là chỉ tướng, tiền tướng và xả tướng.

Lại có 3 tướng nữa là nhập định tướng, trụ tướng và khởi tướng. Hành giả không rành phân biệt các tướng như vậy, nên mất thiền định.

Lại có mạn định nạn, là như nói ta đây vào định được, mà người kia không vào được, gọi là kiêu mạn. Hoặc nói người kia có thể mà ta không thể, gọi là bất như mạn. Hoặc chưa được định mà tự bảo đã được, là tăng thượng mạn. Đối với định không vi diệu mà sinh tưởng cho là vi diệu, gọi là tà mạn.

Lại pháp tham v.v... cũng gọi định nạn. Như trong kinh nói: Nếu hành giả một pháp thành tựu thì không thể quán mắt vô thường. Đó gọi là tham.

Hỏi: Tất cả những người chưa lìa dục, đều không thể quán mắt vô thường sao?

Đáp: Lời đó có chút lỗi. Phải nói hiện tại khởi tham không thể quán mắt vô thường.

Lại trong thành tựu có sai khác. Có người tham v.v... dày nặng thường đến với tâm, thì hay chướng định, hoặc mỏng mà không thường xuyên, thì không thể làm chướng nạn.

Lại trong kinh nói 13 pháp ác đều gọi là định nạn, 13 bạch pháp đều là thuận định.

Như Phật nói: Nếu không dứt 3 pháp thì độ được già, bệnh, chết. Đó là tham, nhuế, si. Nếu không dứt 3 pháp đó thì không thể dứt tham, nhuế, si là thân kiến, giới thủ, nghi.

Lại có 3 pháp là tà niệm, tà hành, tâm chìm.

Lại có 3 pháp là nhớ quấy, bất an, tuệ loạn tâm.

Lại có 3 pháp là điều hý, không giữ các căn, phá giới.

Lại có 3 pháp là bất tín, tà giới, biếng nhác.

Lại có 3 pháp là không ưa người thiện, ghét nghe chính pháp, ưa xoi bói lỗi người.

Lại có 3 pháp là không cung kính, khó trao đổi giải bày, tập theo ác tri thức. Nếu không dứt 3 pháp thì không dứt được sự không cung kính, khó trao đổi giải bày, ác tri thức, nghĩa là không hổ, không thẹn, phóng túng. Nếu dứt được sự không hổ, không thẹn, phóng túng thì dứt được sự không cung kính, khó trao đổi giải bày, quen tập theo ác tri thức, cho đến dứt được thân kiến, giới thủ, nghi, thì dứt được tham, nhuế, si độ thoát già, bệnh, chết.

Trong đây độ thoát già, bệnh chết là Niết-bàn vô dư. Dứt tham, nhuế, si là quả A-la-hán Nê-hoàn hữu dư. Dứt thân kiến, giới thủ, nghi, là 3 quả Sa-môn. Dứt tà niệm, tà hành, tâm chìm là ở trong noãn v.v... đạt phần thiện căn. Dứt nghĩ nhớ sai quấy, không an tuệ, loạn tâm là tu 4 ức niệm xứ. Dứt điều hý không giữ các căn phá giới, là thụ giới xuất gia. Dứt sự không ưa người thiện,

ghét nghe chính pháp, ưa xoi bói lỗi người, không tin tà giới, biếng nhác, không cung kính, khó trao đổi giải bày, quen tập theo ác tri thức, không hổ, không thẹn, phóng túng, là tại gia thanh tịnh.

Bởi vì sao? Vì nếu người ở một mình làm ác mà không biết xấu hổ, gọi là không hổ, người này về sau tâm ác tăng dần, ở giữa chúng mà làm ác cũng không chút liêm sỉ, gọi là không thẹn. Mất gốc pháp thiện của 2 bạch pháp này nên thường đuổi theo pháp ác gọi là phóng túng. Bởi thành tựu 3 ác pháp này nên không chịu vâng lãnh những lời giáo huấn của các bậc sư trưởng tôn quý, gọi là không cung kính. Chống trả lời thầy dạy, gọi là khó trao đổi giải bày. Như vậy xa lìa sư trưởng, gần gũi người ác gọi là tập quen theo ác tri thức.

Trong đây, từ chỗ không hổ sinh không cung kính, từ không thẹn sinh khó trao đổi giải bày, từ phóng túng sinh quen tập theo ác tri thức. Cho nên sinh bất tín mà thụ pháp tà giới, thường biếng nhác, gần gũi người ác, được dạy cho điều bất tín, rằng làm ác không có báo. Hoặc nghe nói làm ác bị quả báo, liền thụ hành giới pháp gà, chó v.v..., mong chóng hết tội. Thụ hành giới pháp này không ngờ có chút lợi lại sinh biếng nhác, vì biếng nhác nên không ưa người thiện, cho rằng không phải người chân thật làm chính hạnh. Cũng ghét nghe chính pháp, cho rằng tu chính pháp đều như tà pháp không được lợi ích gì. Bởi tâm vẫn đục nên ưa xoi bói lỗi người, cho rằng pháp người kia làm cũng như mình đều không được gì cả. Như vậy không chế ngự được phiền não nên tâm hý điệu. Vì hý điệu nên không nhiếp

hộ các căn thì có thể phá giới, vì phá giới nên sinh nghĩ nhớ sai quấy, mà hành không an tuệ tâm chí tán loạn liền sinh tà niệm. Sinh tà niệm nên liền tu tà đạo. Khi tu tà đạo không được lợi ích, nên tâm mê mờ. Tâm không sáng suốt, nên không dứt được 3 kết. Không dứt 3 kết, nên không dứt được tham v.v... các bệnh phiền não ... các suy kém.

Trái với những thứ kể trên thì gọi là bạch pháp tức là pháp thanh tịnh.

Lại có định nạn lo rầu, là hành giả sinh ý nghĩ: Ta đã trải nhiều năm tháng mà không đắc định nên sinh lo rầu.

Lại tham đắm mùi vị hỷ lạc, đó cũng là định nạn.

Lại có định nạn không vui, nghĩa là tuy được chỗ tốt thầy giỏi v.v... duyên tâm cũng không vui.

Lại tham v.v...các thứ ngăn che, cũng đều gọi là định nạn.

Tóm lại, cho đến áo mặc, ăn uống v.v... các pháp làm tổn giảm thiện căn, tăng trưởng bất thiện đều gọi là định nạn, tức những khó khăn trong tu định, cần phải biết rõ, siêng cầu mong lia bỏ.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 15)

Phẩm 187: Chỉ Quán

Hỏi: Nhiều chỗ trong kinh Phật thường bảo các Tì-kheo hoặc ở nơi A-lan-nhã, hoặc ở dưới cây, hoặc ở trong nhà trống vắng, nên nghĩ nhớ 2 pháp là Chỉ và Quán.

Nếu tất cả các pháp thiền định đều nên nghĩ nhớ, vì sao chỉ nói Chỉ và Quán?

Đáp: Chỉ là định, Quán là tuệ. Tất cả pháp thiền nào do tu mới sinh thì đều nhiếp thuộc trong 2 pháp đó. Và còn ở tản tâm mà có các tuệ nghe nghĩ cũng nhiếp trong pháp này, vì 2 pháp này có thể thành xong đạo pháp.

Bởi vì sao? Vì Chỉ có thể ngăn kết, Quán có thể dứt diệt. Chỉ như nắm cỏ, Quán như liềm cắt. Chỉ như quét đất, Quán như trừ phân. Chỉ như dọn bẩn, Quán như rửa nước. Chỉ như nước làm thấm, Quán như lửa làm chín. Chỉ như ung nhọt, Quán như dao khoét. Chỉ như khởi mạch, Quán như chích máu. Chỉ là ngăn tâm động, Quán như vực dậy tâm chìm. Chỉ như vẩy nước vàng, Quán như đem lửa nung. Chỉ như dây buộc đất, Quán như dùng dao nạo. Chỉ như lấy nhiếp nhổ gai, Quán như kéo dao cắt tóc. Chỉ như áo giáp, Quán như binh tượng. Chỉ

như đứng thẳng, Quán như bắn tên. Chi như uống dầu, Quán như uống thuốc. Chi như nhồi đất, Quán như in ấn. Chi như gia công vàng, Quán như làm đồ vật.

Lại chúng sinh trong thế gian đều sa vào 2 bên hoặc khổ hoặc vui. Chi có thể xả bỏ vui, Quán có thể lia khổ.

Lại trong 7 tịnh, giới tịnh, tâm tịnh là Chi, còn 5 pháp kia là Quán.

Trong 8 pháp giác ngộ của bậc Đại nhân, 6 giác là Chi, 2 giác là Quán.

Trong 4 ức xứ, 3 ức xứ là Chi, ức xứ thứ tư là Quán, 4 như ý túc là Chi, 4 chính cần là Quán.

Trong 5 căn, 4 căn là Chi; tuệ căn là Quán, 5 lục cũng vậy.

Trong 7 giác phần, 3 giác phần là Chi, 3 giác phần là Quán, còn niệm giác phần chung cả hai.

Trong 8 chính đạo phần, 3 phần là giới, 2 phần là Chi, 3 phần là Quán. Giới cũng thuộc Chi.

Lại Chi có thể dứt tham, Quán trừ vô minh. Như trong kinh nói: Tu Chi là tu tâm, tu tâm là dứt tham thụ. Tu Quán là tu tuệ, tu tuệ thì vô minh dứt.

Lại vì lia tham nên tâm được giải thoát, vì lia vô minh tuệ được giải thoát. Giải thoát được 2 thứ đó lại không còn việc gì nữa nên chỉ nói 2 pháp đó.

Hỏi: Nếu Chi Quán có thể tu tâm tu tuệ vì tu tâm tuệ nên dứt tham và vô minh. Vậy sao định nói Chi có thể tu tâm, có thể dứt tham ái, Quán có thể tu tuệ có thể dứt vô minh?

Đáp: Tản tâm là các tâm nối nhau đi trong sắc v.v.... Tâm nối nhau này được pháp Chi thì dứt, cho nên nói Chi có thể tu tâm. Do dứt tâm sinh trí nên cho nói Quán có thể tu tuệ. Vì sinh Quán rồi sau mới có tu, nên đều gọi tu tuệ. Sơ tuệ gọi là Quán, sau mới gọi là tuệ. Như trong kinh nói: Tu Chi có thể dứt tham là nói ngăn dứt.

Làm sao biết được? Vì với sắc v.v... ngoại dục sinh tham, nếu được thuốc Chi thì không thể sinh lại. Như trong kinh nói: Hành giả khi được tịnh hỷ, là xả bỏ bất tịnh hỷ. Nếu nói vô minh dứt là dứt rốt ráo. Vì sao biết được? Vì vô minh dứt nên tham v.v... phiền não dứt hẳn không còn. Trong kinh cũng nói lìa tham nên tâm được giải thoát gọi là ngăn dứt. Lìa vô minh nên tuệ được giải thoát, gọi là rốt ráo dứt.

Có 2 thứ giải thoát: thời gian giải thoát và bất hoại giải thoát. Thời gian giải thoát là ngăn dứt; bất hoại giải thoát là rốt ráo dứt.

Hỏi: Thời gian giải thoát là 5 loại A-la-hán vô lậu giải thoát. Bất hoại giải thoát là bất hoại pháp A-la-hán vô lậu giải thoát, vì sao chỉ nói ngăn dứt ư?

Đáp: Đó không phải vô lậu giải thoát. Bởi vì sao? Vì thời gian giải thoát là chỉ nhờ thượng lực ngăn kết một thời gian ngắn mà chưa có thể dứt vĩnh viễn, về sau phát sinh lại, nên không phải vô lậu.

Lại giải thoát này gọi là thời, là ái giải thoát, chứ lậu tận A-la-hán không còn chỗ khả ái.

Hỏi: Nếu vậy là không có Thánh sở ái giới?

Đáp: Vì các học nhân chưa hết lậu nên ngã tâm thỉnh thoảng phát khởi, cho nên đối với giới sinh ái, chứ không phải A-la-hán ngã tâm đã diệt hẳn mà lại sinh ái.

Hỏi: A-la-hán Cù-đề với thời giải thoát 6 phen thoái lui mất, lo sợ thoái lui lần thứ 7 nên dùng dao tạt sát. Nếu mất hữu lậu không nên tạt hại. Cho nên biết thời giải thoát không gọi hữu lậu?

Đáp: Người này thoái lui mất sử dụng dứt kết thiền định, ở trong định đó 6 phen lui mất, đến phen thứ 7 lại được định đó lại, bèn muốn tạt sát. Bấy giờ liền chứng được đạo A-la-hán. Cho nên ma vương bảo nhau rằng học nhân chết đi quanh 4 phía thầy để tìm thức nó chạy ra. Rồi đến thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Đệ tử của ngài vì sao lậu chưa hết mà chết? Phật nói: Người này đã nhỏ góc ái, được vào Nê-hoàn.

Hỏi: Nếu dứt tham gọi là ngăn dứt thì trong kinh có nói: Từ tham tâm được giải thoát, từ nhuế si tuệ được giải thoát. Lại nói: Từ dục lậu tâm được giải thoát. Như vậy đều nên gọi ngăn chặn là giải thoát, chứ không phải giải thoát thật sự?

Đáp: Trong đó cũng có nói dứt vô minh, nên mới biết là rốt ráo giải thoát. Nếu nói dứt tham thì hoặc ngăn dứt, hoặc rốt ráo dứt. Nếu không sinh chân trí thì đó là ngăn dứt; tùy sinh chân trí thì đó là rốt ráo dứt. Chứ không có dùng pháp Chi mà dứt rốt ráo dứt tham được. Nếu như vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham. Nếu vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham, mà thật sự không phải vậy. Cho nên biết chỉ là ngăn dứt.

Hỏi: Trong kinh nói: Dùng Chỉ tu tâm, nương Quán được giải thoát. Dùng Quán tu tâm, nương Chỉ được giải thoát. Việc đó thế nào?

Đáp: Hành giả, nếu nhân thiên định sinh duyên diệt trí, đó là dùng Chỉ tu tâm, nương Quán được giải thoát. Nếu dùng tán tâm phân biệt ám, giới, nhập v.v..., nhờ đó được duyên diệt dứt; đó là dùng Quán tu tâm nương Chỉ được giải thoát. Nếu được niệm xứ v.v... đạt phần nhiếp tâm thì đều tu Chỉ Quán. Lại tất cả hành giả đều nương 2 pháp này được diệt tâm giải thoát.

Phẩm 188: Tu định

Hỏi: Ông nói phải tu tập định. Định tâm này là niệm niệm sinh diệt làm sao tu được?

Đáp: Hiện thấy thân nghiệp tuy niệm niệm diệt, nhờ tu tập nên có kỹ năng khác thường, tùy tu tập lâu dần chuyển đổi khác, khẩu nghiệp cũng vậy. Tùy chỗ tu tập chuyển tăng, điều hòa lợi ích kiên cố dễ nhớ, như đọc tụng v.v... Phải biết ý nghiệp tuy niệm niệm diệt nhưng có thể tu tập, như lửa có thể biến sống thành chín, nước có thể xói mòn đá, gió có thể thổi vật. Như vậy các pháp niệm niệm diệt đều có sức nhóm họp.

Lại tùy tập phiền não thì tùy theo đó mà bùng phát, như người đời đời quen tập dâm dục thì thành đa dục. Nhưế si cũng vậy. Như trong kinh nói: Nếu người tùy nghĩ việc gì, thì tâm hướng theo việc đó, như thường tùy

theo dục giác thì tâm hướng theo dục. Hai giác kia cũng vậy. Cho nên biết tâm này tuy niệm niệm diệt mà cũng có thể tu tập.

Lại tu gọi là tăng trưởng. Hiện thấy các pháp đều có tăng trưởng. Như trong kinh nói: Hành giả bởi tà niệm nên dục v.v... các lậu chưa sinh thì sinh, đã sinh thì tăng trưởng, nghĩa là từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng, như hạt giống, mầm cộng nhánh lá hoa quả. Hiện thấy đều từ nhân dần dần tăng trưởng. Pháp định tuệ v.v... cũng phải như vậy.

Lại hiện thấy ướp mè, mùi hương càng lúc càng tăng. Hương đó và mè niệm niệm không ngừng mà có sức ướp. Cho nên biết pháp niệm niệm diệt cũng có thể tu tập.

Hỏi: Mè là pháp trụ, hoa hương đến xông ướp không có tâm trụ. Đem trí niệm niệm diệt mà đến tu tập, thì làm sao ví dụ được?

Đáp: Không có pháp trụ. Tất cả các pháp đều niệm niệm diệt. Điều này trước đã thành lập nên không còn đem nạn vấn được.

Lại nếu pháp không niệm niệm diệt thì không tu tập được, tức thế thường trụ tu tập ích gì? Nếu pháp niệm niệm sinh diệt do hạ, trung, thượng nên mới có tu tập.

Hỏi: Các hoa đến mè có thể xông ướp. Trí không đến tâm nên không tu tập?

Đáp: Trong ví dụ về nghiệp ở trước đã nói rõ việc này. Như nói nghiệp sau không đến nghiệp trước. Lời nói

trước không đợi lời nói sau, mà thân khẩu nghiệp cũng vẫn có tướng tu. Cho nên ông nói không đến không tu, không gọi là nạn vẫn được.

Lại hiện thấy nhiều quả tuy không đồng thời, nhưng cũng được do nhân có quả. Như vậy tâm pháp tuy niệm niệm diệt, mà vẫn có tu tập được.

Lại như giống được nước tuy không đến mầm v.v..., nhưng cũng vẫn khiến mầm tươi tốt. Như vậy tu tập trí tuệ, tâm trước tâm sau tăng trưởng.

Hỏi: Nếu mè niệm niệm diệt thì sinh mè khác. Mè này là do ướp mà sinh hay không ướp sinh? Nếu không ướp sinh, thì hoàn toàn không có sự xông ướp. Nếu xông ướp sinh, thì cần gì xông ướp lâu?

Đáp: Vì nhân xông ướp. Như hạt giống được nước thì mầm thấm nhuận tốt tươi. Như nhân hoa trước hợp lại mà sinh thứ mè khác, vậy là do xông ướp sinh.

Ông nói cần gì ướp lâu, như trong kinh của ông nói: Do lửa hợp với pháp vi trần mà tướng đen diệt tướng đỏ sinh. Nếu ban đầu lửa hợp với pháp diệt tướng đen đó, thì không nên sinh lại tướng đen. Nếu ban đầu lửa hợp với pháp sinh tướng đỏ đó, thì cần gì lửa sau phải hợp với pháp nữa? Nếu khi lửa ban đầu hợp, tướng đen sinh, tướng đỏ lẽ ra hoàn toàn không nên sinh. Nếu khi thời gian thứ 2 tướng đỏ sinh, lại cần gì lâu hợp với lửa? Nếu ý ông bảo tướng đỏ sinh dần dần. Tâm cũng như vậy, đâu có lỗi gì ư? Hư hoại v.v... cũng như vậy.

Lại các pháp tuy có nhân duyên nhưng cũng thử lớp sinh, như thụ thai v.v... dần dần thành thân, như hạt

giống, gốc rễ v.v... cũng lần lượt sinh. Cũng như vậy, các pháp định tuệ v.v... tuy niệm niệm diệt, nhưng cũng do pháp hạ trung thượng tuần tự sinh.

Lại tu pháp vi tế dị tâm nối nhau, như hơi nóng vi tế của quả trứng làm cho biến dần thành lông con chim con, như hơi nóng vi tế của da tay làm mòn dần cán búa đến hết.

Tâm cũng như vậy, định tuệ vi diệu nên lần lượt tu tập.

Lại khi tu tập pháp, đến thì mới biết. Như có bài kệ nói:

Một phần theo thầy thụ.

Một phần nhờ bạn được.

Một phần tự tư duy.

Một phần đợi thời đến.

Nếu có người tuy đọc tụng suốt ngày không rõ ràng nghĩa lý được, như thời chín muối chưa đến, như đem nhiều hoa một lúc xông ướp mè không bằng ít hoa mà xông ướp lâu. Nước thấm vào tường vách dày cũng như vậy. Hiện thấy hạt giống rễ mầm v.v... tăng trưởng rất vi tế còn không thấy được, lớn lên từng ngày chừng bằng đầu sợi lông. Thân trẻ con v.v..., bơ sữa v.v... chín muối cũng như vậy. Cho nên biết pháp tu hành rất vi diệu khó biết được.

Hỏi: Hoặc thấy có pháp nhất thời tụ tập rất gấp. Như có người xưa nay không thấy sắc, mà thấy sắc là đắm nhiễm ngay. Cũng có người chút ít thời gian mà thông đạt nhiều điều. Vì sao chỉ nói lần lượt tu tập?

Đáp: Đó đều là quá khứ từng tu tập nên biết chứa nhóm sự tích tập dần dần điều này đã rõ.

Lại không chỉ phát tâm mà có thể thành xong sự nghiệp. Như trong kinh nói: Nếu đối với pháp thiện không siêng tu tập mà chỉ mong muốn không thụ các pháp, đối với các lậu tâm muốn được giải thoát, thì ý nghĩ người này hoàn toàn không theo ước nguyện được, vì không thể siêng tu pháp thiện. Hành giả, nếu có thể siêng tu pháp thiện dù không phát nguyện, tâm cũng được giải thoát các lậu vì do từ nhân sinh quả không phải cầu nguyện, như con chim sẽ cần lo ấp trứng, không cần nguyện cầu chim con từ trứng nở ra.

Lại không vì nguyện nên đèn sáng trong trẻo, mà cần đầy đủ dầu trong, tim sạch, không vật gì xúc động ánh sáng mới trong trẻo.

Lại không chỉ nguyện mà có thể được lúa tốt, mà quyết phải có ruộng màu mỡ, giống tốt, thời tiết thuận hòa, công sức đầy đủ mới có thu hoạch.

Lại không chỉ nguyện suông mà thân được sức mạnh, mà cần phải có các duyên như uống thuốc tốt, ăn thức ngon bổ v.v... mới được đầy đủ sức lực. Như vậy không phải chỉ nguyện suông mà có thể được hết lậu, phải có chân trí mới được giải thoát. Có đâu người trí biết do nhân sinh quả, mà bỏ nhân để theo đuổi cầu quả ở những gì khác.

Lại tu tập pháp hiện thấy quả báo. Như trong kinh Phật nói: Không cần 7 ngày, ta dạy đệ tử cho đến tu tập pháp thiện trong giây lát sẽ thường được hưởng vui trong nhiều đời.

Lại các Tì-kheo-ni thưa Đại đức A-nan rằng: Chị em chúng tôi khéo tu niệm xứ, nghiệm biết khác hơn lúc ban đầu.

Lại trong kinh Phật bảo các Tì-kheo: Nếu ai tâm không dua dọc, đến đây với ta, ta vì ban mai nói pháp, khiến chiều được lợi, nói pháp ban chiều khiến sáng mai được lợi.

Lại nếu người được đạo A-la-hán, thì không cùng người khác, cũng không cùng phi nhân. Chỉ tu nhân chân chính nên được lợi đó.

Lại vô thượng Phật đạo còn phải tích chứa, tập các pháp thiện mới chứng được, hướng là những việc khác! Như trong kinh Phật bảo các Tì-kheo: Ta nương nhờ 2 pháp mà được đạo vô thượng: một là ưa thích điều thiện không chán, hai là tu đạo không biết mỏi. Phật đối với pháp thiện hoàn toàn không có giới hạn.

Lại các Bồ-Tát dù không được định cũng không biếng nhác mỗi một. Bởi vì sao? Vì nếu không làm thiện thì không được gì hết. Làm thiện cũng không mâu thuẫn nhau. Người không làm thiện quyết không yên ổn. Suy nghĩ vậy rồi, thì siêng năng tinh tiến tu tập pháp thiện. Nếu phát tâm tinh tiến hoặc được hoặc mất, còn người không tinh tiến thì mãi mãi không có hy vọng. Cho nên phải siêng năng tu tập, đừng sinh biếng nhác.

Lại người trí cuối cùng phải được giải thoát. Nếu bỏ tu tập không còn phương tiện nào khác. Cho nên người trí phải siêng tu tập đừng sinh biếng nhác.

Lại hành giả nghĩ tu chính hành ắt có quả báo, tuy chưa được liền không lấy làm lo.

Lại hành giả nên nghĩ: Ta đã từng được quả báo tu tập, vì chúng sinh xưa nay đều được tất cả thiên định, nay ta chính tu cũng chắc sẽ được. Nên không biếng nhác.

Lại người chính hành được Phật chứng minh. Ta nay chính hành, nên biết chắc được.

Lại ta được đầy đủ nhân duyên đắc đạo là: được thân người, các căn đầy đủ, rõ biết tội phúc, cũng tin giải thoát, gặp thiện tri thức. Dù các duyên may này, làm sao tu tập không được quả?

Lại chính hành tinh tiến không hề luống bỏ, nên không chán mỏi.

Lại phiền não dứt một cách vi tế âm thầm khó biết, như cán búa mòn dần đến hết. Các phiền não ta cũng phải sẽ dứt, nhưng vì vi tế nên không thể biết hết được. Cho nên biết tu thiện tinh tiến là hơn hết.

Lại kẻ ít trí tuệ còn có thể phá được phiền não, như chút ánh sáng cũng có thể trừ tối. Như vậy chỉ được chút ít trí tuệ thì sẽ xong việc, nên không chán mỏi.

Lại lâu mà khó thành, như đắc định. Nếu đắc định rồi thì các công phu khác sẽ không lâu. Cho nên tuy không mau đắc, quyết không chán mỏi.

Lại hành giả nên nghĩ đắc định là rất khó, như Bồ-tát xưa phúc tuệ sâu dày mà phải tinh cần đến 6 năm mới chứng được! Còn các Ti-kheo đắc định cũng khó, huống là chúng ta phàm phu bạc phúc độn căn mà có thể mau được ư? Nghĩ như vậy rồi không sinh chán mỏi.

Lại điều tất yếu của các hành giả phải là tu định, không còn nghiệp nào khác hơn, nên dù được dù không vẫn cần phải tu tập.

Lại người tu tập dù không được định, nhưng cũng gọi thân được xa lìa. Thân xa lìa rồi thì dễ được định.

Lại nếu siêng tu định thì không phụ ơn Phật. Mà cũng vì tu hạnh xa lìa mới được gọi là hành giả.

Lại tu tập pháp thiện lâu thì được thành tính thiện, cho đến chuyển mang thân khác pháp thiện đó vẫn thường theo, nên được thường gặp gỡ người thiện, đó là lợi lớn.

Lại người thường tu thiện hoặc ngay thân này chắc được hết lậu, hoặc được ngay khi lâm chung, hoặc sau khi mạng chung hóa sinh về chỗ thiện và được hết lậu ở đó, như trong Lợi ích của sự nghe pháp đã nói.

Lại trong tâm hành giả phát khởi tướng dững mãnh nghĩ như vậy: Nếu ta không phá được trận giặc phiền não này quyết chẳng trở về không.

Lại hành giả nương tâm kiêu mạn mà sinh ý nghĩ như vậy: Người khác có tín v.v... các thiện căn nên có thể được định, ta nay cũng có, vì sao không được? Như Bồ-tát xưa theo người tiên A-la-la nghe pháp khởi ý nghĩ như vậy: Người này có tín v.v... các thiện căn, nên có thể được pháp này. Ta nay cũng có, mà vì sao lại không được?

Lại hành giả biết phiền não yếu ớt, sức trí tuệ mạnh mẽ, diệt nó đâu khó gì? Như nói Tì-kheo thành tựu 6 pháp, có thể dùng miệng thổi tan núi Tuyết, huống là thứ vô minh chết.

Lại hành giả sinh ý nghĩ: Do đời trước ta không tu định, nên nay không thể được, nay nếu không siêng tu sau lại sẽ không được, cho nên phải siêng tu tập.

Lại vì thường tu định nên tâm được chỗ trụ như chiếc bình lăn không dừng chắc phải có chỗ trụ.

Lại hành giả sinh ý nghĩ: Nếu ta thường siêng năng tinh tiến, dù được dù không, sau khỏi ăn năn. Cho nên phải nhất tâm siêng năng tu tập các định.

Phẩm 189: Tướng của trí trong luận về trí của nhóm đạo đế

Chân tuệ gọi là trí. Chân là không, vô ngã. Trong đó trí tuệ gọi là chân trí. Trong giả danh, tuệ là tướng không phải trí. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Như dao có thể cắt. Đệ tử Phật dùng dao trí tuệ có thể cắt đứt tất cả phiền não kết, phược, sử, triền, chứ không nói pháp nào khác. Không dùng thứ không thật mà có thể đứt phiền não được. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Hỏi: Ông chỉ nói tuệ có thể dứt phiền não. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Vì tướng cũng có thể dứt các phiền não. Như trong kinh nói: Khéo tu tướng vô thường có thể phá ắt cả Dục nhiễm, Sắc nhiễm, và Vô sắc nhiễm, tất cả hý diệu, kiêu mạn, vô minh?

Đáp: Không đúng. Tuệ mới dứt phiền não, lấy tên tướng mà gọi. Phật có 2 lời nói: một là thật ngữ, hai là danh tự ngữ. Như trong kinh nói: Tâm từ dứt giận dữ. Mà

thật không phải pháp từ dứt kết, chỉ trí mới có thể dứt, như nói dao trí dứt các phiền não. Cho nên biết từ có thể dứt giận dữ, đó là danh tự ngữ.

Lại nghĩa trong kinh nói hiểu biết nên gọi tuệ. Có thể hiểu biết việc gì? Là sắc vô thường như thật biết vô thường, thụ tướng hành thức vô thường như thật biết vô thường. Đó là trí tuệ.

Lại nói đệ tử Phật là người tu định nhiếp tâm như thật thấy biết. Cho nên biết duyên đệ nhất nghĩa gọi là trí tuệ.

Lại trong ví dụ trí tuệ gọi trí là con dao tuệ là mũi tên v.v.... Trong dụ này đều chỉ rõ dứt trừ phiền não, chỉ chân trí tuệ mới có thể dứt phiền não. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Lại trong kệ nói:

*Hành giả thấy thế gian,
Tất cả các trời người,
Vì thoải mất chân trí,
Nên tham đắm danh sắc.*

Thế gian phân đông chấp hư vọng cho là thường, lạc, tịnh v.v... gọi là mất chân trí. Nếu thấy chân thật không, vô ngã v.v... gọi là được chân trí. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Lại trong kinh Phật nói: Như người mắt của gọi là mắt tiêu lợi. Nếu mắt trí tuệ gọi là mắt đại lợi.

Lại nói: Trong các lợi, của cải là lợi nhỏ, tuệ là lớn.

Lại nói: Trong các ánh sáng, ánh sáng mặt trời mặt trăng là ánh sáng nhỏ, ánh sáng tuệ là đệ nhất. Nếu tuệ không phải thật, sao Phật phải nói lên như vậy?

Lại trong kinh nói tuệ căn nhiếp thuộc Thánh đế.

Lại nói phải biết trí khô, tập là chân thật, duyên đệ nhất để gọi là trí tuệ.

Lại nói, trong các pháp trí tuệ là thượng.

Lại nói, cũng gọi Vô thượng Chính biến trí là tuệ nhãn. Cho nên biết trí tuệ là thật vì duyên đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu vậy thì không có thể gian trí tuệ?

Đáp: Thật không có trí tuệ thế gian. Làm sao biết được? Vì tâm thế gian duyên giả danh, tâm xuất thế gian duyên không, vô ngã. Bởi vì sao? Vì thế gian là giả danh, vượt khỏi giả danh gọi là xuất thế gian.

Hỏi: Ông nói không đúng. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Thức biết chỗ nào? Là biết sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Như vậy âm, giới, nhập v.v... đều do thức biết. Nay cái biết này đều nên gọi là xuất thế gian. Cho nên ông nói tâm thế gian chỉ duyên giả danh không thể duyên thật. Điều này không đúng.

Lại ý thức cũng có thể duyên thật, vì có thể duyên thụ, tưởng, hành v.v...

Lại Phật nói 2 thứ chính kiến là thế gian và xuất thế gian. Thấy có phúc tội v.v... gọi là thế gian. Như đệ tử Phật duyên khổ tập diệt đạo, vô lậu niệm, tương ưng tuệ gọi là xuất thế gian.

Lại trong kệ nói:

Được chính kiến trên đời,

Dù qua lại sinh tử,

*Cho đến trăm ngàn đời,
Thường không đọa ác đạo.*

Lại trong kinh nói: Người tà hành được sinh về chỗ thiện. Người này tội nghiệp chưa thành, mà duyên thiện thành thực trước, hoặc chính khi chết chính kiến tương ưng, thiện tâm hiện tiền, nên được sinh chỗ thiện.

Lại trong 10 thiện đạo cũng có nói chính kiến. Sao ông nói không có thể gian trí?

Lại Phật tự nói có 3 thứ tuệ là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Văn tuệ tư tuệ đều là thể gian. Tu tuệ gồm cả hai.

Lại Phật sinh ý nghĩ rằng Tì-kheo La-hầu-la chưa có thể thành tựu được tuệ giải thoát.

Lại nói có 5 pháp có thể khiến tâm chưa thành thực giải thoát được thành thực. Đó đều là trí tuệ thể gian.

Lại trong kinh nói: Có người có thể xuất mà không thể quán. Có người có thể quán mà không thể độ. Được thể gian trí nên gọi là có thể xuất. Chưa thấy 4 đế nên không thể quán. Nếu thấy 4 đế mà chưa được hết lậu nên gọi không thể độ.

Lại Phật tự nói: Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, thể trí.

Lại nói: Túc mạng trí, sinh tử trí đều là hữu lậu.

Lại nói: Pháp trụ trí, Nê-hoàn trí v.v... do trong kinh nói có như vậy v.v.... cho nên phải biết có trí hữu lậu?

Đáp: Nếu có trí tuệ hữu lậu, thì nay cần phải nói tướng sai khác của trí hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Nếu pháp sa vào hữu gọi là hữu lậu, khác đi là vô lậu.

Đáp: Pháp nào là sa vào hữu, pháp nào không sa vào hữu? Điều này phải giải đáp. Nếu không đáp được thì không phải tướng hữu lậu và vô lậu.

Ông nói có tâm thế gian duyên phi giả danh, gọi là thức duyên các trần, điều này không đúng.

Bởi vì sao? Vì Phật nói phàm phu thường theo giả danh mà lấy nghĩa. Vì tất cả tâm phàm phu không phá được giả danh, nên thường chạy theo tướng ngã, hoàn toàn không thể lìa bỏ được. Tuy thấy sắc cũng không lìa được tướng cái bình v.v... Cho nên tâm phàm phu không duyên được thật nghĩa. Dù có duyên các pháp thụ tướng v.v... cũng vẫn thấy là ngã và ngã sở. Cho nên biết tất cả tâm thế gian đều duyên giả danh.

Ông nói có các trí tuệ thế gian là 2 thứ chính kiến v.v.... Nay sẽ giải đáp tâm có 2 thứ là tâm si và tâm trí. Duyên pháp giả danh gọi là tâm si. Nếu chỉ duyên pháp, là không, vô ngã gọi là tâm trí. Như trong Kinh Giải Vô Minh nói: Vô minh là không biết trước, không biết sau, không biết trước sau, không biết nghiệp, không biết báo, không biết nghiệp báo trước sau. Như vậy v.v... chỗ chỗ như thật không biết, không thấy, không hiểu, si vọng đen tối, nên gọi là vô minh.

Như thật không biết, nghĩa là không biết không, vô ngã, vì là tâm phàm phu thường ở trong giả danh và duyên giả danh nên gọi là vô minh, duyên không, gọi là trí. Nay nếu tất cả tâm thế gian đều duyên giả danh, tâm

duyên giả danh gọi là vô minh, thì làm sao được nói thế gian có trí tuệ?

Hỏi: Như ông nói tướng trí tuệ duyên giả danh gọi là vô minh thì nay A-la-hán phải có vô minh, vì cũng có tâm duyên cái bình v.v...?

Đáp: A-la-hán không có tâm duyên cái bình v.v.... Bởi vì sao? Vì khi mới đắc đạo đã phá vỡ các tướng giả danh rồi. Nhưng chỉ vì sự dụng nên nói bình v.v... mà không chấp đắm kiêu mạn.

Có 3 thứ ngôn ngữ: một do thấy sinh, hai do kiêu mạn sinh, ba do sự dụng sinh. Phạm phu khi nói cái bình, khi nói con người, những lời đó đều do thấy sinh. Học nhân tuy không ngã kiến, vì mất chính niệm nên trong 5 ấm lấy tướng ngã mạn nói là con người, là cái bình, như trong Kinh Sai-ma-già đã nói.

Sự dụng, là A-la-hán như Đại Ca-diếp thấy áo Tăng-già-lê nói: Vật này của ta. Thiên thần sinh nghi. Phật giải thích rằng: Người đó đã vĩnh viễn nhỏ gốc mạn, đốt cháy hết nhân duyên làm sao có mạn? Nhưng vì danh tự thế gian nên nói vậy thôi. Cho nên biết A-la-hán không có tâm cái bình v.v....

Hỏi: Nếu thế gian không trí tuệ, mà nói 2 thứ chính kiến v.v..., thì làm sao thông với kinh được?

Đáp: Đó đều là tướng, lấy tên trí mà nói. Phật có thể thông đạt thật tướng các pháp, tùy theo có thể độ chúng sinh mà lập nhiều danh tự, như trí tuệ lấy tên thụ v.v... mà nói, như nói thụ là đối với các pháp được giải thoát. Cũng nói, khéo tu tướng vô thường v.v... có thể phá tất cả phiền

não. Cũng nói nghiệp thứ tư không đen không trắng có thể hết các nghiệp, như nói học tư.

Lại nói, lấy ý dứt các tham đắm.

Lại nói, tin có thể qua sông, nhất tâm qua biển, tinh tiến trừ khổ, tuệ có thể thanh tịnh.

Lại nói, mắt muốn thấy sắc, mắt thật không muốn chi tâm muốn thấy, mà lấy tên mắt nói.

Hỏi: Nếu trí thế gian thật sự là tướng đó, vì sao gọi là trí? Nếu không nhân duyên gì mà gọi là trí, thì tất cả tướng đều phải gọi trí. Cũng có thể nói có 2 thứ tướng, một duyên thế đế, hai duyên đệ nhất nghĩa đế?

Đáp: Không phải. Tướng có nhiều thứ sai khác, có tướng rất ngu si, đến nỗi không biết thiện ác thế gian. Có tướng si kế tiếp có thể phân biệt thiện ác, có tướng ít si hơn nữa có thể duyên tướng xương v.v.... Không lìa giả danh thì không thể hoại tướng các ám. Tướng này có thể thuận với trí hoại ám tướng, nên Phật gọi là trí. Thế gian có lỗi nói quả trong nhân. Như nói ăn vàng, thí người 5 việc, gái làm bản giới pháp, bờ tốt dòng nước ngon, pháp phục người vui.

Lại trong Kinh Thất Lộ nói: Dụng dứt v.v... lậu nhân gọi là lậu.

Lại nói, lấy cái ăn làm mạng sống, cỏ làm bò dê. Cũng nói, áo cơm các vật đều là ngoại mạng. Như cướp của người tức là cướp mạng. Đó đều nói nhân làm quả. Như vậy nhân của trí nói là trí, nên không lỗi.

Hỏi: Các niệm xứ là trong noãn pháp v.v..., tâm có thể duyên thật pháp là vô lậu sao?

Đáp: Tâm vô lậu có thể phá giả danh. Cho nên tùy tâm có thể phá giả danh, từ đó về sau gọi là vô lậu.

Hỏi: Tâm đến bậc nào có thể phá giả danh?

Đáp: Tùy có thể thấy đầy đủ tướng 5 ám sinh diệt, bấy giờ được tướng vô thường. Tướng vô thường có thể khiến hành giả đủ tướng vô ngã. Như nói Thánh đệ tử dùng tướng vô thường tu tâm thì có thể trụ tướng vô ngã. Dùng tướng vô ngã tu tâm có thể chóng được giải thoát tham sân si v.v.... Bởi vì sao? Vì nếu dùng tướng vô ngã tu tâm thì có thể trụ tướng khô, vì tướng ngã nên dù bị khô vẫn không biết. Cho nên, nếu pháp vô thường, vô ngã, mà cũng khô thì người trí vẫn có thể rất sinh chán ghét. Nên tướng vô ngã có thể đủ tướng khô.

Hỏi: Vì sao ông phá thuyết thứ lớp? Trong kinh nói: Nếu vô thường tức là khô; khô tức là vô ngã, cho nên tướng vô thường có thể đủ tướng khô, tướng khô có thể đủ tướng vô ngã?

Đáp: Trong kinh nói: Tu tướng vô thường, tâm Thánh đệ tử có thể tu tướng vô ngã. Cho nên tướng vô thường có thể đầy đủ tướng vô ngã.

Lại nói như vậy cũng có đạo lý. Bởi vì sao? Vì người nói ngã muốn để thành lập đời sau, nên mới nói ngã là thường. Cho nên, nếu thấy 5 ám vô thường liền biết vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu người nói mất là ngã thì không đạo lý. Bởi vì sao? Vì mất có sinh diệt. Nếu mất là ngã, ngã tức sinh diệt. Có những lỗi như vậy.

Hỏi: Hai kinh đó nên nói thế nào cho thông?

Đáp: Tướng khổ có 2 thứ: một do tướng vô thường sinh gọi là tướng hoại khổ, hai do tướng vô ngã sinh, gọi là tướng hành khổ. Cho nên 2 kinh đó vẫn không mâu thuẫn nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì niệm xứ trong pháp noãn v.v... có tướng vô thường, nên pháp này đều phải là vô lậu?

Đáp: Trong niệm xứ v.v..., nếu là vô lậu đâu có lỗi chi?

Hỏi: Tâm phàm phu không nên vô lậu được, lại tâm phàm phu còn có vọng niệm xứ v.v... làm sao mà vô lậu được?

Đáp: Người này không phải hoàn toàn là phàm phu. Người đó gọi là đang tu quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Tu quả Tu-đà-hoàn là ở trong kiến đạo đế, pháp niệm xứ v.v... không gọi kiến đế?

Đáp: Tu quả Tu-đà-hoàn có gần có xa. An trụ trong niệm xứ v.v... là xa, hành giả kiến đế là gần. Làm sao biết được? Phật nói trong Kinh Phú Kha Dự rằng: Hoặc biết hoặc thấy nên được hết lậu. Biết thấy pháp gì? Nghĩa là sắc này v.v... sắc này sinh v.v... sắc này diệt v.v.... Nếu không tu đạo thì không hết lậu mà tu thì được, như ví dụ ấp trứng.

Lại hành giả thường tu đạo phẩm phiền não vi trần, tuy không đếm biết được, nhưng hết rồi mới hay, như thí dụ cái cán búa.

Lại hành giả thường tu 37 phẩm trợ đạo thì dục, phược, kết, triền để có thể tán hoại như thí dụ tàu biển.

Cho nên biết do niệm xứ đến tu tập đạo phẩm đều gọi là người tu hành sơ quả.

Lại nếu trong một niệm hoặc 15 niệm không được tu tập, phải biết đó là người xa tu hành Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Ban đầu nói biết sắc này v.v... sắc này sinh v.v...sắc này diệt v.v..., là đạo sơ quả. Ba dụ sau là dụ 3 quả. Cho nên không gọi là người tu hành sơ quả?

Đáp: Nếu trúng không áp thì hư, áp thì thành tựu. Như vậy từ niệm xứ đến mới phát tu tập, nếu không thành không gọi là hành, mà có thể thành thì học nhân này gọi là không hư hoại, có thể kham nhận. Cho nên nếu trong niệm xứ v.v... hư hoại thì gọi phạm phu. Nếu tu tập thành thì gọi là người hành sơ quả. Giống như còn ở trong vô trúng, nếu được ra khỏi vô gọi là Tu-đà-hoàn. Cho nên biết còn ở trong niệm xứ v.v... gọi là người đi xa.

Lại như Trưởng giả Úc-già cúng dường chúng Tăng, có thiên thần giới thiệu: Đây là A-la-hán, cho đến đây là người hành sơ quả. Nếu còn ở trong kiến đế đạo, làm sao chỉ được như vậy? Phải biết đó là người đi xa.

Lại trong kinh Phật nói: Nếu không có tín v.v... 5 căn thì người này gọi là còn ở trong ngoại phạm phu. Nghĩa này nói có nội phạm phu và ngoại phạm phu. Nếu không được đạt phần thiện căn gọi là ngoại phạm phu, mà được gọi là nội. Nội phạm phu này cũng gọi Thánh nhân, cũng gọi phạm phu. Bởi ngoại phạm phu nên gọi Thánh nhân, nhờ kiến đế đạo nên gọi phạm phu. Như A-nan báo Xa-nặc rằng: Phạm phu không thể nghĩ sắc không, vô ngã thụ tướng hành thức không, vô ngã, tất cả các hành

vô thường; tất cả pháp vô ngã, Nê-hoàn tịch diệt. Bây giờ Xa-nặc chưa vào pháp vị, cũng nói phàm phu không thể nghĩ các pháp đó.

Hỏi: Hoặc gần hoặc xa đều gọi là hành giả, có gì sai khác?

Đáp: Nếu thấy diệt để gọi chân hành giả. Nếu còn ở viễn phần thiện căn thấy 5 ấm vô thường, khổ, không, vô ngã mà chưa thấy diệt, gọi là danh tự hành giả. Bởi vì sao? Như trong kinh nói: Chư Tì-kheo hỏi Phật: Thế nào gọi là thấy pháp? Phật nói: Do mắt duyên sắc sinh nhãn thức, tức cùng sinh thụ, tưởng, tư v.v... tất cả pháp này đều vô thường bại hoại không thể tin tưởng bảo đảm được. Nếu pháp vô thường tức là khổ. Pháp khổ này sinh cũng khổ, trụ cũng khổ, thường xuyên khỏi tướng cũng khổ. Cho đến ý pháp cũng như vậy. Nếu khổ đó diệt, các khổ khác không sinh, không còn nối nhau nữa. Hành giả tâm nghĩ rằng nơi đó là tịch diệt nhiệm mầu, nghĩa là xả bỏ tất cả hư vọng, diệt hết tham ái, ly tịch Nê-hoàn.

Nếu trong pháp này tâm vào tín giải, không lay không động không lo không sợ, từ đây trở đi mới gọi là thấy pháp. Cho nên biết hành giả nếu dùng vô thường v.v... tu quán thấy 5 ấm gọi là người đi xa, nếu thấy diệt để gọi là người đi gần. Như Xa-nặc trả lời các Thượng tọa rằng: Con cũng có thể nghĩ sắc v.v... là vô thường, mà với tất cả hành diệt hết ái, tâm Nê-hoàn không thể vào thông đạt tín giải. Nếu biết như vậy không gọi là thấy pháp.

Lại nói, nếu hành giả trong pháp này dùng duyên tuệ tín nhãn gọi là người tín hành. Vượt khỏi địa vị phạm phu vào chính pháp vị, không được sơ quá quyết không chết yếu. Nếu dùng lợi tuệ tín nhãn gọi là người pháp hành. Thấy pháp đó rồi có thể dứt 3 kết, gọi là Tu-đà-hoàn. Rõ ràng không còn sót lọt gì hết gọi là A-la-hán. Cho nên biết thấy diệt gọi là người đi gần.

Hỏi: Vì sao hành giả không đều thấy diệt?

Đáp: Trong kinh nói: Các pháp vô tính, do nhiều nhân duyên sinh. Pháp đó rất sâu xa, hết tất cả ái, tịch diệt Nê-hoàn, nơi đó khó thấy được! Phật quán 12 nhân duyên diệt nên chứng được Vô thượng đạo.

Lại trong Kinh Pháp Ấn nói: Nếu hành giả quán thấy 5 ám vô thường bại hoại hư vọng không bền chắc, cũng gọi là không, mà gọi là tri kiến chưa tịnh. Kinh này sau nói hành giả khởi ý nghĩ như vậy: Những điều ta thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm xúc và nghĩ, bởi nhân duyên này mà sinh thức, thì nhân duyên thức đó là thường hay vô thường, tức biết là vô thường. Nếu từ nhân duyên vô thường mà sinh thức thì làm sao thường được? Cho nên thấy tất cả 5 ám vô thường do nhiều duyên sinh, tận tướng, ly tướng và diệt tướng. Bảy giờ tri kiến hành giả mới thanh tịnh. Bởi nói diệt tận là tri kiến tịnh. Cho nên tri kiến diệt gọi là thấy Thánh đế.

Lại trước là pháp trụ trí, sau là Nê-hoàn-trí. Cho nên thấy diệt đế, gọi là được Thánh đạo.

Phẩm 190: Thấy một đế

Hỏi: Ông nói chỉ thấy diệt đế gọi là người hành quả. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Trong kinh Phật nói: Ta và các ông không thể như thật thấy 4 đế, nên ở lâu trong sinh tử. Nay thấy 4 đế này dứt nhân duyên thân, hết tướng sinh tử, không có thụ thân nữa. Phải biết thấy 4 đế nên gọi là người hành quả, không phải chỉ thấy diệt đế.

Lại nữa, Phật nói: Thượng pháp đó là 4 đế. Cho nên hành giả cần phải thấy biết hết.

Lại nói: Nếu người mặc pháp phục hủy bỏ hình hảo, chính tín xuất gia, đều vì mục đích thấy 4 đế. Nếu người muốn được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, đều vì thấy 4 đế. Nếu người được Phật đạo A-la-hán, Bích-chi-phật, là đều đã thấy 4 đế. Cho nên biết không những chỉ thấy diệt đế.

Lại Phật tự nói: Bốn đế được theo thứ tự.

Lại trong Kinh Chuyển Pháp Luân nói: Ta quán đây là khổ, đây là nhân khổ, đây là diệt khổ, đây là đạo diệt khổ. Ở trong đó sinh nhãn trí minh giác. Ba phen chuyển như vậy đều nói 4 đế.

Lại trong kinh nói: Tám vải mới trắng sạch đem ngâm vào trong ao hồ tức thì ăn màu. Người này cũng vậy tức là một khi ngộ là thấy 4 chân đế.

Lại nói: Hành giả tịnh tâm chính quán khổ đế cho đến đạo đế thấy như vậy rồi từ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tâm được giải thoát.

Lại trong các kinh nói Thánh đế xứ v.v... đều nói 4 đế không chỉ nói diệt.

Lại Phật nói 4 trí là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí đều vì 4 đế.

Lại pháp của hành giả phải quán thấy cả 4-đế, giống như thầy thuốc giỏi phải biết bệnh, biết nguyên nhân của bệnh, biết cách chữa bệnh, và biết thuốc chữa bệnh. Cũng như vậy, hành giả muốn thoát các khổ, cần phải biết khổ, khổ nhân, diệt khổ, và đạo diệt khổ. Nếu không biết khổ thì do đâu biết nhân khổ, biết diệt khổ và đạo diệt khổ. Cho nên biết không chỉ thấy diệt?

Đáp: Có các thuyết nói 4 Thánh đế lợi, đều nói trong âm giới nhập v.v..., nghĩa là biết sắc này v.v..., sắc v.v... sinh diệt cho nên được hết lậu.

Lại Phật tự nói: Ta đối với trong sắc âm v.v... không như thật biết vị, quá, xuất, ly, thì hoàn toàn không tự gọi được đạo Vô thượng. Nếu biết như thật thì tự biết được đạo.

Lại trong Kinh Thành Dụ nói: Nếu ta chưa biết lão tử, lão tử sinh, lão tử diệt, và đạo diệt lão tử, cho đến các hành, các hành sinh, các hành diệt, và đạo diệt các hành, thì không tự nói ta được đạo Vô thượng. Nếu như thật biết, tự nói ta được thành Phật, thấy như vậy v.v..., nếu là được thấy đạo, thì 16 thứ tâm không gọi là được đạo.

Hỏi: Tôi không nói đó gọi là thấy được đạo, mà là lúc suy nghĩ?

Đáp: Trong 4 đế cũng nói như vậy. Cũng có thể nói là lúc suy nghĩ. Nếu không phải như vậy, thì cần phải

nói nhân duyên khi thấy 4 đế gọi được đạo khi thấy 5 âm v.v... là suy nghĩ.

Hỏi: Trí dứt phiền não gọi là được đạo. Suy nghĩ 5 âm v.v... không dứt phiền não?

Đáp: Trước tôi đã nói 5 âm v.v... trí cũng dứt phiền não, như nói thấy biết sắc v.v... nên được hết lậu.

Lại nói, thấy thế gian nhóm thì diệt chấp không, thấy thế gian diệt thì diệt chấp có.

Lại Phật tự quán nhân duyên đặc đạo.

Lại trong Kinh Chân-thúc-già nói có nhiều thứ nhân duyên đặc đạo. Có người quán 5 âm mà đặc đạo, hoặc quán 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên v.v... mà đặc đạo. Cho nên biết không phải chỉ nhờ 4 đế mà được đạo. Nếu ý ông bảo tuy có thuyết đó, nhưng không bởi quán này có thể dứt phiền não, thì cũng có thể nói tuy quán 4 đế mà không dứt phiền não.

Lại cần phải nhờ chân đế mới đặc đạo, mà lời giải trong 4 đế nói: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương xa lìa khổ, và cầu không được khổ. Tóm lại 5 âm là khổ.

Lại nói, nhân của khổ là tham ái thường đeo bám theo nơi ưa thích mà thụ thân. Quán như vậy v.v... không thể hết lậu, vì đó đều là thế đế chứ không phải đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Tuy quán sinh tử v.v... mà không hết lậu. Lược nói 5 âm đều khổ, trong đó người có trí có thể phá phiền não?

Đáp: Còn 3 đế kia thì sao? Cho nên biết ông tự nhớ tưởng phân biệt.

Lại quán 5 ấm đều khô là tâm tán loạn nên không được đạo.

Hỏi: Nếu không dùng 4 để được đạo thì phải dùng pháp nào được đạo?

Đáp: Dùng Một để được đạo. Đó là Diệt. Như trong kinh nói: Vọng là hư dối, thật gọi là không điên đảo. Tất cả pháp hữu vi đều hư dối do vọng chấp lấy. Cho nên biết hành giả tùy tâm ở trong pháp hữu vi, đều không phải chân thật. Như trong kinh nói: Các pháp hữu vi hư dối như ảo hóa, như sóng nắng, như chiêm bao, như vay mượn v.v.... Như trong Kinh Pháp Cú nói:

Hư vọng buộc thế gian.
Giống như có chắc thật.
Thật không, thấy như có.
Chính quán thì đều không.

Như thật không có pháp nam nữ, chỉ 5 ấm hòa hợp miễn cưỡng gọi là nam nữ, phàm phu lầm lẫn cho đó là thật có. Hành giả quán sát 5 ấm đó trống rỗng, không ngã, nên tức thì không còn thấy. Như trong Kinh Pháp Ấn nói: Hành giả quán sắc vô thường, là tướng trống, rỗng, lia. Vô thường là thể tính sắc vô thường. Trống, rỗng là như trong bình không nước gọi là bình không. Như vậy trong 5 ấm không có thần ngã, nên gọi là không. Quán như vậy cũng gọi là không, cũng gọi tri kiến chưa thanh tịnh, vì chưa thể thấy 5 ấm diệt. Về sau mới thấy diệt, như hành giả khởi ý nghĩ như vậy: Những gì ta đã thấy nghe v.v.... nên tri kiến diệt thì hết các phiền não.

Hỏi: Vì sao thấy diệt đế thì hết phiền não mà không phải các đế khác?

Đáp: Lúc bấy giờ hành giả đã quyết định tướng khổ. Nếu chưa chứng tướng diệt, thì đối với pháp hữu vi tâm khổ chưa quyết định, như người chưa được hỷ lạc của sơ thiên, thì trong 5 dục không sinh tướng nhàm chán.

Lại như chưa được định Vô giác quán, đối với định Giác quán không lấy gì làm lo. Hành giả cũng vậy, khi chưa chứng tướng Nê-hoàn tịch diệt, không được hành khổ. Phải biết thấy diệt đế nên tướng khổ đầy đủ. Tướng khổ đầy đủ mới dứt được ái v.v... các kết.

Hỏi: Nếu thấy diệt đế nên tướng khổ đầy đủ thì lẽ ra thấy diệt đế rồi sau mới dứt phiền não. Bởi vì sao? Vì thấy diệt đế rồi tướng khổ mới đủ?

Đáp: Không phải dứt sau. Tùy ở trong diệt, được tướng tịch diệt tức thì tướng khổ đầy đủ, sau sẽ hiện tiền. Như trong kinh nói: Hành giả đối với tập sinh tướng, pháp trí tận diệt tướng, ngay trong pháp đó được pháp nhãn thanh tịnh.

Lại người đối với các âm thường có ngã tâm. Tuy quán các âm vô thường, khổ v.v..., nhưng chưa được diệt vĩnh viễn. Nếu thấy diệt đế, nhờ vô tướng nên ngã tâm diệt vĩnh viễn.

Hỏi: Nếu thấy diệt đế thì hết ngã tâm. Vì sao Phật quán người đối cơ tâm nhu nhuyễn v.v... mới vì nói 4 đế mà không chỉ nói diệt?

Đáp: Trong đó có thuận đạo hành. Người nào dùng tướng vô thường, tướng vô ngã đầy đủ nên được khổ quán này là người gần đạo. Cho nên hợp lại mà nói.

Hỏi: Nếu khi đắc đạo dứt thân kiến, thì sao lại còn nói giới lấy và nghi nữa ư?

Đáp: Hành giả đắc đạo hiện thấy các pháp đều không, vô ngã, tức không còn nghi, không còn nghe, nghĩ, quán v.v... đồng với phạm phu. Nếu thấy đạo đế thì biết chỉ có đó là một sự thật, không còn con đường nào khác. Cho nên nói ba.

Hỏi: Nếu khi đắc đạo thấy đế dứt hết các phiền não, mà vì sao chỉ nói hết 3 kết ư?

Đáp: Tất cả phiền não đều lấy thân kiến làm gốc. Như Phật hỏi Ti-kheo: Con người do việc gì, bởi việc gì, thấy việc gì, sinh kiến chấp như vậy: Chỉ có thân này chết là mất hẳn, có tất cả những kiến chấp như vậy v.v...? Ti-kheo thưa Phật: Phật là Pháp vương, cúi xin giải thích. Phật nói: Con người do sắc, bởi sắc, thấy sắc là ngã, nên mới khởi kiến chấp đó. Cho đến thức cũng như vậy. Phải biết bởi kiến chấp ngã mà khởi các phiền não. Bởi vì sao? Vì nếu có thân kiến thì cho rằng cái ngã này là hoặc thường, hoặc vô thường. Nếu định kiến là thường thì đó là thường kiến, định kiến là vô thường thì đó là đoạn kiến. Nếu ngã là thường thì không nghiệp, không báo, không giải thoát khổ. Nếu ngã là vô thường cũng không nghiệp, không báo và không giải thoát khổ, không do tu đạo mà được Nê-hoàn. Nếu cho kiến chấp đó là hơn, tức là kiến thủ, và cho là có thể được độ tức là giới thủ. Tự yêu kiến

chấp của mình, giận ghét kiến chấp người khác, lấy kiến chấp đó làm tự cao tức là kiêu mạn. Đều bởi không biết như thật, nên mới khởi kết này tức là vô minh. Cho nên dứt thân kiến mới dứt kết của kiến đế.

Hỏi: Nếu dứt thân kiến các thứ khác cũng dứt theo, thì cần gì nói riêng giới lấy và nghi ư?

Đáp: Vì nó hơn. Hành giả hiện thấy pháp tướng thì không có nghi. Nghi này là nghi ngã có hay không. Cũng nghi đạo này có được thanh tịnh chăng. Nay thấy khổ đế thì dứt ngã kiến. Cũng biết chỉ một con đường mà không có con đường nào khác. Cho nên nói dứt thân kiến là chân thật thấy khổ, dứt giới thủ nên gọi là con đường tu hành. Không ngăn ngại đối với pháp tri và sở tri. Dùng chính trí biết pháp sở tri, tức dứt tập, chứng diệt gọi là đủ 4 đế. Cho nên nói 3 pháp này để làm rõ tướng không nghi. Nghi này do ngã đạo sinh, như trong kinh nói: Đầu tiên được tướng đạo. Nghĩa là thấy pháp, được pháp, biết pháp, đạt pháp, vượt quá các lưới nghi, không theo ai chỉ bày, ở trong Phật pháp được sức vô úy an trụ trong chính quả.

Phẩm 191: Duyên tất cả

Hỏi: Trí nào có thể duyên tất cả?

Đáp: Nếu trí hành giới, nhập v.v... gọi là duyên tất cả. Bởi vì sao? Vì như nói pháp các nhập các giới, sự vật có các duyên các trần có thể nhận biết v.v..., đều gồm hết các pháp, nếu trí có thể duyên gọi là duyên tất cả.

Hỏi: Trí này không biết các pháp tương ưng cộng sinh?

Đáp: Có thể biết, nếu duyên nhập v.v..., đó gọi là trí tổng tướng. Vì trí tổng tướng nên có thể duyên tất cả. Bởi vì sao? Vì như nói 12 nhập thì không còn thừa pháp nào nữa. Cho nên biết trí này cũng duyên tự thể.

Hỏi: Trong kinh nói: Hai nhân duyên sinh thức. Cho nên không có trí tự duyên.

Lại các trí không có nhân duyên, ví dụ để chỉ nghĩa có thể duyên tự thể, như đầu ngón tay không thể tự chạm xúc, con mắt không thể tự thấy được?

Đáp: Ông nói 2 nhân duyên sinh thức. Điều này không nhất định. Cũng có không duyên sinh trí, chứ không phải tất cả đều do 2 nhân duyên sinh.

Lại thức thứ 6 ở trong ấm của chính nó đều không có cảnh duyên, vì không có hiện pháp nên thức này không thể duyên pháp sắc v.v.... Nếu có thể duyên, thì những người mù lẽ ra cũng phải thấy sắc? Bấy giờ tâm và tâm số pháp của người này còn ở trong quá khứ, vị lai, mà quá khứ, vị lai là không có pháp thì lấy gì làm cảnh duyên? Chỉ vì ngăn chấp thân ngã nên nói như vậy thôi. Nếu các thức sinh đều do 2 thứ này không phải 4 nhân duyên, hoặc có thức sinh không có 2 nhân duyên, như trong kinh nói: Sáu nhập làm nhân duyên xúc, mà thật không có xúc bởi 6 nhập là nhân duyên. Nếu sinh thì không xuất nơi 6 nhập vì ngăn pháp nhập thứ bảy. Như vậy ngăn 4 nhân duyên nên Phật nói hai.

Lại đối với quá khứ, vị lai, hư không, thời gian, phương hướng v.v... sinh biết, mà những pháp đó thật sự không có. Đó tức là không duyên mà biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì do nhân duyên đó, các pháp quá khứ vị lai lẽ ra phải có, vì nếu không, làm sao sinh cái biết? Với những sùng thờ, lông rùa, chân rắn v.v... hoàn toàn không sinh cái biết?

Đáp: Trong tạo tác sinh cái biết. Như thấy người đi là nhớ khi đi, nghe người nói là nhớ khi nói. Như vậy v.v... trong quá khứ không tạo tác, cho nên không đúng.

Hỏi: Nay đối với quá khứ là nhớ thứ gì?

Đáp: Nhớ pháp vô sở hữu. Ông nói sao không nhớ sùng thờ v.v.... Nếu pháp sinh rồi mà diệt là có thể nhớ được. Nếu xưa nay không có, thì nhớ cái gì? Như pháp trước kia gọi chúng sinh, nay tuy đã là quá khứ nhưng cũng gọi chúng sinh. Như vậy trước kia, với pháp này sinh nhớ, cho nên nay ngay tâm này nhớ lại, không phải tâm khác.

Lại người này trước lấy tướng pháp đó, pháp đó nay tuy đã diệt mà có thể sinh pháp nhớ tướng phân biệt. Nếu pháp sinh ở tâm đó nơi người này, pháp này diệt mất sau ý thức sinh, có thể biết việc đó gọi là tướng duyên thức.

Lại tướng này có thể làm nhân duyên cho tướng duyên thức sau, chứ biết sùng thờ v.v... không tướng làm nhân, cho nên không sinh.

Lại cũng nên có biết duyên sùng thờ v.v..., nếu không làm sao có thể nói ra được.

Hỏi: Sùng thờ v.v... tính không thể biết. Bởi vì sao? Vì hoàn toàn không sinh các ý nghĩ dài ngắn đen trắng v.v..., cho nên pháp quá khứ cũng như vậy. Bởi vì sao? Vì chúng ta không thể dùng pháp quá khứ khiến được hiện tiền, như Thánh nhân biết việc tương lai nói việc này sẽ như vậy, việc kia sẽ không như vậy?

Đáp: Trí lực Thánh nhân là vậy, pháp tuy chưa có mà có thể dự biết. Như Thánh nhân có thể phá vách đá ra vào không ngại. Điều này cũng vậy, không mà có thể biết.

Lại vì sức nhớ nên biết. Như nhãn thức không thể phân biệt nam nữ. Nếu nhãn thức không có thể, thì lẽ ra ý thức cũng không có thể, mà ý thức thật có thể. Điều này cũng vậy.

Lại như chúng ta với việc trước từng dùng đã diệt rồi mới sinh biết. Thánh nhân cũng vậy, với pháp không có mà có thể sinh biết.

Lại như nói Đề-bà-đạt-đa không có một thức có thể biết 4 chữ, mà cũng có thể biết. Điều này cũng vậy.

Lại như các số lượng sai khác hợp ly đây kia v.v..., trong đó tuy không hiện pháp cũng có thể sinh biết.

Lại như thân người không thể dùng một niệm mà biết khắp, cũng không thể dùng phân tách từng phần mà hiểu biết. Tuy phân tách từng phần không biết, một niệm không biết mà cũng sinh biết người. Điều này cũng vậy.

Ông nói không có nhân duyên thí dụ có thể biết tự thể. Trong đó có nói ý có thể tự biết, nói hành giả tùy tâm quán mà quá khứ vị lai không có tâm. Cho nên biết dùng tâm hiện

tại duyên tâm hiện tại. Nếu không vậy thì hoàn toàn không có người có thể biết pháp hiện tại tâm tương ưng.

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu có thể đem tuệ quán tất cả pháp vô ngã tức được chán lia khổ, đạo này là thanh tịnh. Trí tuệ này trừ tự thể và pháp cộng sinh ngoài ra tất cả duyên pháp?

Đáp: Trí này chỉ duyên hữu lậu không phải vô lậu. Bởi vì sao? Vì trong kệ nói: Tức chán lia khổ. Cho nên biết chỉ duyên khổ đế.

Lại vì phá ngã kiến, tu vô ngã trí. Ngã kiến duyên 5 thứ thụ ấm, phải biết vô ngã cũng là duyên thụ ấm. Năm thụ ấm này vô thường cho nên vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu vô thường tức vô ngã. Nếu vô ngã tức là khổ.

Lại Phật bảo Ti-kheo: Dứt không phải pháp sở hữu của ông. Ti-kheo nói: Được rồi, thưa Thế Tôn! Phật hỏi: Ông được như thế nào? Bạch Thế Tôn! Sắc là phi ngã sở, thụ, tưởng, hành, thức, cũng đều phi ngã sở. Phật khen: Hay thay! Hay thay! Phải biết chỉ trong thụ ấm sinh tâm vô ngã.

Lại trong kinh nói: Các sở hữu sắc hoặc quá khứ vị lai, nội ngoại thô tế, gần xa lớn nhỏ, đều nên biết phi ngã sở. Như vậy lấy chính tuệ mà quán như thật.

Lại nói: Quán sắc vô ngã, thụ, tưởng, hành, thức vô ngã. Quán sắc vô thường, hư vọng, như trò ảo hóa, gạt người không có mắt trí, là oán, là giặc, không ngã, không ngã sở.

Lại Phật nói: Ngồi ở đây, có người ngu si còn ở trong vô minh, bị vô minh làm mù quáng, lia bỏ Phật pháp mà sinh tà kiến này. Nếu sắc vô ngã, thụ, tưởng,

hành, thức đều vô ngã, thì làm sao vô ngã khởi nghiệp mà đem ngã ra chịu? Cho nên biết vô ngã chỉ duyên thụ ấm.

Lại trong kinh không chỗ nào nói trí vô ngã duyên tất cả pháp, mà chỗ chỗ đều nói duyên 5 thứ thụ ấm.

Hỏi: Phật tự nói: Tất cả pháp vô ngã. Cho nên biết hữu vi vô vi trí này đều duyên, chứ không phải chỉ duyên 5 thụ ấm.

Lại nói: Có 10 thứ không, duyên tất cả pháp. Không tức là vô ngã.

Lại nói: Các hành vô thường, khổ, tất cả pháp vô ngã. Nếu trí vô ngã chỉ duyên khổ đế, vì sao không nói các hành vô ngã? Vì nói tất cả pháp vô ngã nên phải biết rằng nếu nói hành là nói hữu vi; nếu nói pháp tức gồm chung tất cả.

Lại nói: Người nào đối với pháp một tướng và pháp khác tướng, trí tuệ hiện tại tiền như mắt sáng thấy sắc? Chỉ chư Phật Thế Tôn chính trí được giải thoát mới có thể đối với pháp một tướng và pháp khác tướng, trí tuệ hiện tại tiền như người sáng mắt thấy sắc. Vì tướng vô ngã nên các pháp một tướng. Cho nên biết vô ngã duyên tất cả pháp không phải chỉ duyên khổ?

Đáp: Nói tất cả, là có 2 thứ: một là thân nhiếp tất cả, hai là thân nhiếp một phần. Thân nhiếp tất cả là như Phật nói: Ta là người Nhất thiết trí. Nói tất cả, gọi là 12 nhập. Thân nhiếp một phần là như nói tất cả là vậy, mà vô lậu vô vi không thể được vậy.

Lại trong Phạm Như Lai nói Như Lai là người bỏ tất cả, là người hơn tất cả. Nói thế nhưng không thể bỏ

pháp trì giới v.v..., mà chỉ bỏ pháp ác nên nói bỏ tất cả. Cũng như không thể hơn các Phật khác, mà chỉ hơn các chúng sinh nói hơn tất cả.

Lại nói: Tì-kheo như thế nào gọi là Nhất thiết trí?

Đáp: Nghĩa là như thật biết 6 thứ xúc nhập sinh diệt. Đó gọi là biết tướng chung tất cả pháp, không phải trí tướng riêng. Với Phật chung riêng đều biết hết, nên gọi là bậc Nhất thiết trí. Tì-kheo đó đã biết chung các pháp vô thường v.v... nên gọi Nhất thiết trí. Tên tuy đồng, mà kỳ thật có khác, đó gọi là thâm nhiếp một phần.

Lại Phật nói: Nếu pháp đã hội nhập vào Tu-đa-la, tùy thuận Tì-ni, không trái pháp tướng, thì pháp đó nên lãnh thụ.

Lại nói: Nếu ai nói đây là lời Phật nói, người đó lời đúng mà nghĩa sai. Người trí trong đó phải nói nghĩa đúng. Rồi bảo Tì-kheo này rằng lời đó nên tương xứng với nghĩa nào?

Lại có người nói nghĩa đúng mà lời sai. Là trong nghĩa đúng này nên để riêng lời nói đúng. Những kinh như vậy, Phật đều cho phép.

Lại có kinh liễu nghĩa và không liễu nghĩa. Nghĩa là rất ráo và không rất ráo. Kinh này thuộc nghĩa không rất ráo. Vì sao đối với một việc mà nói tên tất cả? Phải biết ý đó.

Lại người đời trong một việc cũng nói tất cả, như nói vì cúng tất cả, cho ăn tất cả, cũng nói người này tất cả đều ăn. Cho nên biết tuy nói tất cả vô ngã nhưng phải biết chỉ vì 5 thụ ẩm mà nói, chứ không phải vì tất cả pháp. Ông nói 10 thứ không, trong đó không được có Vô vi không.

Bởi vì sao? Vì không ai trong vô vi mà sinh tướng ngã. Cho nên dù có còn các không khác đi nữa cũng chẳng hại gì, vì ông cũng dùng khổ trí cùng tương ưng với không. Cho nên không, chẳng phải duyên tất cả pháp.

Hỏi: Thế gian không, duyên tất cả pháp, chẳng phải vô lậu không?

Đáp: Không có thế gian không. Tất cả không đều là vô lậu.

Hỏi: Trong Kinh Pháp Ấn nói không là thế gian không?

Đáp: Đó là xuất thế gian không, chứ chẳng phải thế gian không.

Lại hỏi: Trong đó nói tri kiến chưa tịnh, cho nên biết là thế gian không?

Đáp: Tôi trước đã nói tâm vô lậu có thể phá giả danh. Cho nên từ khi phá giả danh trở đi gọi là tâm vô lậu. Sau thấy diệt đế, lìa tăng thượng mạn, mới gọi là tri kiến tịnh. Cho nên không có thế gian không.

Ông nói tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã. Như vậy phải có hành giả đầy đủ tướng vô ngã. Khi pháp tướng đầy đủ thì đối với vô ngã nói pháp danh tự. Như trong Phạm kiến đế nói: Nếu ai không thấy khổ, đó tức là thấy ngã. Khổ như thật thấy khổ, tức không còn thấy ngã. Như thật, nghĩa là thấy vô ngã. Cho nên nói tất cả pháp vô ngã, chỉ duyên khổ để nói vô ngã hành.

Ông nói Phật hiện tiền thấy tướng một, tướng khác. Đó cũng nên có, vì lấy giới, nhập, v.v... làm một, cho nên nói một tướng đâu có lỗi gì?

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 16)

Phẩm 192: Thánh hành

Có 2 hành là không hành và vô ngã hành. Trong 5 ấm không thấy chúng sinh gọi là không hành. Thấy 5 ấm cũng không có, là vô ngã hành. Vì sao biết được? Trong kinh nói: Thấy sắc không thể tính, thấy thụ, tưởng, hành, thức là không thể tính.

Lại trong kinh nói: Do vô tính được giải thoát. Cho nên biết tính của sắc không phải chân thật có. Tính của thụ, tưởng, hành, thức cũng không phải chân thật có.

Lại trong kinh nói: Năm ấm đều trống không như huyễn, không thể nói huyễn là chân thật. Huyễn, nếu chân thật có, không gọi là huyễn, nhưng cũng không thể nói không, mà chỉ vì không thật, có thể làm dối gạt.

Lại hành giả này quán tất cả trống không, cho nên biết 5 ấm không phải chân thật có, như phá một tường nên không thấy cái vách tường v.v... một pháp, 5 ấm cũng vậy, không có một thật pháp.

Hỏi: Nếu sắc v.v... pháp cũng không chân thật, nay nên chỉ có một thể đế?

Đáp: Diệt là đệ nhất nghĩa để cho nên có. Như trong kinh nói: Vọng là hư dối, đế là như thật. Diệt tức là như thật quyết định, nên gọi đệ nhất nghĩa có.

Lại hành giả sinh chân thật trí, tất cả hữu vi v.v... đều luống không, cho nên biết diệt là đệ nhất nghĩa có.

Hỏi: Ông nói thấy trong 5 ấm không có chúng sinh. Do đâu mà 5 ấm gọi chúng sinh, là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Cũng hữu lậu mà cũng vô lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu thấy chúng sinh đều là thấy 5 thụ ấm?

Đáp: Pháp vô lậu cũng ở trong số chúng sinh, chứ không phải ở trong số phi chúng sinh như gỗ đá v.v.... Cho nên biết cũng nhân các ấm vô lậu gọi là chúng sinh.

Lại nếu Thánh nhân ở tâm vô lậu, bấy giờ cũng gọi hữu tâm chúng sinh. Cho nên tâm vô lậu cũng gọi chúng sinh. Tất cả các ấm đều gọi thụ ấm, vì đều từ thụ sinh ra.

Hỏi: Làm sao biết từ thụ sinh?

Đáp: Pháp vô lậu đều từ bố thí, trì giới tu định v.v... trong nghiệp tâm sinh, nếu không thì không sinh. Như kinh nói: Vì bị vô minh che khuất và kết ái trói buộc, nên kẻ ngu được thân này mà người trí cũng như vậy. Thân tức thụ ấm.

Hỏi: Nếu tất cả ấm đều gọi thụ ấm, thì hữu lậu và vô lậu ấm đâu có sai khác?

Đáp: Tất cả ấm từ thụ mà sinh nên gọi thụ ấm. Nhưng không thụ thân đời sau nên gọi là vô lậu, sai khác

là ở đó. Âm và thụ âm đều từ thụ sinh, nên gọi thụ âm. Cho nên không mâu thuẫn kinh này. Hai hành này đều duyên vô sở hữu. Nếu sắc v.v... pháp không, và thể tính diệt, đều là vô sở hữu.

Hỏi: Hai hành này đều duyên 5 âm. Trong kinh nói: Thấy sắc trống không vô ngã thấy thụ, tưởng, hành, thức trống không vô ngã. Thì sao?

Đáp: Do các âm mới thấy trống không vô ngã. Bởi vì sao? Vì với các nhân duyên sinh mới có thấy chúng sinh không, cũng thấy sắc v.v... pháp diệt.

Hỏi: Đó là đều duyên. Nếu hành giả nghĩ các âm và không, tức là duyên âm và vô sở hữu?

Đáp: Hành giả trong các nhân duyên sinh, không thấy chúng sinh, nên liền sinh không tâm, rồi sau mới thấy trống không.

Lại trong 5 âm diệt, không thấy thể tính của sắc, thể tính của thụ, tưởng, hành, thức, cho nên mới biết 2 hành này đều duyên vô sở hữu.

Phẩm 193: Kiến trí

Hỏi: Chính kiến chính trí có gì sai khác?

Đáp: Là một thể không có gì sai khác. Chính kiến có 2 thứ, thế gian và xuất thế gian. Thế gian nghĩa là có tội phúc v.v... Xuất thế gian nghĩa là có thể thông suốt khổ v.v... các đế. Chính trí cũng vậy.

Hỏi: Ông nói tướng kiến trí không như vậy. Bởi vì sao? Các nhãn chi là kiến không phải trí. Tận trí, vô sinh trí, và 5 thức tương ưng tuệ chi là trí không phải kiến?

Đáp: Tại sao các nhãn không phải trí?

Hỏi: Bởi vì chưa biết muốn biết, cho nên gọi là vị trí căn. Nếu khổ pháp nhãn là trí, khổ pháp nhãn biết rồi thì khổ pháp trí phải gọi là trí căn, chứ không gọi là vị trí căn. Cho nên nhãn chẳng phải là trí.

Lại trong kinh nói: Nếu hành giả đối với các pháp này ít có khả năng dùng tuệ quán nhãn, gọi là chưa xong, xong rồi gọi là trí. Nếu nhãn gọi là quán chưa xong, lại tuệ vô lậu ban đầu mới thấy gọi là nhãn, không nên lấy cái mới thấy làm trí.

Lại khi nhãn không rõ. Khi có trí mới rõ chắc.

Lại khi sinh nhãn, tâm nghi còn bám theo, cho nên nhãn không phải trí.

Đáp: Nhãn tức là trí. Bởi vì sao? Vì dục, lạc, nhãn đều là một nghĩa. Hành giả trước biết khổ rồi, sau nhãn vui. Nếu trước không biết, làm sao nhãn vui được?

Lại trong lời nói thiếu, chỉ nói quán nhãn mà không nói trí. Vậy thì người thụ hành quả phải là vô trí? Nếu ý ông bảo hành giả có trí mà gọi là nhãn, thì đây lẽ ra thụ nhãn cũng là trí.

Lại trong kinh nói: Hành giả khi biết khi thấy liền được hết lậu.

Lại nói: Biết, thấy, được, là một nghĩa.

Lại Phật nói khô trí, tập, diệt, đạo trí mà không nói có nhãn. Cho nên biết trí tức là nhãn.

Lại trong giải nghĩa trí, Phật nói: Như thật biết nên gọi là trí. Nhãn cũng như thật biết nên không có khác. Nếu ông cho vị trí căn nên gọi là nhãn, điều này không đúng. Chúng tôi không nói trước nhãn sau trí. Trong một tâm tức gọi nhãn trí. Nghĩa đó không thành, làm sao ông đem cái không thành mà thành lập được?

Ông nói nhãn gọi là chưa xong. Trước tôi đã đáp. Nghĩa là trước biết sau nhãn. Phải biết nhãn tức là xong. Nếu không biết xong làm sao có thể nhãn?

Ông nói khi nhãn chưa quyết định rõ ràng. Trong pháp ông dùng nhãn dứt kết. Nếu nhãn không quyết định rõ ràng sao có thể dứt kết được?

Ông nói khi nhãn nghi ngờ còn bám theo. Nếu vậy thì trong kiến đế đạo đều có nghi bám theo? Trong đó trí sinh lẽ ra đều không phải trí?

Lại không có phân biệt là nhãn là trí. Như người đời quán tùy thuận 4 đế cũng gọi là nhãn cũng gọi là trí. Vô lậu nhãn trí cũng phải như vậy.

Hỏi: Tận trí, vô sinh trí, chi là trí, chẳng phải kiến?

Đáp: Có nhân duyên gì?

Hỏi: Trong kinh riêng nói chính kiến, chính trí, cho nên trí chẳng phải kiến?

Đáp: Nếu vậy thì chính kiến không gọi là chính trí. Nếu ông bảo chính kiến là chính trí, thì chính trí cũng phải là chính kiến.

Lại 5 phần pháp thân, từ trong Phạm tuệ riêng nói giải thoát tri kiến lẽ nào không phải tuệ? Vậy thì tận trí, vô sinh trí cũng không là tuệ. Nay tức chính kiến, vì tướng khác nên nói là chính trí, nghĩa là hết tất cả phiền não, trong tâm A-la-hán mà sinh nên nói là chính trí.

Hỏi: Nếu chính trí tức là chính kiến thì A-la-hán không gọi thập phần thành tựu?

Đáp: Thể là một mà tên là khác, như pháp trí, khổ trí.

Lại nói A-la-hán là thành tựu 8 công đức phúc điền. Cho nên chính trí tức là chính kiến.

Lại trong 6 pháp hòa kính, hòa kính thứ 6 gọi là đồng kiến. Nếu như ông nói thì tận vô sinh trí không gọi là hòa kính.

Lại chính quán nên gọi chính kiến. Tận vô sinh trí bởi chính quán nên cũng gọi chính kiến.

Hỏi: Năm thức tương ưng, tuệ chỉ là trí chẳng phải kiến?

Đáp: Tại sao chẳng phải kiến?

Hỏi: Năm thức đều không có phân biệt, vì ban đầu tại cảnh duyên nên kiến đó gọi là suy nghĩ quan sát.

Lại 5 thức chỉ duyên hiện tại. Cho nên chẳng phải kiến?

Đáp: Trong đó không giác quán nên không thể phân biệt. Nếu nói ban đầu tại cảnh duyên nên chẳng phải kiến, điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì theo pháp của ông, nhãn thức có duyên tương tục như ý thức, cho nên không

nên nói ban đầu tại duyên. Nếu vậy ý thức cũng không nên có kiến.

Lại ông nói duyên hiện tại nên chẳng phải kiến. Điều đó cũng không đúng. Vì tha tâm trí cũng duyên hiện tại, thì lẽ ra cũng chẳng phải kiến? Trong 5 thức không chân thật trí, vì không hành cho nên cũng thường theo giả danh, nên kiến trí tuệ v.v... tất cả đều không có, huống chi là không có kiến.

Hỏi: Có người nói nhãn căn gọi là kiến. Việc đó thế nào?

Đáp: Nhãn căn không thấy, nhãn thức có thể duyên, tùy theo thế tục nên gọi mắt thấy.

Hỏi: Có người nói 8 thứ kiến là 5 tà kiến, thế gian chính kiến, học kiến và vô học kiến. Trừ 8 kiến đó, ngoài ra bao nhiêu tuệ không gọi là kiến. Điều này thế nào?

Đáp: Nếu kiến, trí, đắc, giải, liễu, thông và chứng đều là một nghĩa, nếu nói đây là kiến đây là chẳng phải kiến đều là tự nhớ tưởng phân biệt mà nói.

Hỏi: Trong kinh nói biết, thấy thì được hết lậu, có gì sai khác?

Đáp: Nếu trí mới phá giả danh gọi là biết, vào pháp vị rồi thì gọi là thấy. Mới quán gọi là biết, thông đạt rồi gọi là thấy. Có những pháp sâu cạn sai khác như vậy.

Phẩm 194: Ba tuệ

Ba tuệ là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Trí tuệ do từ trong 12 bộ Tu-đa-la phát sinh gọi là văn tuệ. Nhờ đó có thể sinh Thánh tuệ vô lậu nên gọi là tuệ. Như trong kinh nói: Tì-kheo La-hầu-la nay có thể được thành tựu tuệ giải thoát. Tuy nghe Vi-đà v.v... các kinh điển thế tục mà không thể sinh tuệ vô lậu nên không gọi là văn tuệ. Nếu có thể tư duy suy lường nghĩa lý trong các kinh gọi là tư tuệ. Như nói hành giả nghe pháp tư duy nghĩa lý. Lại nói hành giả nghe pháp tư duy nghĩa lý rồi phải tùy thuận tu hành, nếu có thể được tri kiến hiện tiền gọi là tu tuệ. Như nói hành giả ở trong định tâm thấy 5 ấm sinh diệt. Như trong các kinh nói: Tì-kheo các ông! Tu tập thiền định sẽ được như thật tri kiến hiện tiền.

Lại trong Kinh Thất Chính Trí nói: Nếu Tì-kheo biết pháp gọi là văn tuệ, biết nghĩa gọi là tư tuệ, biết thì giờ v.v... gọi là tu tuệ.

Lại như La-hầu-la đọc tụng bộ Ngũ Thụ Âm v.v... gọi là văn tuệ, riêng một mình suy nghĩ nghĩa lý gọi là tư tuệ, sau khi đắc đạo gọi là tu tuệ.

Lại trong kinh nói 3 thứ vũ khí: vũ khí của sự nghe học hỏi, vũ khí của sự liả bỏ và vũ khí của trí tuệ.

Vũ khí của sự nghe gọi là văn tuệ, vũ khí của sự liả bỏ gọi là tư tuệ, vũ khí của trí tuệ gọi là tu tuệ.

Lại trong kinh nói nghe pháp có 5 điều lợi: chưa nghe thì nghe, nghe rồi rõ ràng, dứt nghi chính kiến, dùng tuệ thông suốt nghĩa lý thâm sâu. Chưa nghe thì

nghe, nghe rồi rõ ràng gọi là văn tuệ, dứt nghi chính kiến gọi là tư tuệ, dùng tuệ thông suốt nghĩa lý thâm sâu gọi là tu tuệ.

Lại trong Lợi ích của sự nghe pháp có nói: Hành giả đem tai nghe pháp, đem miệng tụng tập gọi là văn tuệ, dùng ý nghĩ tư duy suy lường gọi là tư tuệ, lấy chỗ thấy thông suốt gọi là tu tuệ.

Lại trong 4 phần Tu-đà-hoàn thì nghe chính pháp gọi là văn tuệ, nhớ nghĩa lý đúng đắn gọi là tư tuệ, theo pháp tu hành gọi là tu tuệ.

Lại trong 5 pháp môn giải thoát thì theo người Tôn trưởng nghe pháp là văn tuệ, thông suốt ngữ nghĩa là tư tuệ, sinh hoan hỷ v.v... là tu tuệ.

Lại trong kinh nói: Pháp Phật nói có 3 thời thiện v.v.... Thiện nam tử! Nếu có người lớn hoặc người nhỏ nghe pháp nảy sinh ý nghĩ: Tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng, nếu không xuất gia không thể tịnh tu thiện pháp. Rồi bỏ sở hữu thân thuộc tài vật, xuất gia trì giới giữ hộ các căn, quán sát oai nghi, một mình suy nghĩ, xa lìa 5 thứ ngăn che, chứng được sơ thiền v.v..., cho đến hết lậu. Trong đó người lớn người nhỏ nghe pháp là văn tuệ, suy nghĩ tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng là tư tuệ, xa lìa 5 thứ ngăn che cho đến hết lậu là tu tuệ.

Lại trong kinh nói: Nhờ 2 nhân duyên có thể sinh chính kiến là theo người nghe pháp và tự chính nghĩ nhớ. Theo người nghe pháp là văn tuệ, tự chính nghĩ nhớ là tư tuệ, có thể sinh chính kiến là tu tuệ.

Lại có bài kệ nói:

*Tập gần người thiện,
Nghe thụ chính pháp,
Thích ở một mình,
Điều phục tự tâm.*

Trong đó tập gần người thiện, nghe thụ chính pháp là văn tuệ, thích ở một mình là tư tuệ, điều phục tự tâm là tu tuệ.

Lại Phật dạy các Tì-kheo: Các ông! Mỗi khi có nói phải nói 4 đế. Mỗi khi suy nghĩ phải nghĩ 4 đế. Trong đây nếu nói 4 đế là văn tuệ, suy nghĩ 4 đế là tư tuệ, được 4 đế là tu tuệ. Nhiều chỗ trong kinh Phật nói 3 thứ tuệ đó.

Hỏi: Ba tuệ này bao nhiêu ở cõi Dục, bao nhiêu ở cõi Sắc và bao nhiêu ở cõi Vô sắc?

Đáp: Hai cõi Dục, Sắc, có tất cả. Như ông Thủ cư sĩ sinh về cõi trời Vô Nhiệt, nói pháp ở đó. Nếu người nói pháp ắt phải tư duy nghĩa lý. Cho nên biết cõi Sắc cũng có tư tuệ. Trong cõi Vô sắc chỉ có tu tuệ.

Hỏi: Có người nói cõi Dục không có tu tuệ, cõi Sắc không có tư tuệ. Điều này thế nào?

Đáp: Vì nhân duyên gì nói cõi Dục không có tu tuệ?

Hỏi: Vì ở cõi Dục không thể dứt các ngăn che các trói buộc, khiến các thứ trói buộc cõi Dục không hiện ra trước.

Đáp: Trong Phật pháp không có lời nói này: Vì ở cõi Dục không thể dứt các ngăn che các trói buộc, khiến các trói buộc cõi Dục không hiện ra trước. Mà nói vì ở cõi Dục có thể phá phiền não. Bởi vì sao? Vì cõi Dục có

bất tịnh quán v.v.... Như trong kinh nói: Khéo tu bất tịnh quán có thể phá tham dục. Tâm từ v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Quán bất tịnh ở cõi Dục này không thể dứt phiền não vĩnh viễn?

Đáp: Quán bất tịnh v.v... ở cõi Sắc cũng không thể dứt các phiền não rốt ráo.

Hỏi: Dùng thô trọng không điều thích v.v... các hành có thể dứt phiền não, chứ bất tịnh v.v... thì không thể?

Đáp: Không có kinh nào nói thô trọng v.v... có thể dứt phiền não mà bất tịnh v.v... thì không thể, mà trong kinh nói dùng quán bất tịnh v.v... có thể dứt phiền não.

Lại thô trọng v.v... có sức mạnh gì có thể dứt phiền não mà bất tịnh v.v... không thể?

Lại nếu cõi Dục có thô trọng v.v... các hành, nên dùng các hành đó để dứt các phiền não. Nếu không, phải nói lý do vì sao có bất tịnh v.v... mà không có thô trọng v.v...? Nếu có mà không dứt phiền não thì cõi Sắc dầu có cũng không thể dứt, điều đó cũng phải nói lý do vì sao cõi Dục không thể mà cõi Sắc lại có thể?

Hỏi: Cõi Dục tuy có thô trọng v.v... mà không thể dứt các phiền não vì là cõi tán loạn. Người tâm tán loạn không thể dứt như trong kinh nói: Nhiếp tâm là đạo, tán tâm là phi đạo?

Đáp: Phải nói lý do vì sao cõi Dục gọi là cõi tán loạn? Trong đó có bất tịnh quán v.v..., nếu là cõi tán loạn làm sao có thể quán xương cốt v.v... các tướng khác.

Lại cõi Sắc nhiếp tâm có tướng gì khác mà cõi Dục không có?

Hỏi: Vì ở cõi Sắc có thể được lia dục. Ở trong đây chết sinh về cõi Sắc như dùng cái nêm để tháo cái nêm?

Đáp: Sao gọi là lia dục?

Hỏi: Dứt phiền não là lia dục. Vì ở cõi Sắc có thể dứt phiền não chứ không phải cõi Dục.

Đáp: Các ngoại đạo dứt kết rồi, rồi khởi lại sinh về cõi Dục. Cho nên phàm phu không gọi dứt kết. Nếu dứt rồi lại sinh thì dứt kết vô lậu cũng phải sinh lại? Việc đó không thể được.

Lại trong kinh nói dứt 3 kết rồi mới có thể dứt 3 thứ độc. Phàm phu không thể dứt 3 kết nên không được lia dục.

Lại phàm phu thường có ngã tâm v.v... nên không thể có thể dứt thân kiến v.v.... Nếu phàm phu có thể lia dục, thì tất cả phiền não lẽ ra đều phải không có. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do nhiều duyên thành, như trong kinh nói do nhiều duyên thành ngã. Nếu phàm phu này đối với 5 ám cõi Dục không khởi thân kiến mà lại chưa được các ám cõi trên, vậy thì phải không có thân kiến? Có những lỗi như vậy. Như vậy phiền não phải dứt hết vĩnh viễn thì phàm phu này phải là La-hán, mà thật phiền não không được dứt hết. Như trong kinh nói: Nghe tiếng sấm lớn có 2 hạng người không sợ là Chuyển Luân Thánh Vương và A-la-hán. Nay phàm phu này cũng phải không sợ?

Lại A-la-hán sống không mừng, chết không sợ, như A-la-hán Ưu-ba-tư-na bị rắn cắn, khi mạng lâm chung các căn không đổi khác, nhan sắc không biến đổi. Người này lẽ ra cũng như vậy?

Lại A-la-hán, 8 pháp của thế gian không thể che tâm. Người này lẽ ra cũng như vậy, vì đã lìa dục, mà thật ra phàm phu tuy nói lìa dục đều không có các tướng này. Cho nên biết không dứt phiền não.

Hỏi: Phàm phu có thể dứt phiền não, vì mạng chung nơi đây vắng sinh cõi Sắc, nếu không dứt làm sao sinh kia được? Trong kinh cũng nói có ngoại đạo lìa dục.

Lại nói A-la-la-ca-la-ma Uất-đầu-lam-phát lìa bỏ cõi Dục cõi Sắc sinh về cõi Vô sắc.

Lại nói dùng Sắc lìa Dục, dùng Vô sắc lìa Dục, dùng diệt lìa khởi nghĩ nhớ. Cho nên ông nói phàm phu tuy dứt phiền não mà sinh trở lại nên không gọi là dứt. Việc đó không đúng.

Ông cũng nói phàm phu có dứt bao nhiêu đều thật sự là ngăn, gọi là dứt lìa, kỳ thật không dứt mà nói là dứt, thật không lìa dục mà nói là lìa dục.

Như trong một bài kệ nói:

*Nếu nghĩ ngã, ngã-sở,
Chết đến có thể dứt,
Như trẻ con nghịch đất,
Còn thích còn giữ chơi,
Nếu khi đã phát chán,
Liên phá mà bỏ đi.*

Đó cũng gọi lia dục. Nhưng ngoại đạo dứt cùng chết dứt có khác. Chết dứt không sinh cõi Sắc, Vô sắc. Trẻ con bỏ đất tuy là cúng dường nhưng không quả báo lớn. Nếu cúng dường lia dục, ngoại đạo được quả báo lớn. Lời nói tuy đồng mà nghĩa thì khác. Cho nên biết phàm phu thật có dứt lia?

Đáp: Trong pháp ngăn chặn có sai khác. Nếu có thể ngăn phiền não sâu thì sinh 2 cõi Sắc, Vô sắc.

Lại nếu có thể ngăn thân kiến như trước đã nói lỗi, nếu không thể ngăn thân kiến cõi Dục làm sao có thể sinh cõi Sắc, Vô sắc. Chỉ có thể ngăn tham giận nên sinh cõi Sắc, không phải ngăn thân kiến v.v.... Cho nên biết phàm phu thật không dứt kết. Cõi Dục cũng có pháp thiện có thể ngăn phiền não, cho nên biết cõi Dục cũng có tu tuệ.

Lại trong kinh nói trừ 7 chỗ nương cũng được gọi là đắc đạo. Cho nên biết nương định cõi Dục có thể sinh chân trí.

Hỏi: Người này nương sơ thiền, cận địa được A-la-hán không phải định cõi Dục?

Đáp: Không phải. Nói trừ 7 chỗ nương là trừ cả sơ thiền và cận địa rồi.

Lại trong đó không có nhân duyên có thể nương cận địa mà không phải định cõi Dục. Nếu hành giả đó có thể vào cận địa thì tại sao không thể vào sơ thiền ư? Việc này cũng không có lý do.

Lại trong Kinh Tu-thi-ma nói: Trước là pháp trụ trí, sau là Nê-hoàn trí. Nghĩa này bắt tất trước được thiền

định mà sau mới hết lậu, chỉ quyết dùng pháp trụ trí làm đầu, rồi sau hết lậu. Cho nên biết trừ các thiên định. Trừ thiên định nên mới nói Kinh Tu-thi-ma. Nếu thụ cận địa, tức lỗi đồng các thiên.

Lại không có kinh nào nói tên cận địa. Đó là ông tự nhớ tưởng phân biệt mà thôi.

Hỏi: Trước tôi nói thí dụ cái nệm. Cho nên biết dùng địa khác có thể dứt kết địa khác. Như dùng cái nệm nhỏ có thể tháo cái nệm lớn. Cũng như vậy, dùng pháp ở cõi Sắc có thể dứt pháp ở cõi Dục. Hành giả, nếu trước dứt dục và pháp ác bất thiện, rồi sau có thể vào sơ thiên. Cho nên biết chắc có cận địa, dùng định dứt dục.

Lại nói nhân sắc lia dục. Nếu không cận địa làm sao nhân sắc?

Lại trong kinh nói: Nếu hành giả được vui tịnh thì có thể bỏ vui bất tịnh. Như Nan-đà nhân được thiên nữ yêu mới bỏ được bản dục.

Lại nếu người không được mùi vị sơ thiên tịch diệt thì với 5 dục không thể sinh tâm thô tẻ. Cho nên biết trước được sơ thiên cận địa mới có thể bỏ cõi Dục?

Đáp: Được tịnh thiện cõi Dục có thể dứt bất thiện, như nói 5 thứ xuất tính. Như Thánh đệ tử hoặc nghĩ 5 dục mà không sinh hỷ lạc, tâm không thông hòa như đốt gân lông, nếu nghĩ xuất pháp thì tâm thông suốt.

Lại nói hành giả tùy khi sinh giác quán bất thiện liền dùng giác quán thiện mà diệt. Cho nên ông nói thí dụ tháo cái nệm cũng có thể là cõi Dục.

Ông nói nhân sắc lia đục là việc sau cùng. Hành giả dùng ở cõi Dục dứt các phiền não, tùy theo thứ lớp dứt dần, cho đến có thể được thiện pháp cõi Sắc, bấy giờ mới dứt cõi Dục rồi rảo được pháp cõi Sắc.

Ông nói A-la-hán diệt tận định cũng được các định. Đó là chỉ nói quả cuối cùng.

Ông nói được vui tịnh diệu và vị tịch diệt, đều đã đáp chung.

Lại nếu cõi Dục không định, làm sao có thể dùng tán tâm chứng được thiện cõi Sắc?

Hỏi: Tuệ giải thoát, A-la-hán không định cũng chỉ có tuệ?

Đáp: Trong đó chỉ ngăn thiền định. Chắc phải có thời gian ngăn nhiếp tâm, cho đến một niệm. Như trong kinh Phật nói: Tì-kheo khi lấy áo có 3 độc, mặc áo rồi thì liền diệt. Không có kinh nào nói trong tâm tán loạn có thể sinh chân trí, mà đều nói nhiếp tâm sinh như thật trí.

Phẩm 195: Bốn trí vô ngại

Hỏi: Có thể trí cận pháp vị, đó là gì?

Đáp: Đó là trí trong noãn pháp v.v... có thể phá giả danh. Trí này dùng thế tục thấy đế lý, nên gọi thế trí. Gần Thánh đạo nên gọi cận pháp vị.

Hỏi: Trong kiến đế đạo là trí tu vị lai v.v...?

Đáp: Không có trí tu vị lai v.v... Sau sẽ nói. Bởi vì sao? Vì trong pháp pháp tướng không có tâm giả danh, cho nên trong kiến đế đạo không tu thế trí.

Hỏi: Trong kinh nói có 4 trí vô ngại, đó là gì?

Đáp: Như trí vô ngại trong danh tự gọi là pháp vô ngại, trí vô ngại trong ngôn ngữ âm thanh gọi là từ vô ngại nghĩa là khác phương khác tục nên âm thanh ngôn ngữ sai khác. Như trong kinh nói: Hành giả không nên đam mê ngôn từ của nước khác. Nếu ngôn ngữ âm thanh bất tiện cũng khó hiểu nghĩa. Nếu không có danh tự thì nghĩa không rõ được. Tức nơi ngôn từ này không lưu ngại, không cùng tận, gọi là lạc thuyết vô ngại. Như trong kinh nói: Có 4 lối nói pháp: Hoặc nói có nghĩa lý mà không thể vô tận, có thể vô tận mà không có nghĩa lý, có được cả 2, có cả 2 đều không được. Ba thứ trí này gọi là ngôn từ phương tiện. Trí vô ngại biết nghĩa trong danh tự ngôn ngữ gọi là nghĩa vô ngại.

Như nói có 4 lối nói pháp: Có nghĩa phương tiện không ngữ phương tiện. Có ngữ phương tiện không nghĩa phương tiện. Có đủ 2 phương tiện. Có cả 2 đều không phương tiện. Nếu ai có được 4 trí vô ngại đó gọi là đầy đủ phương tiện. Bậc trung thượng nói pháp khó đáp lại khó gần, lạc thuyết vô tận, cũng có nghĩa lý trí tuệ vô cùng ngôn từ không bị ngăn trệ.

Hỏi: Làm thế nào được trí vô ngại này?

Đáp: Nhờ nghiệp nhân duyên đời trước nên được. Nếu có thể đời đời khéo tu nhân duyên trí tuệ và phương tiện các âm, do sức tu tập nên đời nay tuy không học tập

văn tự, đọc tụng kinh điển nhưng cũng có thể biết được như thiên nhãn thông v.v....

Hỏi: Hạng người nào có thể được?

Đáp: Chỉ Thánh nhân có thể được. Có người nói chỉ A-la-hán được, không phải các học nhân. Đây bắt tất phải như vậy, học nhân cũng có thể được 8 thứ giải thoát, tại sao không thể được trí này?

Hỏi: Bốn vô ngại này ở trong cõi nào?

Đáp: Hai cõi Dục Sắc có tất cả, trong cõi Vô sắc chỉ có nghĩa vô ngại. Vô ngại có 2 thứ hữu lậu và vô lậu. Học nhân đủ 2 thứ, vô học chỉ có vô lậu. Nếu được thì nhất thời được hết. Nữ nhân cũng được. Như Tì-kheo-ni Đàm-ma-trần-na v.v...

Phẩm 196: Năm trí

Năm trí là Pháp trụ trí, Nê-hoàn trí, Vô tránh trí, Nguyễn trí và Biên tế trí.

Biết các pháp sinh khởi gọi là pháp trụ trí, như sinh duyên lão tử cho đến vô minh duyên hành. Bởi có Phật hay không Phật, tính này vẫn thường trụ nên gọi là pháp trụ trí. Pháp này diệt gọi Nê-hoàn-trí, như sinh diệt nên lão tử diệt cho đến vô minh diệt nên các hành cũng diệt theo.

Hỏi Nếu vậy là Nê-hoàn trí cũng gọi pháp trụ trí? Bởi vì sao? Vì nếu có Phật hay không Phật, tính này vẫn thường trụ vậy?

Đáp: Các pháp diệt hết gọi là Nê-hoàn. Trong diệt hết đó, còn có pháp gì mà trụ?

Hỏi: Nê-hoàn không phải thật có sao?

Đáp: Âm diệt không còn nên gọi Nê-hoàn. Trong đó còn có gì nữa?

Hỏi: Làm sao biết được thật có Nê-hoàn? Diệt để gọi là Nê-hoàn. Khổ v.v... các đế thật có, nên Nê-hoàn cũng phải thật có.

Lại trí trong Nê-hoàn gọi là diệt trí. Nếu không có pháp làm sao sinh trí?

Lại trong kinh Phật vì các Tì-kheo nói: Có sinh khởi làm pháp hữu vi, có không sinh khởi làm pháp vô vi.

Lại trong kinh nói: Chỉ có 2 pháp hữu vi và vô vi. Pháp hữu vi pháp có sinh diệt trụ dị. Pháp vô vi không sinh diệt trụ dị.

Lại trong kinh nói: Có bao nhiêu pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi diệt hết, chỉ Nê-hoàn đó là cao thượng.

Lại nói sắc là vô thường, diệt sắc nên Nê-hoàn là thường, cho đến thức cũng vậy.

Lại trong kinh nói: Diệt thì phải chứng. Nếu không pháp chứng cái gì?

Lại Phật nói trong Kinh Đa Tính: Người trí biết như thật, tính hữu vi và vô vi. Tính vô vi tức là Nê-hoàn, dùng chân trí mà biết, làm sao nói là không?

Lại trong các kinh không quyết định nói Nê-hoàn là vô pháp. Cho nên biết ông tự nhớ tưởng phân biệt bảo là không có Nê-hoàn?

Đáp: Nếu lia các ám lại pháp khác gọi Nê-hoàn đó, thì không nên gọi các ám diệt hết cho là Nê-hoàn.

Lại nếu có Nê-hoàn cần nói ra thể nó là thể nào?

Lại định duyên Nê-hoàn gọi là vô tướng, nếu pháp tướng vẫn còn đó sao gọi vô tướng được? Như trong kinh nói: Hành giả thấy sắc tướng dứt, cho đến thấy pháp tướng dứt.

Lại trong kinh nhiều chỗ đều nói: Tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Nê-hoàn tịch diệt. Ngã trong đó gọi là thể tính các pháp. Nếu không thấy thể tính của các pháp mà gọi là thấy vô ngã, hoặc Nê-hoàn thì pháp đó là không thể tính không thể thấy được, vì pháp này không diệt. Như khi có cái bình thì không có pháp cái bình hoại. Nếu khi cái bình hoại thì mới được nói bình hoại. Chặt cây v.v... cũng như vậy. Như vậy nếu các hành hãy còn bấy giờ không gọi Nê-hoàn, vì các hành diệt mới có tên Nê-hoàn.

Lại khổ diệt không gọi còn có pháp riêng. Như trong kinh nói: Các Tì-kheo! Nếu khổ này diệt các khổ khác không sinh, không còn nối nhau, chỗ đó là đệ nhất tịch diệt an ổn. Như nói lia bỏ tất cả thân tâm, vĩnh viễn lia diệt hết tham ái Nê-hoàn. Trong đó nói dứt khổ này các khổ khác không sinh, đâu còn có pháp gì gọi Nê-hoàn ư?

Lại cũng không riêng còn có tận pháp? Chỉ đã sinh ái, diệt chưa sinh, không sinh, bấy giờ gọi là tận, lại đâu còn có pháp gì gọi là tận ư? Thật không thể nói được!

Lại nữa, có tên khác của pháp này. Không có pháp 5 ám gọi là Nê-hoàn. Trong đó không có mà gọi là có, đây

là điều không thể được, vì diệt hết nên nói là Nê-hoàn. Giống như hết áo, lại không pháp khác, nếu không như vậy cũng phải riêng có pháp hết áo v.v....

Ông nói có diệt trí, cũng không hại gì, như trong việc chặt cây v.v... trí sinh cũng không riêng có pháp chặt.

Lại do các hành nên trí sinh trong đó, nghĩa là tùy các hành không gọi là Nê-hoàn, như tùy không có vật đó biết vật đó không có.

Hỏi: Nay không có Nê-hoàn sao?

Đáp: Chẳng phải không có Nê-hoàn, chỉ là không thật pháp. Nếu không có Nê-hoàn thì thường ở trong sinh tử hẳn không mong ngày giải thoát. Như bình bị vỡ cây bị chặt, chỉ có điều là không phải thật có pháp riêng.

Nói các đế khác v.v... đều đã đáp chung. Bởi vì sao? Vì có khổ diệt nên mới nói có các pháp không sinh, không khởi, không làm, vô vi v.v... đều không hại gì.

Vô tránh trí, là tùy dùng trí nào đó không tranh cãi cùng người khác gọi là vô tránh. Có người nói chính là tâm từ đó. Vì tâm từ nên không nào hại chúng sinh.

Lại có người nói chính là hành. Vì không hành nên không cùng tranh với vật.

Lại có người nói chính là tâm vui Nê-hoàn. Vì vui Nê-hoàn nên không tranh.

Lại có người nói ở trong đệ tứ thiên điều này bất tất như vậy. A-la-hán đó dùng trí này tu tâm nên không tranh cãi.

Nguyện trí, là đối với các pháp trí không chướng ngại gọi là nguyện trí.

Hỏi: Nếu nói như vậy chi Phật Thế Tôn có được trí này?

Đáp: Đúng vậy. Chi Phật Thế Tôn mới đầy đủ trí này. Còn người khác tùy sức đến đâu mà được không ngăn ngại.

Biên tế trí là tùy hành giả được trí tối thượng, nhờ tất cả thiên định huân tu tăng trưởng; như đối với mạng sống lâu tăng tồn v.v... được sức tự tại gọi là biên tế trí tức trí có giới hạn.

Phẩm 197: Trí 6 thông

Có trí 6 thông. Sáu thông là thân thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng và lậu tận.

Thân thông là thân hành giả tuôn ra nước lửa, bay bổng lên ẩn hiện, nắm bắt mặt trời mặt trăng, đến cõi Phạm Tự Tại và làm các thứ biến hóa. Làm các nghiệp như vậy gọi là thân thông.

Hỏi: Việc đó làm sao thành được?

Đáp: Hành giả tu sâu thiên định nên được. Như trong kinh nói sức thiên định là không thể nghĩ bàn.

Có người nói biến hóa là tâm vô ký. Điều này không đúng. Vì nếu hành giả đó vì lợi tha mà hiện các thứ biến hóa thì làm sao gọi vô ký được?

Có người nói dùng tâm cõi Dục làm biến hóa cõi Dục, tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Sắc. Lời đó cũng không đúng. Mắt v.v... cũng phải như vậy, có thể dùng thức cõi Dục thấy cõi Sắc ư? Như vậy v.v... nếu tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Dục đâu có lỗi chi?

Lại có người nói thần thông sơ thiên có thể đến cõi trời Phạm Thế, cho đến thần thông tứ thiên có thể đến cõi Sắc Cứu Cánh. Đó cũng không đúng. Tùy căn lực đến đâu, nếu người lợi căn dùng thần thông sơ thiên có thể đến tứ thiên. Người độn căn lấy thần thông nhị thiên không thể dùng sơ thiên. Như Đại Phạm Vương đến thiên trung gian, trong đó không thần thông, dùng sức sơ thiên có thể đến các cõi Phạm thiên khác, liền dùng sơ thiên không thể biết Phạm Vương ở chỗ nào.

Lại Phật dùng túc mạng nghĩ nhớ cõi Vô sắc, như trong kinh nói: Nếu có chỗ sinh đời trước trong cõi Sắc và Vô sắc Phật đều nhớ biết. Cho nên không nhất định.

Lại có người nói thiên nhãn là tuệ tính. Điều này cũng không phải. Thiên nhãn do ánh sáng mà thành, tuệ không phải như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói tu tướng ánh sáng có thể thành tri kiến. Tri kiến tức là thiên nhãn?

Đáp: Không phải. Cũng nói thiên nhĩ không dùng tuệ tính, gọi đó là nhĩ nên không phải tuệ.

Lại thiên nhãn duyên sắc hiện tại, ý thức không vậy.

Lại trong giải thích thiên nhãn nói là biết nghiệp báo chúng sinh. Nhãn thức không có năng lực này. Chỉ trong ý thức khi biết dùng nhãn thức mà sinh, như do thiên định sinh sắc gọi là thiên nhãn.

Hỏi: Hình chỗ thiên nhãn lớn hay nhỏ?

Đáp: Chùng bằng con người mắt.

Hỏi: Người mù thế nào?

Đáp: Cũng bằng chỗ mắt.

Hỏi: Thiên nhãn là một hay hai?

Đáp: Là hai.

Hỏi: Tùy ngó hướng nào thấy hướng đó sao?

Đáp: Thấy khắp các hướng.

Hỏi: Hóa nhân cũng có sao?

Đáp: Không có. Hóa nhân có luận thiên nhĩ cũng như vậy.

Hành giả nếu biết tâm người khác gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao không nói biết tâm số người khác?

Đáp: Vì nhân duyên này nên không có tâm số riêng. Biết thụ, tướng v.v... của người khác cũng gọi là tha tâm trí.

Lại có người nói trí này duyên đồng tính, như dùng hữu lậu biết hữu lậu, vô lậu biết vô lậu. Điều này không đúng. Người này không nói nhân duyên quyết định, do nhân duyên đó biết là duyên đồng tính.

Có người nói chỉ duyên hiện tại. Đó cũng không phải. Hoặc duyên vị lai như người vào định vô giác, biết từ định này khởi, sẽ biết những việc như vậy như vậy.

Có người nói trí này không biết kiến đế đạo. Việc này không đúng. Nếu biết có lỗi gì?

Có thuyết nói: Bích-chi-phật muốn biết kiến đế đạo trong tâm thứ 3, tức thấy tâm thứ 7. Thanh Văn muốn biết tâm thứ 3, tức thấy tâm thứ 16. Đó không gọi là kiến đế đạo ư?

Lại có người nói trí này không biết thượng địa, thượng nhân, thượng căn. Đó cũng không nhất định. Chư thiên cũng biết tâm Phật, như có một hôm Phật rất muốn đuổi chúng Tăng, rồi lại nghĩ cho lại, Phạm Vương đều biết.

Lại có một khi tâm nghĩ muốn làm vua để dùng chính pháp mà giáo hóa cõi đời. Ma vương liền biết đến mà khuyên mời.

Lại chư thiên cũng biết vị này A-la-hán, cho đến vị này đang tu Tu-đà-hoàn.

Lại các Tì-kheo cũng biết tâm Phật như khi sắp vào Nê-hoàn thì A-na-luật thứ lớp biết Phật đã vào các thiên định.

Lại có người nói trí này không biết cõi Vô sắc. Đó cũng không đúng. Phật dùng túc mạng có thể biết Vô sắc; tha tâm trí cũng như vậy, biết nào có lỗi gì?

Hỏi: Làm sao biết tâm người khác?

Đáp: Biết trong cảnh duyên. Như tâm đi trong sắc gọi là tâm duyên sắc v.v...

Hỏi: Nếu vậy thì tha tâm trí duyên tất cả pháp?

Đáp: Như vậy đó. Nếu không biết duyên làm sao biết tâm. Như trong kinh nói: Ta biết tâm ông như vậy.

Như vậy tức là duyên sắc v.v.... Biết tha tâm có 3 thứ: 1. Tướng biết. 2. Báo được. 3. Tu được.

Tướng biết, là như dùng chú Ương-già v.v... nên biết. Báo được, là như quý thần v.v.... Tu được, là sức tu thiên định được tha tâm trí. Trong 6 thông này nói tu được là hoặc nhớ các ám thân trong đời quá khứ gọi là túc mạng trí.

Hỏi: Nhớ ám của ai?

Đáp: Nhớ ám của mình, ám người khác và ám của phi chúng sinh. Tuy không thể nhớ ám của người hơn mình mà có thể nhớ giới v.v... các pháp của người hơn mình.

Làm sao biết được? Như Xá-lợi-phất đáp Thế Tôn rằng: Con tuy không biết tâm Phật quá khứ vị lai mà có thể biết các pháp đó.

Lại trời Tịnh Cư biết tâm Phật nên đến thưa Phật rằng: Như vậy Thế Tôn! Oai nghi chư Phật quá khứ cũng như vậy.

Hỏi: Trong giải nghĩa về túc mạng, vì sao nói cộng tướng cộng tính?

Đáp: Nghĩ nhớ rõ ràng nên nói tướng danh tự như vậy, như tên người v.v....

Lại vì biết việc nên gọi là tướng, họ, tên, dòng tộc, như nói đây là nhà của ông, đây là họ của ông. Tướng tính hợp lại nói, nên thấy biết rõ ràng.

Hỏi: Vì sao nhớ rõ ràng?

Đáp: Pháp quá khứ diệt hết, vô tướng mà có thể biết được, đó mới là lạ lùng.

Có người dùng tướng tư duy suy lường mà biết không được rõ ràng, rồi cho rằng đệ tử Phật cũng như vậy. Cho nên tính tướng hợp lại mà nói.

Có người dùng túc mạng trí, hoặc dùng hữu đạo tu tuệ mà biết đời quá khứ, như hành duyên thức. Trong 2 thứ này tư tuệ là hơn.

Bởi vì sao? Vì người này tuy biết 8 vạn đại kiếp, mà không có tư tuệ này, nên sinh tà kiến cho rằng từ trước đến nay gọi là sinh tử, quá đây lại không có gì cả. Hữu đạo tu tuệ hoàn toàn không có tà tâm này.

Có người nói trí này thứ lớp nghĩ nhớ quá khứ. Điều này không đúng. Nếu như niệm niệm thứ lớp nhớ việc trong một kiếp hãy còn khó biết hết, huống là vô lượng kiếp.

Hỏi: Vì sao trong kinh lại nói: Ta từ ở trong 91 kiếp đến nay chưa hề thấy bố thí tổn kém mà không quả báo?

Đáp: Phật ở trong đó lấy 7 Phật làm chứng.

Lại cũng có sống lâu trong cõi Tịnh Cư cùng với các Phật kia đồng thấy.

Lại vì Phật được chân trí nên công đức thanh tịnh, nếu người cúng dường được phúc 2 đời, cho nên ngang bằng với thuyết này.

Có người nói trí này không biết thượng địa. Điều này không đúng. Trong thân thông v.v... ở trên đã đáp.

Hỏi: Nếu đó là tính nhớ vì sao gọi trí?

Đáp: Nhớ tùy tướng sinh. Quá khứ không có tướng mà có thể nghĩ nhớ. Phải biết thắng tuệ gọi đó là nhớ.

Nhớ túc mạng có 3 thứ: 1. Dùng túc mạng trí. 2. Báo được. 3. Sinh ra liền tự nhớ.

Túc mạng trí là tu được. Báo được là như quý thần v.v.... Sinh ra tự nhớ là trong loài người.

Hỏi: Do nghiệp gì nên sinh ra bèn tự nhớ?

Đáp: Nhờ không não hại chúng sinh nên được nghiệp này. Bởi vì sao? Vì khi chết khi sinh, khổ rất ép ngặt nên quên mất nghĩ nhớ; trong khi đó khó mà được không quên mất, nên phải nhờ nghiệp thiện.

Lại có người nói quá khứ nhiều lắm là 7 đời. Điều này không nhất định. Có người đời đời thâm tu pháp không hại, nên có thể được nghĩ nhớ lâu xa.

Chúng lậu tận trí thông, chính là Kim cương Tam-muội. Kim-cương Tam-muội là hết lậu, vô ngại đạo tận trí là trí vô học. Dùng Kim cương Tam-muội mới diệt hết các lậu nên gọi là chúng lậu tận trí thông.

Hỏi: Các thần thông khác cũng nên nói nhờ pháp nào mà chứng được?

Đáp: Trước đã nói tu sâu thiền định chứng thần túc thông.

Lại tùy sở dụng chứng và việc sở chứng đều gọi thần thông. Có người nói tất cả Thánh đạo đều là phương tiện để hết lậu. Như trong kinh nói: Nếu Phật ra đời nếu có người thiện, nghe pháp xuất gia, vâng giữ cấm giới, bỏ 5 thứ ngăn che, tu định thấy đế... Những điều đó đều là phương tiện để hết lậu.

Lại có người nói bồ thí v.v... các pháp thiện cũng gọi là nhân duyên hết lậu, như trong kinh nói: Hành giả bồ thí để giúp thành hết lậu, không, vô ngã trí. Đó là thật chúng lậu tận trí thông. Pháp này có tên riêng là Kim cương Tam-muội. Có thể phá các tướng nên gọi kim cương. Các người ngoại đạo chỉ gọi 5 thông, vì đều không được chân trí này.

Hỏi: Dùng vô ngã trí mới phá ngã kiến, vì sao dùng trí này dứt tham giận v.v...?

Đáp: Vô ngã trí có thể diệt các tướng, vì không còn tướng nên các phiền não diệt.

Hỏi: Vì ban đầu dùng vô ngã trí có thể phá các tướng, còn trí thứ 2 v.v... lại dùng để làm gì?

Đáp: Các tướng tuy diệt mà sinh lại, nên phải dùng trí thứ 2 v.v....

Hỏi: Nếu tướng diệt rồi mà sinh lại thì vô cùng không biên giới. Vậy là không có đạo A-la-hán?

Đáp: Có biên giới. Như nay hiện thấy sữa diệt lại có sinh. Có khi sữa diệt bơ sinh. Như vậy là có biên giới. Tướng cũng như vậy. Như đốt sắt tướng đen diệt rồi sinh lại đến tướng đỏ sinh, bấy giờ là biên giới. Các thí dụ trạng thái Ca-la-la v.v... cũng như vậy. Tùy đến khi nào các tướng diệt hết không còn tướng sinh bấy giờ gọi là được đạo A-la-hán.

Hỏi: A-la-hán đều không có các tướng sao?

Đáp: Nếu còn ở trong tâm bất định, bấy giờ cũng có sắc v.v... các tướng, nhưng không sinh lỗi, như người thấy sắc, vì tà tâm, tà phân biệt, khi đó tướng có thể sinh lỗi.

Hỏi: Không vô ngã trí là thế nào?

Đáp: Nếu hành giả trong 5 ấm không thấy giả danh chúng sinh, dùng pháp không, nên thấy sắc thể diệt cho đến thức diệt. Đó gọi là không vô ngã trí.

Hỏi: Giả sử các pháp thường còn, ái v.v... các phiền não cũng có thể trừ hết. Như nói vạn vật thường tồn tại, mà người tinh tiến có thể trừ tham ái thì cần gì phải diệt tướng?

Đáp: Trong kinh nói: Có các sinh tướng, đều biết diệt tướng, trong các pháp được pháp nhãn tịnh. Nếu diệt dứt là rất ráo dứt. Có hành giả lìa các sắc dục, ngăn dứt tham giận, nên Phật nói vì đó mà nói kệ như vậy.

Lại nói các hành tính rộng không như huyễn, người phạm phu vô trí cho đó là thật có. Người học nhân rõ biết là hư dối như huyễn. Cho nên biết tùy dùng tuệ nào đó mà chứng các pháp diệt. Đó gọi là chứng lậu tận trí thông.

Phẩm 198: Trí nhãn

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu hành giả có 7 phương tiện, 3 thứ quán nghĩa, thì trong pháp đó chóng được hết lậu. Đó là trí nào ư?

Đáp: Bảy phương tiện là văn tuệ, tư tuệ. Bởi vì sao? Vì người tâm chưa định khởi quán như vậy: Đây là sắc, sắc nhóm, sắc diệt, và đạo diệt sắc, sắc đắm vị, tội lỗi xuất ly.

Hỏi: Nếu là văn tuệ tư tuệ, vì sao nói chóng được hết lậu?

Đáp: Tuy là văn tuệ tư tuệ như vậy phân biệt 5 âm, có thể phá được ngã tâm, nên mới nói chóng được hết lậu.

Ba thứ quán trí, là quán pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã. Nếu dùng pháp môn âm, giới, nhập mà quán pháp hữu vi thì không nghĩa lợi.

Hỏi: Nếu như vậy, trong lỗi trước đã nói vô thường, khổ, trong xuất ly đã nói vô ngã, thì vì sao còn nói 3 thứ quán này?

Đáp: Học tập 3 thứ quán, trước tiên là văn tuệ tư tuệ, rồi sau tuệ tu. Trước trong văn tuệ tư tuệ nói 7 thứ, sau trong tuệ tu nói 3 thứ.

Bởi vì sao? Nếu vô thường, khổ hoại tướng là hoại vô thường, chứ không phải hành vô thường. Tuy nói trừ dục nhiễm mà không nói trừ bằng cách nào, nên sau mới nói nghĩa 3 thứ quán.

Hỏi: Sao gọi 8 nhãn?

Đáp: Nếu có trí có thể phá giả danh, đó gọi là nhãn. Nhãn này là ở trong pháp noãn, đánh, nhãn và thế đệ nhất.

Hỏi: Hành giả cũng nhãn trong Phật Pháp Tăng và giới v.v... Vì sao chỉ nói 8?

Đáp: Vì thắng hơn nên nói. Thắng gọi là cận đạo. Tuệ là trí nên gọi nhãn. Như là khổ pháp trí gọi là khổ pháp nhãn, như vậy v.v.... Bởi vì sao? Vì trước dùng tư tuệ thuận đạo, sau được hiện trí, như người chặn voi trước xem dấu chân voi, dùng trí so sánh biết nó ở trong

đó, rồi sau mới hiện thấy. Hành giả cũng như vậy, trước dùng nhãn trí so sánh suy lường Nê-hoàn, rồi sau dùng trí hiện thấy. Cho nên kinh nói người biết, người thấy có thể được hết lậu.

Phẩm 199: Chín trí

Hỏi: Có luận sư nói: A-la-hán khi chứng tận trí được 9 thứ trí của thế tục là: buộc cõi Dục, thiện, vô ký cho đến thiện, vô ký cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải tất cả A-la-hán đều được hết các thiên định, làm sao được hết 9 trí?

Hỏi: Tất cả A-la-hán đều được thiên định chứ, có điều là không phải tất cả đều hiện vào được?

Đáp: Nếu không thể hiện vào, làm sao gọi là được? Như người nói tôi biết đọc sách vậy mà không biết một chữ. Điều này cũng vậy.

Hỏi: Nếu người lìa dục mà chưa có thể hiện vào sơ thiên, người đó mạng chung không sinh về đó sao?

Đáp: Trong kinh nói: Trước ở đây vào, sau mới sinh đó. Nay ở đây không vào làm sao mà sinh về đó được?

Hỏi: Như khi lìa dục các thiên quá khứ vị lai đều đã vốn được, mới được nhờ báo đó mà sinh?

Đáp: Nghiệp vị lai không làm, không khởi, nên không có quả báo được. Các thiên quá khứ đã từng sinh nơi tâm, nếu cùng với quả báo thì không hại gì.

Lại không nên được các nghiệp vị lai, nếu có thể được thì tất cả vị lai lẽ ra đều phải được chứ chướng ngại gì mà được không được?

Hỏi: Nếu pháp vị lai không thể được, thì người học nhân không nên thành tựu 8 phần, người vô học không nên thành tựu 10 phần.

Bởi vì sao? Vì nếu nương đệ nhị thiên v.v... vào chính pháp vị, thì người này vị lai mới được chính tư duy.

Lại nếu hành giả tận trí hiện tiền, bấy giờ vị lai được thể chính kiến.

Lại có người nương định Vô sắc được quả A-la-hán. Người này vị lai được chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng.

Lại nếu người nương đệ tam thiên v.v... được Thánh đạo được vị lai hỷ. Các pháp như vậy v.v... thì lẽ ra đều không. Cho nên biết có pháp vị lai.

Lại nếu không người tu vị lai, làm sao được quả các thiên định v.v...? Hành giả nếu ở trong đạo tứ trí, đều được quả nhiếp trong các trí các định, nếu không như vậy lẽ ra các quả đó thường được.

Bởi vì sao? Các quả đều phải được lúc hiện tiền. Điều này là không thể. Cho nên biết phải có người tu trong vị lai?

Đáp: Ông nói không các phần đó. Điều đó không hại gì. Bởi vì sao? Vì tôi nói giới v.v... các phần do thứ lớp mà được, đâu phải đồng thời được. Cho nên không phải nạn vấn làm gì.

Ông nói được các chủng loại đó. Hành giả khi được khổ trí, các loại trí khác đều gọi là được. Như được nhân chủng nên gọi là được nhân tướng, cũng không nói ở trong từng niệm lần lượt được nhân tướng. Điều này cũng như vậy.

Hỏi: Hành giả có các khổ v.v... các trí tuần tự được đó đều đã rời bỏ, lại đồng thời được quả Tu-đà-hoàn nhiếp được các trí?

Đáp: Các trí vô lậu được thì không mất.

Hỏi: Nếu trước được không mất thì được hành cũng không khác biệt. Bởi vì sao? Vì người được quả tức là hành giả. Có những lỗi này?

Đáp: Nếu không khác biệt, đâu có lỗi gì? Như người thành tựu cũng gọi hành giả. Đó cũng như vậy.

Lại người này còn được thắng pháp nên có sai biệt, cho nên không lỗi. Như người thụ 5 giới, rồi lại được luật nghi xuất gia cũng không mất giới đã thụ.

Lại người đắc quả không vì thấy đạo nên có sai khác. Như người tuy biết việc trước lại vì việc hơn trước nên có sai khác. Điều này cũng vậy, cho nên biết không có được vị lai.

Lại hành giả an trụ trí không vô ngã, bấy giờ làm sao được pháp thế gian? Cho nên biết khi được tận trí không được thế trí.

Hỏi: Các thế trí này cộng chung tận trí, được cùng với A-la-hán mà làm tâm xuất nhập định?

Đáp: Tâm A-la-hán nối nhau mà sinh niệm niệm đều thanh tịnh. Nếu lại được 9 trí thì nhân v.v... đều được nữa. Nếu không như vậy thì không nên chỉ được 9 trí.

Lại nói người tu vị lai đều không nhân duyên.

Bởi vì sao? Vì trong các thuyết kiến đế đạo này chỉ tu tương tự trí.

Trong tư duy đạo cũng tu tương tự và không tương tự.

Trong kiến đế đạo không tu thượng địa.

Trong tư duy đạo thì tu.

Trong đạo tỉ trí không tu thiện thế tục.

Trong các trí khác thì tu.

Trong vô ngại đạo không tu tha tâm trí.

Khi tín giải thoát chuyển làm kiến đến thì trong tất cả vô ngại giải thoát không tu thế tục đạo.

Khi thời giải thoát chuyển làm bất hoại giải thoát thì trong 9 vô ngại và 8 giải thoát đạo không tu thế tục đạo, mà trong giải thoát đạo thứ 9 thì tu.

Trong vi tế tâm không tu tất cả vô lậu.

Như vậy v.v... đều không nhân duyên. Cho nên ông nay hoặc nói chính nhân, hoặc nên tín thụ, hoặc lấy học tập làm tu, khi còn ở trong noãn pháp v.v..., các thiện căn trên tất cả đều tu, để đều được tăng ích. Như tụng tập kinh sách thì đều sáng tỏ. Cho nên khi còn ở trong noãn pháp v.v..., cho đến tận trí tất cả đều tu. Nếu không phải như vậy thì phải nói chính nhân.

Phẩm 200: Mười trí

Mười trí, là pháp trí, tỉ trí, tha tâm trí, danh tự trí, 4 đế trí, tận trí và vô sinh trí.

Biết pháp hiện tại gọi là pháp trí. Như trong kinh nói: Phật bảo A-nan: Ông đối với pháp này thấy biết như vậy, thông suốt như vậy, quá khứ vị lai cũng biết như vậy. Lẽ ra phải nói hiện tại pháp trí. Nay không nói hiện tại nên chỉ nói pháp trí. Như trong kinh nói: Người ngu quý pháp hiện tại, người trí quý vị lai.

Lại nói các dục hiện tại, các dục vị lai đều là lưới ma, bị ma trói ma buộc. Trong những câu như vậy v.v... đều nên nói tiếng hiện, nhưng vì lược bớt tiếng hiện nên chỉ nói có pháp trí.

Biết các pháp còn tàn dư gọi là tỉ trí. Tàn dư là các pháp quá khứ vị lai. Kế tiếp pháp hiện tại sau mới biết nên gọi tỉ trí.

Bởi vì sao? Vì trước hiện biết rồi rồi sau mới so sánh biết. Pháp trí gọi là hiện trí. Tùy theo pháp trí này mà tư duy suy lường so sánh biết gọi là tỉ trí.

Hỏi: Tỉ trí này là vô lậu trí, vô lậu trí làm sao gọi tỉ trí được?

Đáp: Thế gian cũng có tỉ trí.

Bởi vì sao? Vì pháp trí, tỉ trí, tha tâm trí, khổ trí, diệt trí và đạo trí đều có hữu lậu, vô lậu. Các trí này ở trong pháp noãn v.v... là hữu lậu mà vào trong pháp vị mới được gọi vô lậu.

Hỏi: Có người nói biết các hành cội Dục: các hành tập, các hành diệt, các hành diệt đạo, gọi là pháp trí. Biết các hành 2 cội Sắc, Vô sắc 4 thứ gọi là tỉ trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Trong kinh nói Phật bảo A-nan rằng trong đời quá khứ vị lai cũng biết như vậy, chứ không có kinh nói biết các hành trong 2 cội Sắc và Vô sắc gọi là tỉ trí.

Lại trong kinh nói: Hành giả nên nghĩ: Ta nay đang bị hiện sắc xâm thực, quá khứ cũng đã từng bị sắc xâm thực, trong vị lai cũng sẽ bị sắc xâm thực.

Lại trong kinh nói: Sinh duyên già chết, trong đời quá khứ, vị lai cũng như vậy. Như Bồ-tát Mã Minh nói kệ:

*Như hiện tại lửa nóng,
Khứ lai lửa cũng nóng.
Hiện tại 5 ấm khổ,
Khứ lai ấm cũng khổ.*

Các khổ như vậy v.v... các Đại luận sư cũng đều nói như vậy.

Lại biết pháp đời quá khứ vị lai gọi là tỷ trí, cũng có đạo lý.

Bởi vì sao? Vì hành giả đối với khổ quá khứ vị lai hiện tại đều chán lìa. Chán lìa là ở trong pháp đó sinh chân trí tuệ. Như hành khổ hiện tại, thì các hành khứ lai cũng khổ như vậy. Nay dùng trí nào biết pháp quá khứ vị lai? Như pháp trí này, các hành cội Sắc, Vô sắc cũng có khứ lai, cái biết trong đó cũng phải gọi pháp trí. Vậy thì chỉ là pháp trí không có tỷ trí. Nếu hành trong khứ lai cội

Sắc Vô sắc riêng có trí đó, thì hành khứ lai trong cõi Dục lẽ ra cũng phải riêng có trí đó?

Vì những nghĩa này nên các luận sư nói: Có được, chưa được nên thứ lớp thấy để. Khổ cõi Dục gọi là được. Khổ cõi Sắc và Vô sắc gọi là chưa được. Cho nên không thể đồng thời đều biết hết. Nếu khổ chưa được, dùng tỷ trí mà biết. Nay trong cõi Dục chỗ chưa được khổ, cũng nên dùng tỷ trí mà biết.

Hỏi: Dùng trí nào để dứt kết đạo?

Đáp: Chỉ nên dùng pháp trí, tỷ trí ở trong phương tiện đạo.

Hỏi: Dùng pháp trí gì?

Đáp: Dùng khổ pháp trí diệt pháp trí.

Bởi vì sao? Vì hành giả khi quán vô thường, khổ thấy không, vô ngã, bấy giờ chúng các hành diệt. Các trí khác đều là phương tiện.

Hỏi: Quán khổ nào diệt?

Đáp: Quán các thụ khổ. Trong đó có thể sinh ngã tâm. Cho nên cũng ở trong đó thấy diệt. Như nói nội giải thoát. Cho nên các ái diệt hết, tự nói được A-la-hán.

Hỏi: Trong kinh không nói tất cả hành dứt gọi dứt tính ư?

Đáp: Hành giả này vì chúng nội diệt, nên chán lìa tất cả.

Lại hành giả quyết phải chúng nội diệt, ngoài ra không cần phải nhất định.

Hỏi: Ở trong các đế, trí sinh như thế nào?

Đáp: Biết sinh khổ v.v... sinh.

Hỏi: Đó không phải định tâm làm sao sinh trí được?

Đáp: Có phép quán như vậy. Cũng có ám vô thường các lỗi sinh tướng khổ, vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu pháp vô thường tức là vô ngã.

Bởi vì sao? Vì mắt v.v... các căn có sinh có diệt. Nếu đó là ngã, ngã tức sinh diệt, nên biết không phải ngã. Khi mắt v.v... sinh không từ đâu đến, vì có sở tác mới gọi là ngã, mà trong kinh nói không có tác giả, cho nên biết nếu pháp vô thường tức là vô ngã. Như vậy hành giả khéo tu vô thường và vô ngã, nên thân tâm được tịch diệt, có sinh bao nhiêu hành đều giác biết cái não hại của chúng mới sinh tướng khổ, như bò không da, chạm một chút là biết đau. Hành giả cũng vậy, nhờ tướng vô ngã nên thành tướng thượng khổ. Người ngu vì tướng ngã nên dù bị đại khổ vẫn không biết nó não hại. Đó gọi là khổ trí.

Thấy các hành sinh gọi là tập trí. Thấy các hành diệt gọi là diệt trí. Niệm đạo thủy chung gọi là đạo trí.

Hỏi: Sao gọi là tận trí?

Đáp: Hết tất cả tướng nên gọi tận trí.

Bởi vì sao? Vì học nhân tướng dứt rồi sinh lại. Còn đây dứt rồi rất ráo nên gọi tận trí. Như trong kinh nói nếu biết tướng vọng chỉ là vọng tướng thì các khổ hết. Tâm trí học nhân chỉ lấy vọng tướng làm ngã, dứt hẳn tâm đó gọi là tận trí. Như trong kinh nói: A-la-hán ở trước Phật tự nhớ lời Thế Tôn nói các kết ta không còn nữa. Ta đối

kết đó không còn sinh nghi. Ta thường nhất tâm nhiếp chính niệm chính hành, tham v.v... bất thiện không lọt vào tâm. Trong đó lấy tướng nên sinh các kết, các tướng dứt nên các kết dứt. Học nhân hành nơi tướng vô tướng, nên ngã tâm thình thoảng phát khởi. Như thấy gốc cây trơ trụi nghi là người. Cho nên chỉ A-la-hán độc nhất được không nghi, vì tâm thường hành trong vô tướng cho nên hiện chúng sinh không. Trong 5 ám không thấy thần ngã. Sau do pháp không, nên không thấy sắc tính cho đến thức tính. Cho nên biết tất cả tướng gọi là tận trí.

Biết các tướng không sinh gọi là vô sinh trí. Học nhân dứt tướng hết rồi sinh lại. Người vô học tướng hết rồi không sinh nữa. Nếu có thể khiến các tướng diệt hết không còn sinh lại, bấy giờ gọi là vô sinh trí.

Hỏi: Học nhân cũng biết có tận trí vô sinh trí, như nghi: Ta hết 3 kết không còn sinh lại. Vì sao không nói 10 phần thành tựu?

Đáp: Học nhân không dứt tất cả tướng, nên không nói có tận trí vô sinh trí, như người bị trói cột khắp mình, tuy mở được một chỗ nhưng không gọi đã được thoát. Cũng có nghĩa như thế này: Xá-lợi-phất nói họ Cấp Cô Độc 10 phần thành tựu.

Lại A-la-hán được sức tự tại nên tự biết kết hết không còn sinh lại. Học nhân không được như vậy.

Lại A-la-hán khi được vô học đạo có thể tự biết hết tất cả sinh, gọi là tận trí. Người thành tựu Phạm hạnh là xả các học hành. Người việc làm đã làm xong là các việc đáng làm đều đã làm xong, biết thân từ đây không còn

nổi nhau luôn nữa. Cho nên biết chi A-la-hán đối với tất cả việc làm phải được tự tại thành tựu tận trí và vô sinh trí, chứ không phải các người học nhân, ví như người bị bệnh sốt rét tuy lúc không phát nhưng không gọi là người lành bệnh. Như trong kinh nói: Liệt tất cả chỗ hỷ, diệt tất cả chỗ ưu, chứng tất cả pháp diệt, thường tu tâm vô lậu.

Tha tâm trí, là như trong 6 thông nói 5 âm hòa hợp giả danh chúng sinh. Các tên trí trong đây gọi là danh tự trí, vô lậu trí, chân thật trí. Tương tự vô lậu này được gọi là trí, nên gọi danh tự trí.

Hỏi: Có người nói tất cả chúng sinh thành tựu các trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu đệ tử Phật có thể biết các pháp do nhiều duyên sinh, người đó có thể được, chứ đâu phải chúng sinh khác. Nhờ được tên trí nên tất cả chúng sinh chỉ dùng tưởng mà biết, nếu được trí này gọi là nội phạm phu.

Phẩm 201: Bốn mươi bốn trí

Hỏi: Trong kinh nói 44 trí là: lão tử trí, lão tử tập trí, lão tử diệt trí, lão tử diệt đạo trí, sinh, hữu, lấy, ái, thụ, xúc, 6 nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy. Vì sao nói như vậy?

Đáp: Nê-hoàn là chân pháp quý báu, nên dùng nhiều cửa để vào: Có dùng cửa 5 âm mà vào, hoặc quán giới, nhập, nhân duyên và các đế. Các cửa như vậy đều đến Nê-hoàn.

Làm sao biết được? Như trong kinh nói: Vua ở trong thành, có 2 sứ giả đến do mỗi người vào mỗi cửa. Đến rồi yết kiến nhà vua và tâu bày sự thật; tâu xong lui về. Người vào các cửa khác cũng vậy.

Trong đó vua dụ cho hành giả, các cửa là quán âm giới nhập v.v..., 2 sứ giả là như pháp Chi và Quán. Người tâu bày sự thật là thông đạt chân không. Các sứ giả này tuy từ các cửa vào nhưng đều đến một chỗ. Như vậy tuy quán âm giới nhập v.v... các môn phương tiện nhưng đều vào Nê-hoàn. Như La-hầu-la nói: Khi ở một mình chỗ vắng suy nghĩ pháp, biết pháp như vậy đều tùy thuận hướng về và ngợi khen Nê-hoàn.

Lại Phật ca ngợi pháp rằng: Pháp này có thể tắt lửa phiền não nên gọi là diệt có thể khiến hành giả tâm được yên ổn, nên gọi là yên ổn, có thể khiến hành giả đến Chính biến tri nên gọi là đến. Những nghĩa như vậy đều ca ngợi Nê-hoàn.

Lại Phạm hạnh là 8 con đường chính. Trong 8 con đường chính, chính trí là cao hơn, mà quả của chính trí là Nê-hoàn.

Lại Phật nói ra giáo pháp đều vì Nê-hoàn. Cho nên biết các cửa 5 ấm v.v... đều đến Nê-hoàn.

Hỏi: Có luận sư nói lão tử trí là khổ trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì trong đó không nói khổ hành, nên không phải khổ trí.

Hỏi: Vậy thì đó là trí nào?

Đáp: Đó gọi là lão tử tính trí.

Hỏi: Cũng nói biết lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo. Nên biết phải là khổ trí?

Đáp: Đó là nhân duyên môn, không phải chân đế môn. Cho nên trong đó không nên nói khổ hành, mà nên nói tập v.v... vì thuận với nhau hơn.

Hỏi: Trong đó vì sao không nói các trí vị, quá, xuất v.v...?

Đáp: Các nghĩa đó đều có, chỉ vì người kết tập kinh lược bớt nên không nói.

Phẩm 202: Bảy mươi bảy trí

Hỏi: Trong kinh nói 77 trí là sinh duyên lão tử, không lia sinh mà có lão tử. Trong 2 đời quá khứ vị lai cũng như vậy. Đó là pháp trụ trí, quán vô thường, hữu vi tạo tác khởi do nhiều duyên sinh. Tận tướng, hoại tướng, ly tướng, diệt tướng cũng quán như vậy. Cho đến vô minh duyên hành cũng như vậy. Vì sao trong đó không nói lão tử tính và diệt đạo v.v...?

Đáp: Vì người có trí sắc bén nên nói như vậy. Chỉ mở cửa là có thể biết, pháp khác cũng như vậy.

Lại ngoại đạo phân nhiều đối với pháp nhân duyên nói lầm rằng vạn vật thế gian là do thế tính v.v..., nên Phật ở đây chỉ nói nhân duyên.

Hỏi: Đã nói sinh duyên lão tử, vì sao lại nói không lia?

Đáp: Là nói quyết định, vì trong các pháp có nhân bất định. Như bố thí là nhân phúc, mà trì giới cũng được

phúc, như nói trì giới được sinh lên trời. Hoặc có người sinh ý nghĩ lão tử nhân duyên sinh, hoặc không nhân duyên sinh, nên phải nói quyết định.

Hỏi: Vì sao trong đời quá khứ vị lai lại phải nói quyết định?

Đáp: Hiện tại với quá khứ có tướng khác, nghĩa là chúng sinh đời quá khứ thọ mạng vô lượng, uy thế đồng với chư thiên. Có những điều như vậy, sợ e người nghĩ rằng thọ mạng v.v... khác với lão tử, nên nhân duyên cũng phải khác, nên phải nói quyết định. Vị lai cũng vậy. Sáu thứ này gọi là pháp trụ trí, ngoài ra gọi Nê-hoàn trí. Có thể khiến lão tử nói nhau luôn, nên gọi vô thường hữu vi tác khởi, do nhiều duyên sinh. Tận tướng, hoại tướng tức là vô thường hành. Ly tướng tức là khổ hành. Diệt tướng tức là không vô ngã hành.

Bởi vì sao? Vì trong đó sắc tính diệt, thụ tướng hành thức tính diệt tức là nghĩa của 3 thứ quán. Như trong kinh nói: Tì-kheo có 7 chỗ phương tiện, 3 thứ quán nghĩa, chóng được hết lậu. Đó đều là Nê-hoàn trí. Như vậy v.v... nhân duyên trí có trăm ngàn vô lượng, nghĩa là nhãn trí v.v..., như trong kinh nói: Mắt duyên nghiệp, nghiệp duyên ái, ái duyên vô minh, vô minh duyên tà niệm, tà niệm duyên nhãn sắc, các lậu duyên tà niệm, các ăn duyên ái, 5 dục duyên ăn đoàn thực v.v..., địa ngục đoàn mạng duyên sát sinh v.v.... Nếu trước khổ nay khổ đều duyên vọng tưởng, vọng tưởng duyên thân tâm yêu ghét, yêu ghét duyên tham dục, tham dục duyên tà tư duy. Cứ như vậy v.v... các nhân duyên trí vô lượng vô biên, tự phải biết lấy./

THÀNH THẬT LUẬN
(Quyển 16 hết, trọn bộ)